

Công ty trách nhiệm hữu hạn
Nhà máy ô tô “GAZ”

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG XE BUÝT

GAZelle *next*

© GAZ, PAO (Công ty cổ phần đại chúng) 2018

In lại, sao chép lại hoặc dịch, một phần hoặc toàn bộ tài liệu cần có sự đồng ý bằng văn bản từ GAZ, PAO.

GIỚI THIỆU

Cảm ơn bạn vì đã mua sản phẩm xe “GAZelle Next”!

Tin cậy và tiện nghi, các sản phẩm xe thuộc dòng “Gazelle Next” được thiết kế để hoạt động trên mọi địa hình trong các điều kiện khí hậu khác nhau.

Hiệu năng và độ tin cậy cao của xe và việc giảm thiểu công sức bảo dưỡng phụ thuộc nhiều vào việc quy trình sử dụng và bảo quản có được tuân thủ hay không. Do đó, chúng tôi khuyến nghị đọc hết cuốn Hướng dẫn sử dụng này, ghi nhớ và làm theo các khuyến cáo của chúng tôi để vận hành và bảo dưỡng xe đúng cách.



NGUY HIỂM!

Biểu tượng này đánh dấu các quy tắc sử dụng xe cơ bản, sẽ có ảnh hưởng tới sự an toàn của bạn, của hành khách và người đi đường. Luôn luôn tuân thủ các quy định này!



CHÚ Ý!

Biểu tượng này đánh dấu các cảnh báo hoặc thông tin cụ thể về sử dụng xe, phương pháp và quy trình đúng cho một số hoạt động bảo dưỡng và phát hiện vấn đề và một số các đề xuất khác. Tuân thủ theo các khuyến cáo này sẽ giúp tránh gây hư hại cho xe.

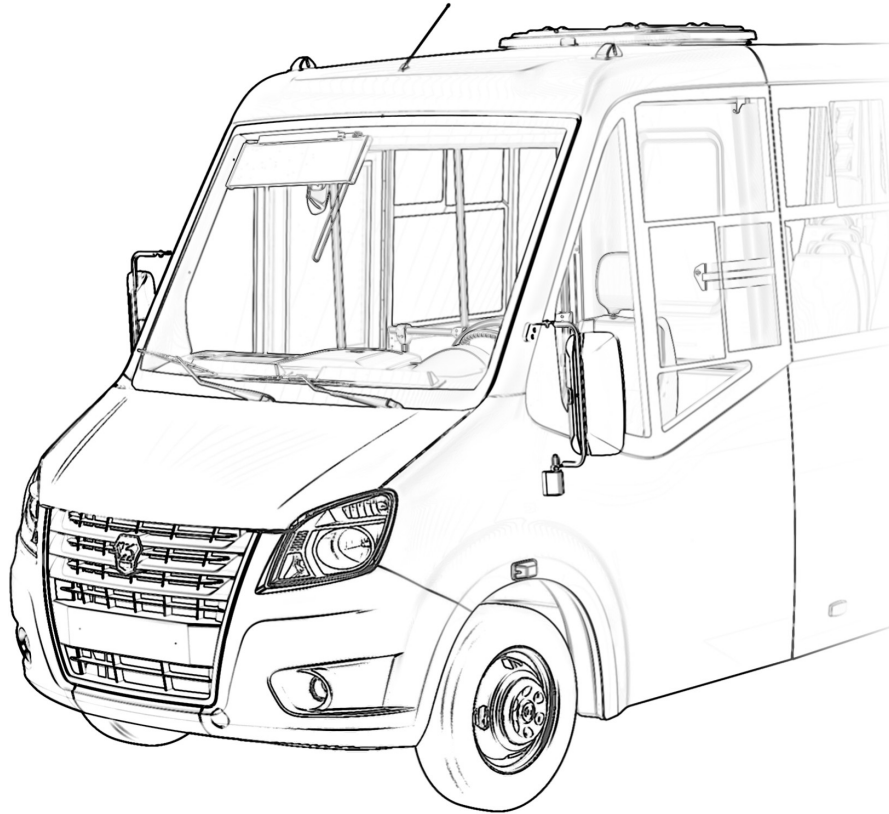
Sách hướng dẫn sử dụng này mô tả cấu hình xe hoàn chỉnh nhất, do đó, một số thiết bị nhất định có trong Hướng dẫn sử dụng có thể bị thiếu trên xe của quý vị vì không được cung cấp cho một số phiên bản hoặc kết cấu.

Thiết kế xe hiện đang được cải tiến liên tục; do đó, một số thông tin và số liệu có trong ấn phẩm này có thể hơi khác so với thực tế trên xe của bạn và sẽ không cấu thành căn cứ để khiếu nại.

Bảo dưỡng xe định kỳ theo Sổ tay hướng dẫn này và Sổ bảo hành là điều kiện tiên quyết để vận hành không gặp sự cố.

Chúc bạn lái xe an toàn!

TRƯỚC KHI VẬN HÀNH



CHÌA KHÓA



Mỗi xe được trang bị một bộ chìa khóa.

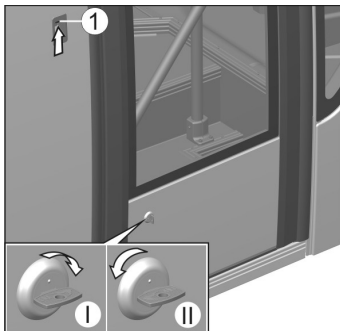
Bộ khóa bao gồm hai chìa vạn năng 1 cho khóa cửa khẩn cấp phía sau và công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động cũng như chìa khóa phụ 2 cho khóa cửa phía trước.

Số chìa khóa cho khóa cửa khẩn cấp phía sau và công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động được chỉ định trên thẻ 3. Số chìa khóa cho khóa cửa phía trước được chỉ định trực tiếp trên các chìa khóa.

MỞ VÀ KHÓA Ô KHÓA CỬA, BẠC LÊN XUỐNG CÓ THỂ THU VÀO

Đảm bảo an toàn cho xe khi đỗ, vận hành và cửa khẩn cấp được trang bị các thiết bị khóa hoạt động chính.

Cửa phía trước



Mở:

- Đưa chìa khóa vào lỗ của công tắc khóa và xoay hết sang bên phải (vị trí I).
- Rút chìa khóa.
- Mở cửa bằng cách nhấn nút 1 trên thanh bên gần cửa.

Khi cửa mở, đèn cửa sẽ tự động bật.

Khóa:

- Đóng cửa bằng nút 1, đưa chìa khóa vào lỗ công tắc khóa, xoay hết sang trái (vị trí II).
- Rút chìa khóa.

Lưu ý: Khi công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động ở vị trí I, bạn có thể mở và đóng cửa bằng nút 1 (các chức năng bị chặn).

Mở cửa phía trước từ ghế lái xe, nhấn nút 1 và giữ nó trong ít nhất 1 giây. Khi cửa mở, đèn cửa được bật, cũng như báo động cửa mở trên cụm đồng hồ (công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động ở vị trí I). Sau 15 giây, đèn sẽ tự động tắt nếu cửa không đóng. Nhấn nút lần nữa khi cửa đang mở sẽ đóng lại.

Để đóng cửa, nhấn nút 1. Nhấn nút lần nữa khi cửa đang đóng sẽ mở.



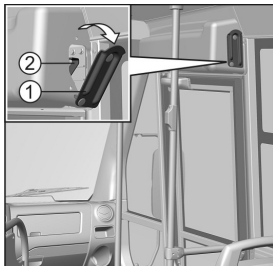
CHÚ Ý!

Đề tránh làm hỏng cửa và ổ đĩa cửa, không để cửa chạm vào chướng ngại vật khi mở.



CHÚ Ý!

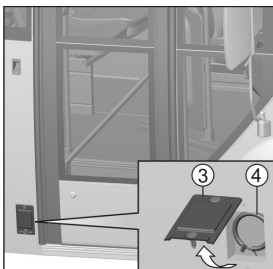
Khi xe đang di chuyển với tốc độ lớn hơn 5 km/h, việc mở cửa bị chặn hoặc cửa bị đóng trong trường hợp mở..



Truyền động điện phải khóa an toàn cửa ở vị trí đóng.

Mở cửa phía trước từ bên trong trong trường hợp khẩn cấp, hãy mở nắp bảo vệ 1 đặt ở thành sau của ổ đĩa phía trên cửa, kéo xuống cần gạt khẩn cấp 2 và giữ, mở cửa bằng tay, tại đồng thời bạn sẽ nghe thấy tín hiệu âm thanh cho biết cửa đã được mở khóa.

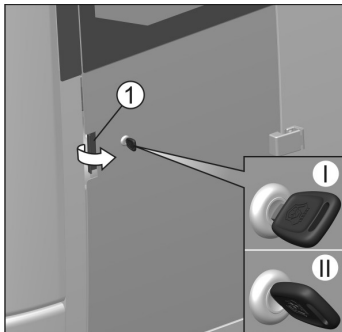
Mở cửa phía trước từ bên ngoài trong trường hợp khẩn cấp, hãy mở nắp bảo vệ 3 khỏi thanh bên, rút cáp mở khẩn cấp 4 và trong khi giữ, hãy mở cửa bằng tay. Chế độ mở khẩn cấp bị ngắt khi cáp 4 được tháo ra.



CHÚ Ý!

Để đảm bảo an toàn, trong trường hợp cửa phía trước kẹp một hành khách đang lên xuống, cửa sẽ tự động mở.

Cửa khẩn cấp phía sau



Mở:

- Đưa chìa khóa vào lỗ của công tắc khóa và xoay hết sang bên phải (vị trí I).
- Trả lại chìa khóa về vị trí ban đầu và rút ra.
- Mở cửa bằng cách kéo tay cầm 1.

Khóa:

- Đóng cửa, đưa chìa khóa vào lỗ công tắc khóa và xoay hết sang trái (vị trí II).
- Trả lại chìa khóa về vị trí ban đầu và rút ra.

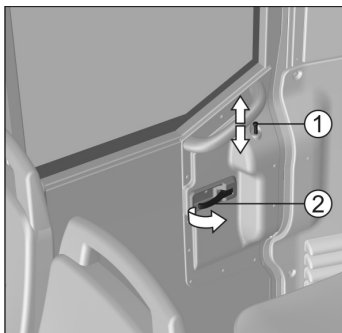
Từ bên trong, khóa cửa có thể bị chặn bằng cách nhấn nút 1. Khi nút 1 được hạ xuống, cửa không thể được mở từ bên ngoài.

Để mở một cánh cửa bị chặn từ bên trong, hãy nâng nút khóa 1 lên và sau đó kéo tay cầm 2 về phía bạn.

Khi cửa khẩn cấp phía sau mở hoặc đóng không hoàn toàn, đèn cảnh báo cửa mở sẽ sáng lên trên cụm thiết bị, kèm theo tín hiệu âm thanh. 

Bậc lên xuống có thể thu vào

Bậc lên xuống có thể thu vào được lắp đặt trên xe để đảm bảo sự thuận tiện cho hành khách trong khi lên hoặc xuống.



Bậc lên xuống tự động mở rộng khi cửa phía trước bắt đầu mở và rút lại sau khi đóng.



CHÚ Ý!

Nên giữ các nút khóa cửa ở vị trí nâng lên khi lái xe để tạo điều kiện cho người lái xe và/hoặc hành khách sơ tán trong trường hợp khẩn cấp.



NGUY HIỂM!

Nghiêm cấm vận hành xe khi cửa mở hoặc đóng không hoàn toàn. Bạn có thể lái xe, ngay cả ở tốc độ tối thiểu, chỉ với cửa điều khiển có thể thu vào được rút lại hoàn toàn. Khi được mở rộng, cửa điều khiển của xe đang di chuyển có thể gây thương tích cho những người xung quanh và trong trường hợp tiếp xúc với chướng ngại vật, các bộ phận của cửa điều khiển có thể bị vỡ hoặc bị hỏng.

GHẾ NGỒI

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên điều chỉnh ghế lái như sau:

- *Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh chỗ ngồi cho thoải mái nhất, bạn hoàn toàn có thể nhấn bất kỳ bàn đạp nào của xe;*
- *Đặt độ nghiêng của tựa lưng để bạn có thể vào nấc răng thứ năm mà không cần ngả lưng ra khỏi tựa lưng của ghế.*



NGUY HIỂM!

Đề tránh trường hợp khẩn cấp, không điều chỉnh ghế lái trong khi xe đang di chuyển.

Ghế lái xe

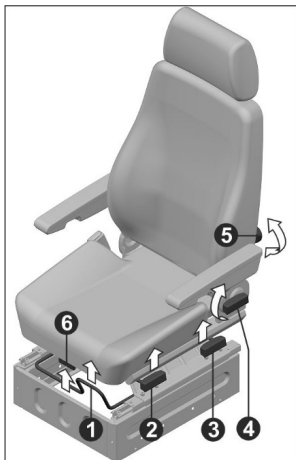
Tùy thuộc vào cấu hình xe buýt, ghế lái có thể được trang bị hệ thống sưởi ghế điện, điều chỉnh độ cứng của trụ đỡ tựa lưng và điều chỉnh vị trí dọc của đệm.

Góc của tựa tay có thể được điều chỉnh bằng cách xoay bánh vặn nằm ở phần dưới phía trước của tựa tay.

Ghế có các điều chỉnh sau:

- Theo chiều dọc;
- Chiều cao phía trước của đệm ghế;
- Chiều cao phía sau của đệm ghế;
- Góc nghiêng tựa lưng;
- Trụ đỡ cứng thắt lưng;
- Đường dọc đệm

Để di chuyển ghế theo chiều dọc, kéo núm điều chỉnh theo chiều dọc 1 và chọn vị trí mong muốn của ghế. Sau khi điều chỉnh, đảm bảo ghế đã được cố định đúng vị trí.



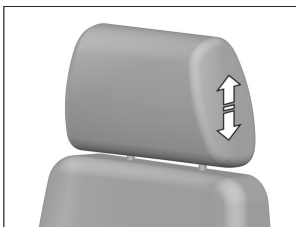
Để điều chỉnh chiều cao ghế trước hoặc sau, lần lượt nâng cần số 2 hoặc 3 và đặt chiều cao mong muốn của ghế trước hoặc sau liên tiếp.

Để điều chỉnh góc nghiêng tựa lưng ghế, xoay cần số 4 như trong hình và chọn độ nghiêng tựa lưng mong muốn.

Để điều chỉnh độ cứng của giá đỡ tựa lưng thắt lưng, xoay núm 5 như trong hình và chọn độ cứng mong muốn của giá đỡ thắt lưng

Để điều chỉnh chuyển động theo chiều dọc của đệm, nâng núm 6 như trong hình, và, không nhả ra, thực hiện điều chỉnh, sau đó nhả núm.

Chiều cao của **tựa đầu ghế lái xe** là có thể điều chỉnh.



Để điều chỉnh tựa đầu, dùng tay giằng tựa đầu và di chuyển nó (lên hoặc xuống) sao cho phần sau của đầu nằm đối diện với phần trung tâm của ghế.

Ghế hành khách



A63R42/A63R43



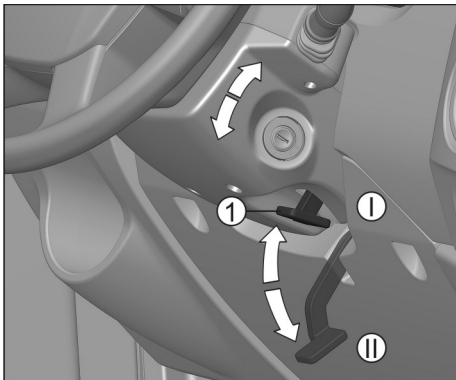
A64R42/A64R43

Mười tám ghế nửa mềm được trang bị tựa tay an toàn (trừ hàng ghế sau) được lắp đặt trong khoang hành khách.

Ghế của xe A63R42/A63R43 được trang bị dây đai an toàn.

Ghế của xe A64R42/A64R43 không có dây an toàn, ghế trước bên phải dành cho hành khách ưu tiên. Ghế cũng trang bị sẵn dây đai.

TRỤ LÁI



Trụ lái có thể điều chỉnh độ nghiêng.

Để điều chỉnh trụ lái, kéo cần gạt khóa trụ lái 1 xuống (vị trí II), thiết lập vô lăng vào vị trí thuận tiện rồi kéo cần gạt lên hết cỡ (về vị trí I ban đầu) để khóa trụ lái.

Chỉ điều chỉnh vô lăng sau khi bạn đã điều chỉnh ghế tài xế.

Điều chỉnh vô lăng sao cho có thể với tới phần bên trên dễ dàng khi tay ở tư thế hơi cong.



NGUY HIỂM!

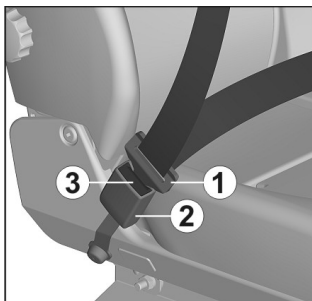
Để tránh trường hợp khẩn cấp, không điều chỉnh trụ lái trong khi xe đang di chuyển.

DÂY ĐAI AN TOÀN

Dây an toàn là biện pháp hiệu quả để bảo vệ tài xế và hành khách tránh khỏi các hậu quả nghiêm trọng từ tai nạn giao thông.

Ghế lái được trang bị dây an toàn ba điểm (đai đeo chéo và quanh hông) có bộ tự rút quán tính.

Các ghế hành khách trong khoang xe A63R42/A63R43 được trang bị dây đai an toàn ngang, có bộ tự rút quán tính và không cần điều chỉnh chiều dài thủ công.



Để khóa dây an toàn, kéo từ từ (không giật) dây thắt lưng ở lưỡi khóa 1 sao cho độ dài dây qua ngực và hông là gần như nhau, và nhét lưỡi khóa vào khóa 2 tương ứng cho tới khi nghe tiếng cách.

Phần dây an toàn trên nên đi qua tâm vai, nhưng không được đi qua cổ hoặc cánh tay dưới, và nên vừa thoải mái với thân trên.

Phần dây an toàn ở đùi nên ở càng thấp càng tốt và nên vừa chặt với hông. Nếu không, thả dây khỏi khóa và kéo.

Để thả dây an toàn, bấm nút màu đỏ 3 trên khóa tương ứng. Lưỡi khóa sẽ được lò xo đẩy ra. Cầm lưỡi khóa đẩy dây ngược lại bằng tay để cho cơ chế cuộn lại dây dễ dàng hơn.

Phụ nữ mang thai cũng phải đeo dây an toàn. Xin hãy lưu ý rằng dây an toàn phải được đặt sao cho tránh gây áp lực cho bụng. Dây đùi nên được đặt dưới bụng.



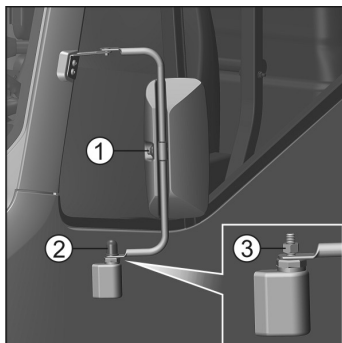
CHÚ Ý!

Các dây an toàn đã từng phải chịu tải nghiêm trọng do tai nạn giao thông, hoặc các dây an toàn có vết xước, rách hoặc các hư hại khác phải được thay bằng bộ dây an toàn mới đầy đủ.

Không được phép thay đổi dây an toàn.

Không được phép thắt một dây an toàn cho hai người, và đặc biệt không được thắt dây an toàn cho trẻ ngồi trên đùi hành khách.

GIỜNG CHIẾU HẬU

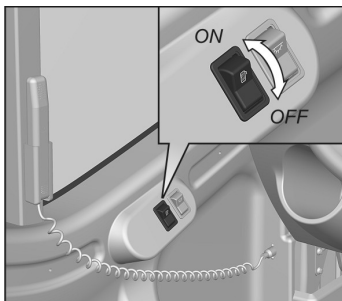


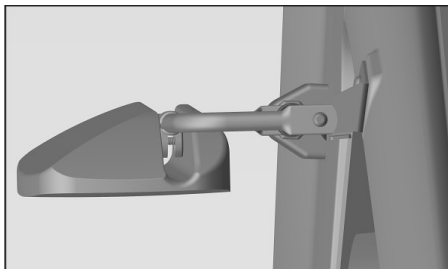
Xe được trang bị gương chiếu hậu bên ngoài cỡ lớn có thể điều chỉnh với các yếu tố quang học mở rộng, giúp tăng đáng kể tầm quan sát, do đó loại bỏ được “các điểm mù”

Để điều chỉnh gương tương ứng với giá đỡ, hãy tháo nắp trang trí khỏi bu lông 1, nối lỏng bu lông 1, điều chỉnh gương và siết bu lông với mô-men xoắn 10,78-15,69 N·m (1,1-1,6 kgf·m).

Ngoài ra, để sử dụng gương thuận tiện hơn, có thể điều chỉnh giá đỡ với gương so với cơ chế gấp. Để thực hiện việc này, hãy tháo nắp 2, nối lỏng đai ốc 3, xoay giá đỡ theo góc mong muốn và siết chặt đai ốc đến mô-men xoắn 43,15-60,8 N·m (4,4-6,1 kgf·m).

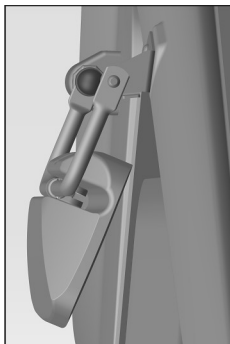
Khi các gương bên ngoài bị mờ, hãy bật hệ thống sưởi của chúng bằng nút bên trái người lái, trên bảng điều khiển bên hông. Gạt sang vị trí **ON** để bật sưởi hoặc **OFF** để tắt sưởi.





Gương được trang bị cơ chế gấp (an toàn). Trong trường hợp gương va chạm với chướng ngại vật, gương và giá đỡ sẽ bị lệch theo hướng va chạm.

Để gấp gương vào vị trí vận chuyển, ấn đặt gương trên trụ theo hình minh họa (mặt phẳng tường tượng của trụ và mặt phẳng của gương phản xạ phải song song với nhau), sau đó gấp trụ cùng với gương theo trục xoay của giá đỡ.



Xe được trang bị gương chiếu hậu trong, gắn trên khung mui gần bảng hiển thị điểm đến. Việc điều chỉnh gương này tương tự như cách điều chỉnh các gương chiếu hậu ngoài.

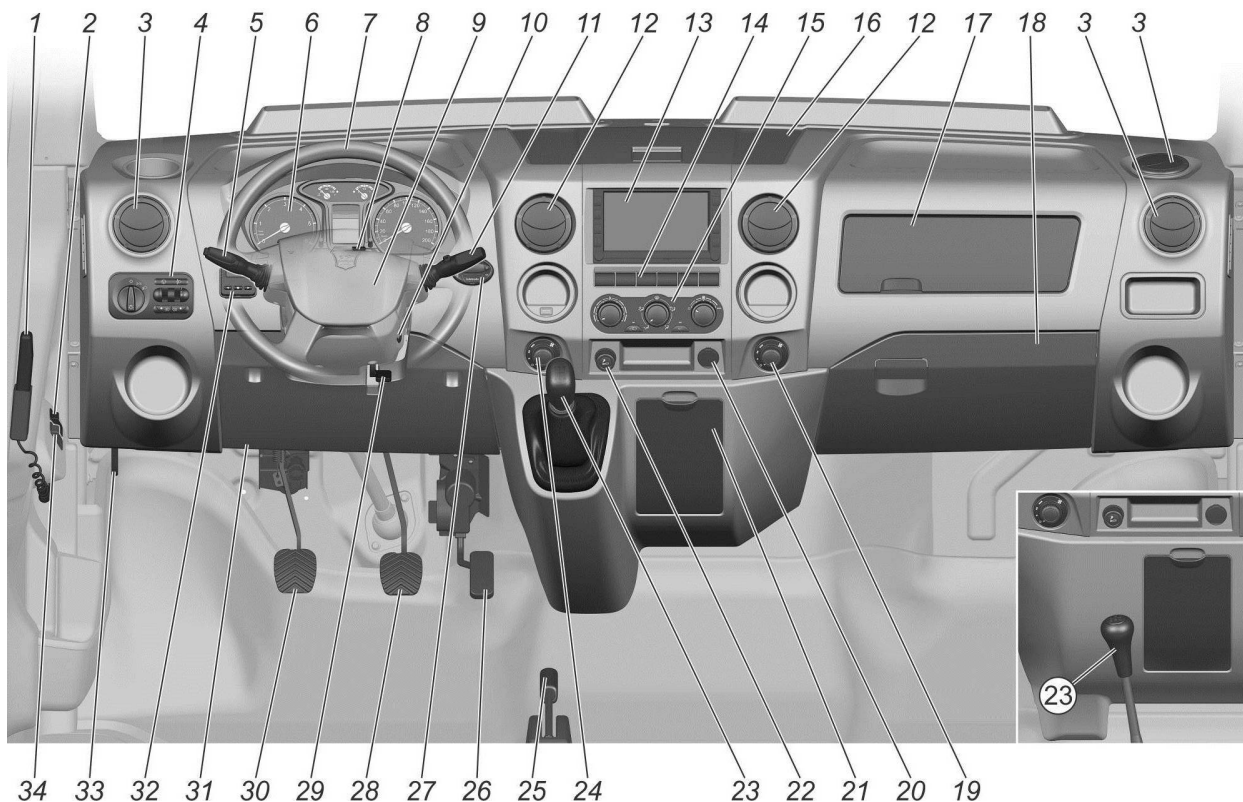
Điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu sau khi điều chỉnh ghế lái.



NGUY HIỂM!

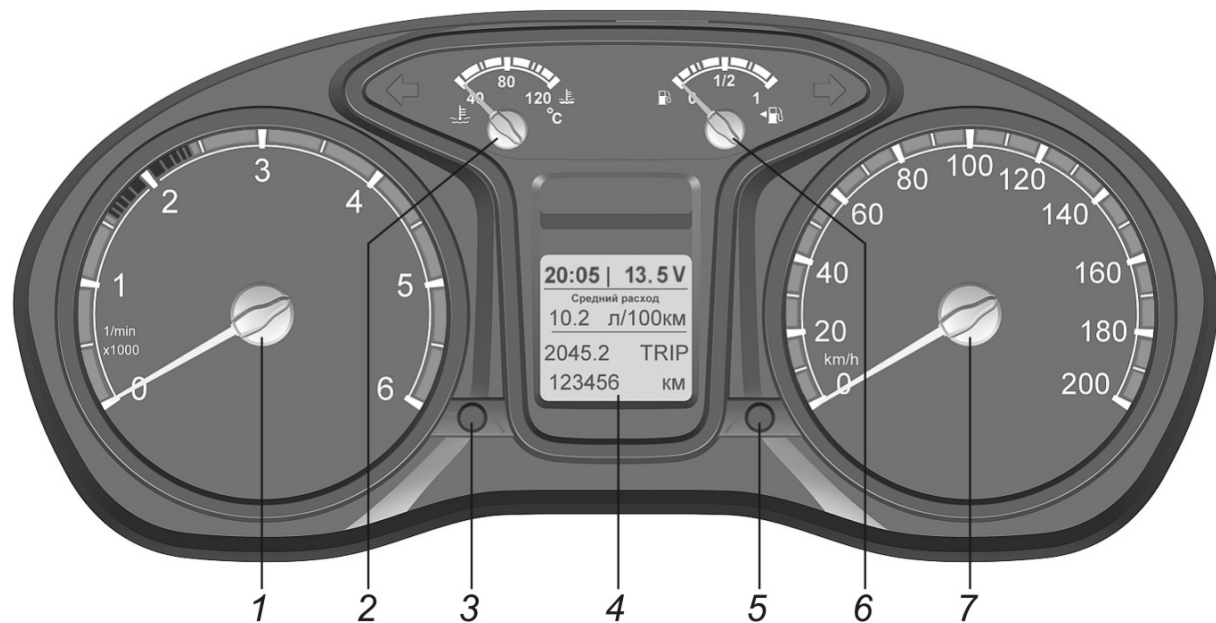
Để tránh trường hợp khẩn cấp, không điều chỉnh gương chiếu hậu trong khi xe đang di chuyển.

BẢNG ĐIỀU KHIỂN VÀ CÁC NÚT ĐIỀU KHIỂN



1. Thiết bị liên lạc nội bộ	58	18. Ngăn chứa đồ phía dưới	44
2. Công tắc đèn tài xế	54	19. Núm điều khiển điều hòa khoang hành khách	49
3. Cửa gió điều hòa bên	45	20. Ổ cắm	43
4. Mô-đun điều khiển đèn	36	21. Gạt tàn	42
5. Cần xi nhanh rẽ và đổi đèn	33	22. Mồi thuốc	42
6. Cụm đồng hồ	19	23. Cần số	75
7. Vô lăng	56	24. Núm điều khiển sưởi phụ	52
8. Công tắc đèn cảnh báo khẩn cấp	41	25. Cần phanh tay	76
9. Núm còi		26. Chân ga	
10. Công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động	32	27. Mô-đun điều khiển sưởi khối động cơ	70
11. Cần gạt điều khiển gạt nước và phun nước kính chắn gió	34	28. Chân phanh	
12. Cửa gió điều hòa trung tâm	45	29. Cần gạt khóa trụ lái	13
13. Thiết bị âm thanh	55	30. Chân côn	
14. Núm điều khiển trên bảng điều khiển	38	31. Nắp hộp cầu chì	125
15. Bảng điều khiển hệ thống điều hòa	46	32. Bảng điều khiển bộ sưởi độc lập	47
16. Ngăn chứa tài liệu	44	33. Tay cầm mở mui xe	94
17. Ngăn chứa đồ phía trên	44	34. Công tắc sưởi gương chiếu hậu ngoài	15

CỤM ĐỒNG HỒ



1. Tốc độ kế

Thể hiện tốc độ quay của trục khuỷu theo vòng trên phút (rpm).



CHÚ Ý!

Không được để động cơ diesel chạy thời gian dài ở tốc độ trên 3600 rpm.

2. Đồng hồ báo nhiệt độ chất mát động cơ.

Khi mũi tên đạt đến vùng đỏ của thang đo và đèn cảnh báo nhiệt độ chất làm mát cao bật sáng, hãy dừng động cơ để loại trừ nguyên nhân gây quá nhiệt.

3. Nút “Mode” Điều khiển Nhật ký Hành trình

Để “tự kiểm tra” cụm đồng hồ, ấn nút “Mode” và, trong khi giữ nút đó, bật các thiết bị (đánh lửa) – vị trí chia khóa I. Điều này sẽ kích hoạt các đèn báo được kiểm tra, toàn bộ các phần của màn hình hiển thị đa chức năng, và các kim chỉ mũi tên sẽ quay từ tối thiểu đến tối đa.

Chế độ tự kiểm tra sẽ được tự động gián đoạn trong các trường hợp sau: sau khi các mũi tên của các đồng hồ đã chạy từ mức 0 của thang tới mức tối đa; khi phát sinh tín hiệu tốc độ; khi Công tắc thiết bị (đánh lửa) được tắt.

Sau khi đã hoàn thành tự kiểm tra, cụm đồng hồ sẽ đi vào chế độ vận hành.

Để điều khiển Nhật ký Hành trình (TC) (qua các danh mục), vặn nút theo chiều kim đồng hồ (TC-lên) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (TC-xuống).

Để khởi động lại từng giá trị, ấn nút trong khi giá trị bạn muốn khởi động lại đang được hiển thị.

4. Màn hình hiển thị đa chức năng

Xem các chế độ hoạt động trên trang tiếp theo.

5. Cài đặt về số đọc số dặm hàng ngày/nút điều chỉnh thời gian.

Để đặt số đọc số dặm hàng ngày về 0, nhấn và giữ nút trong ít nhất 3 giây.

Để điều chỉnh thời gian, xoay nút: theo chiều kim đồng hồ - để thay đổi giờ, ngược chiều kim đồng hồ - để thay đổi phút.

6. Chỉ báo mức nhiên liệu.

Nếu mức nhiên liệu giảm xuống dưới 8 lít, kim chỉ sẽ đi vào vùng đỏ của thang đo, và đèn báo dự trữ nhiên liệu tối thiểu sẽ bật sáng.



CHÚ Ý!

Vị trí của kim chỉ báo mức nhiên liệu sẽ dao động theo bề mặt nơi đậu xe và theo mức tải của xe.

7. Đồng hồ đo tốc độ.

Cho biết tốc độ xe theo km/h.



CHÚ Ý!

Để tránh những hỏng hóc trong hoạt động của cụm đồng hồ, nghiêm cấm ngắt kết nối ắc quy (ngắt kết nối dây ra khỏi các thiết bị đầu cuối ++ và --) khi bật các thiết bị (khởi động).

Để loại bỏ ảnh hưởng của sự cố trong hoạt động của cụm đồng hồ:

1. Tắt Công tắc thiết bị (đánh lửa).
2. Nếu ắc quy bị ngắt kết nối, khôi phục kết nối giữa ắc quy và hệ thống điện trên xe; nếu ắc quy đang được kết nối, thì hãy ngắt kết nối nó và kết nối lại vào hệ thống điện trên xe sau vài giây.
3. Ấn nút “Mode” và, trong khi đang giữ nút, bật Công tắc thiết bị (đánh lửa). Các kim mũi tên sẽ trở về vị trí ban đầu.

Màn hình hiển thị đa chức năng

Trong cụm đồng hồ, bạn có thể chọn ngôn ngữ hiển thị thông tin máy tính tuyến đường - ví dụ: TIẾNG NGA hoặc TIẾNG ANH.

Để hiển thị chế độ lựa chọn ngôn ngữ trên màn hình đa chức năng:

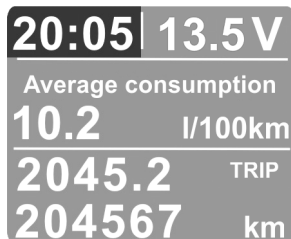
- Ngắt kết nối, và kết nối lại ắc quy vào hệ thống điện trên xe sau vài giây;

- Bật các thiết bị (vị trí chìa khóa I). Màn hình sẽ hiển thị mục chọn ngôn ngữ. Ngôn ngữ được chọn sẽ được đóng khung.
- Chọn ngôn ngữ bằng cách bấm nút “Mode” trên cụm đồng hồ (xoay nút để đổi ngôn ngữ, ấn để chọn ngôn ngữ trong khung).

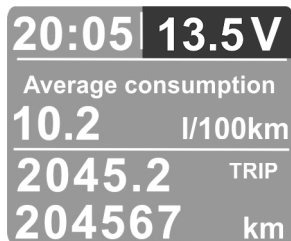
Chế độ lựa chọn ngôn ngữ sẽ bị gián đoạn (cụm đồng hồ đi vào chế độ nhập ký hành trình) khi:

- Bấm nút “Mode”;
- Động cơ khởi động (vị trí chìa khóa II);
- Sau 10 giây, nếu chế độ thay đổi ngôn ngữ không được kích hoạt bằng cách xoay nút “Mode”.

Thông tin hiển thị sẽ theo cài đặt TIẾNG ANH:



Chế độ hiển thị thời gian hiện tại, h:phút (từ 00:00 đến 23:59)



Chế độ hiển thị điện áp hệ thống điện, V (từ 6,0 đến 18,0)

20:05 13.5 V	
Average consumption	
10.2	l/100km
2045.2	TRIP
204567	km

Chế độ hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình, l/100 km (từ 0,0 đến 19,9)

20:05 13.5 V	
Overall consumption	
34	litres
2045.2	TRIP
204567	km

Chế độ hiển thị tổng lượng tiêu thụ nhiên liệu, l (từ 0 đến 9999). Khởi động lại bằng nút “Mode”.

20:05 13.5 V	
Average speed	
74.5	km/h
2045.2	TRIP
204567	km

Chế độ hiển thị vận tốc trung bình, km/h (từ 0 đến 250) Khởi động lại bằng nút “Mode”

Chế độ hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu tức thời, l/h (từ 0,0 đến 19,9)



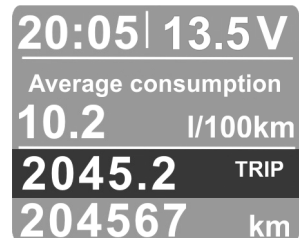
Chế độ hiển thị quãng đường tới khi nạp mới nhiên liệu, km (từ 30 đến 999)



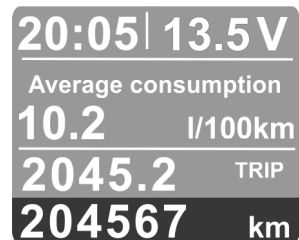
Chế độ hiển thị thời gian đi [hr:min] (00:00 đến 99:59) Khởi động lại bằng nút “Mode”.



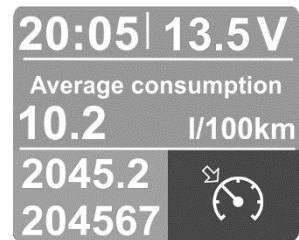
Chế độ hiển thị quãng đường đi hàng ngày, km (từ 0,0 đến 9999,9)



Chế độ hiển thị quãng đường đi, km (từ 0 đến 999999)

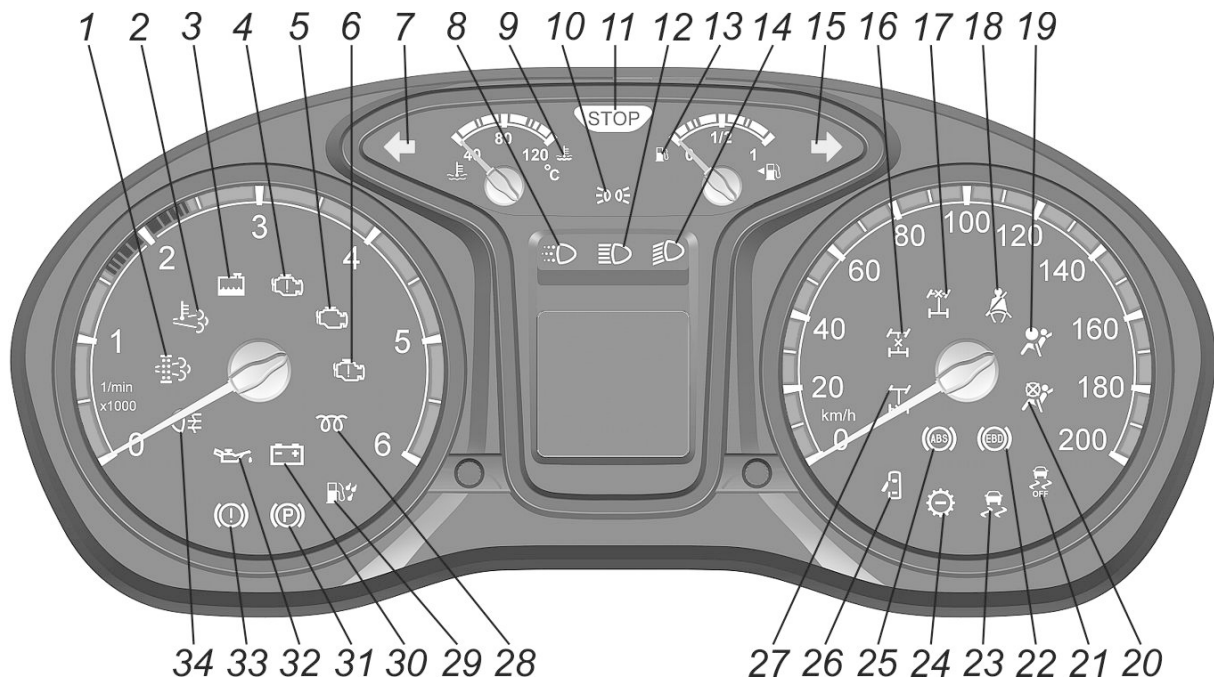


Chế độ chỉ báo kích hoạt chức năng Cruise Control



Các thông số của máy tính tuyến đường được dành cho thông tin và tham khảo.

Chỉ báo cụm đồng hồ





1. Đèn cảnh báo tắc Bộ lọc hạt (màu cam)

Cảnh báo tài xế về tình trạng của Bộ lọc hạt Diesel (DPF).



2. Đèn cảnh báo nhiệt độ khí xả cao (màu cam)

Khi thông báo sáng liên tục, nó sẽ thông báo cho người lái xe về nhiệt độ tăng lên của khí thải do bộ lọc hạt được tái tạo ở chế độ tự động.



3. Đèn cảnh báo còn ít chất làm mát (màu cam)

Nếu đèn cảnh báo này bật, thì cần phải giải quyết nguyên nhân gây rò rỉ chất làm mát và đổ thêm chất làm mát vào bể mở rộng hệ thống làm mát của xe về mức bình thường.



4. Đèn báo (màu đỏ) trực trực nghiệm trọng của động cơ

Bật sáng trong thời gian ngắn khi nút đánh lửa được bật. Nếu không có vấn đề gì, đèn sẽ bật sáng khi bộ thiết bị được bật, và sẽ giữ bật trong vòng 2 đến 5 giây, sau đó tắt.

Đèn sáng liên tục sẽ báo hiệu cho tài xế về sự cố nghiêm trọng (quá nhiệt động cơ, sụt áp suất dầu, lỗi chân ga, sự cố nghiêm trọng trong bộ phận điện), theo đó tài xế cần phải dừng xe ngay lập tức và tắt động cơ.



5. Đèn cảnh báo Báo hiệu hỏng hóc (màu cam)

Bật sáng trong thời gian ngắn khi nút đánh lửa được bật. Cảnh báo tài xế về các lỗi mà hệ thống chẩn đoán của xe phát hiện ra được và liên quan tới khí xả và phát thải hạt.

Nếu đèn không tự tắt, hãy mang xe đến trạm bảo dưỡng để kiểm tra hệ thống điều khiển động cơ.

Sau khi lỗi đã được xử lý, đèn sẽ tiếp tục bật trong bốn chu kỳ khởi động xe, sau đó tắt.



6. Đèn “Cảnh báo” hệ thống điều khiển động cơ (màu cam)

Nếu hệ thống điều khiển vận hành đúng, đèn sẽ sáng sau khi bộ thiết bị (đánh lửa) được bật, và sẽ tiếp tục sáng trong vòng 2-5 giây, sau đó tắt. Đèn này báo hiệu rằng động cơ đã sẵn sàng để khởi động.

Đèn sáng liên tục báo hiệu cho tài xế về một lỗi không nghiêm trọng, nghĩa là không bắt buộc phải dừng lái. Trong trường hợp này, xe phải được mang đến một trạm bảo dưỡng để kiểm tra.



7. Đèn báo xi nhan rẽ trái (màu xanh lá)



8. Đèn báo đèn xe bật vào ban ngày (màu trắng)



9. Đèn cảnh báo Nhiệt độ chất làm mát cao (màu đỏ).

Sẽ sáng trong thời gian ngắn khi bật khởi động. Nếu đèn này sáng liên tục, phải lập tức dừng động cơ (như trình bày trong mục Tắt động cơ) , phát hiện và khắc phục nguyên nhân quá nhiệt.



10. Đèn báo Đèn kích thước (màu xanh lá).



11. Đèn cảnh báo DỪNG (màu đỏ).

Bật sáng đồng thời với một trong các đèn cảnh nguy hiểm màu đỏ. Nếu một trong số các đèn cảnh báo đỏ nêu ở trên bật sáng, thì sẽ không được phép tiếp tục sử dụng xe cho đến khi lỗi được khắc phục.

Đèn nháy kết hợp với tín hiệu báo động âm thanh liên tục báo hiệu yêu cầu dừng của hành khách (nút được bấm ở khoang hành khách).



12. Đèn báo Đèn pha (màu xanh lam)



13. Đèn cảnh báo dự trữ nhiên liệu tối thiểu (màu cam)

Bật sáng khi mực nhiên liệu còn dưới 8 lít.



14. Đèn báo Đèn cốt (màu xanh lá)



15. Đèn báo xi nhan rẽ phải (màu xanh lá)



16. Đèn báo khóa vi sai trung tâm (màu cam) hoặc tương đương



17. Đèn báo khóa vi sai trước (màu cam) hoặc tương đương



18. Đèn cảnh báo chưa thắt dây an toàn (màu đỏ) hoặc tương đương



19. Đèn cảnh báo lỗi túi khí hoặc dây an toàn (màu đỏ) hoặc tương đương



20. Đèn cảnh báo đã vô hiệu hóa túi khí hành khách (màu cam) hoặc tương đương



21. Đèn cảnh báo đã vô hiệu hóa Hệ thống cân bằng điện tử (ESC) (màu cam) hoặc tương đương



22. Đèn cảnh báo lỗi Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (màu đỏ) hoặc tương đương

Bật sáng khi bật đánh lửa và tự tắt sau vài giây.

Đèn sáng liên tục hoặc bật sáng khi đang lái báo hiệu có vấn đề với Hệ thống phân phối lực phanh điện tử.

Xe phải được kiểm tra tại trạm bảo dưỡng.

Không được phép sử dụng xe cho đến khi vấn đề được khắc phục.



23. Đèn cảnh báo lỗi Hệ thống cân bằng điện tử (ESC) (màu cam) hoặc tương đương

Bật sáng khi bật đánh lửa và tự tắt sau vài giây.

Đèn sáng liên tục hoặc bật sáng khi đang lái báo hiệu Hệ thống cân bằng điện tử bị lỗi.

Xe phải được kiểm tra tại trạm bảo dưỡng.



24. Đèn báo đã kích hoạt số thấp (màu xanh lá) hoặc tương đương



25. Cảnh báo Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) (màu cam) hoặc tương đương

Bật sáng khi bật đánh lửa và tự tắt sau vài giây.

Đèn sáng liên tục hoặc bật sáng khi đang lái báo hiệu ABS bị lỗi. Trong trường hợp này, hệ thống phanh chính vẫn hoạt động.

Xe phải được kiểm tra tại trạm dịch vụ.



26. Đèn cảnh báo cửa chưa khóa và/hoặc bậc lên xuống còn mở (màu đỏ).

Đèn nhấp cùng với tín hiệu báo động âm thanh từng đợt trong khi lái báo hiệu rằng cửa trước và/hoặc cửa bên vẫn mở và/hoặc bậc lên xuống vẫn còn mở.

Đèn sáng liên tục cùng với tín hiệu báo động âm thanh liên tục báo hiệu rằng cửa sau của xe chưa đóng.



27. Đèn báo khóa vi sai sau (màu cam) hoặc tương đương



28. Đèn cảnh báo bộ làm nóng không khí vào (màu cam) (đối với động cơ diesel)

Bật sáng khi bộ thiết bị được bật lên. Chỉ được khởi động xe bằng Công tắc khởi động sau khi đèn này đã tắt.



29. Đèn báo có nước trong nhiên liệu (màu cam) (đối với động cơ diesel)

Bật sáng trong thời gian ngắn khi bộ thiết bị được bật lên. Đèn sáng liên tục báo hiệu có nước trong bộ lọc nhiên liệu. Lập tức dừng động cơ, hút nước khỏi bộ lọc nhiên liệu hoặc liên hệ với trạm bảo dưỡng.



30. Đèn cảnh báo ắc quy (màu đỏ)

Bật sáng khi đánh lửa được bật và tắt khi động cơ khởi động.

Nếu đèn tiếp tục sáng khi động cơ đang chạy, điều này báo hiệu đai truyền động phụ kiện bị trễ hoặc đứt, hoặc là

một vấn đề đối với mạch sạc ác quy.



31. Đèn phanh đậu xe (màu đỏ)

Đèn bật nháy khi bật nổ máy, nếu phanh đỗ đang được kích hoạt (cùng với tín hiệu báo động âm thanh nếu xe đang chuyển động).



32. Đèn cảnh báo áp suất dầu thấp (đỏ)

Bật sáng khi đánh lửa được bật và tắt khi động cơ khởi động (cùng với tín hiệu báo động âm thanh nếu xe đang chuyển động).

Đèn sáng trong khi động cơ đang chạy báo hiệu rằng áp suất dầu thấp trong hệ thống bôi trơn động cơ. Trong trường hợp này, lập tức dừng động cơ và kiểm tra mực dầu trong hộp trục khuỷu và đồ đầy nếu cần thiết. Nếu mực dầu ở giới hạn bình thường, hãy liên hệ với trạm bảo dưỡng.



33. Đèn cảnh báo dịch xi lanh chính phanh (màu đỏ).

Đèn bật sáng báo hiệu có vấn đề với hệ thống phanh.

Xe phải ngay lập tức được đưa tới trạm bảo dưỡng để kiểm tra.

Không được sử dụng xe cho đến khi vấn đề đã được khắc phục.



34. Đèn báo đèn sương mù sau (màu cam)

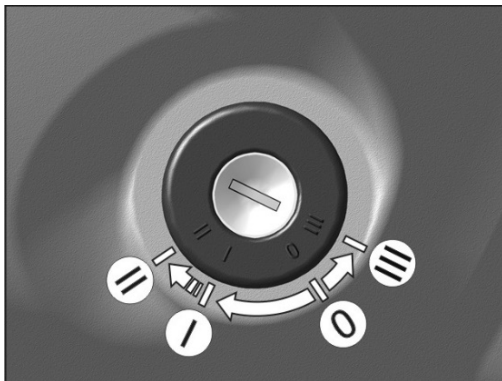


CHÚ Ý!

Khi đèn cảnh báo sáng lên, cho biết xe đã xảy ra trục trặc, ngoại trừ đèn cảnh báo cấm di chuyển tiếp, bạn phải tuân theo các hướng dẫn và khuyến nghị được đưa ra trong phần mô tả của đèn cảnh báo. Việc tiếp tục vận hành mà không xác định và loại bỏ nguyên nhân gây ra cảnh báo có thể dẫn đến việc từ chối tiến hành sửa chữa xe theo bảo hành.

Thông tin về các thông số hoạt động riêng biệt của động cơ và toàn bộ chiếc xe được ghi lại trong các thiết bị điện tử của xe và được sử dụng để xác định nguyên nhân trục trặc. Việc xóa bỏ những thông tin này bị cấm và có thể dẫn đến việc từ chối sửa chữa xe theo bảo hành.

CÔNG TẮC (ĐÁNH LỬA) THIẾT BỊ VÀ BỘ KHỞI ĐỘNG



Vị trí nút:

0: Toàn bộ các chức năng điều khiển tắt, chìa khóa không thể rút ra được, thiết bị chống trộm tắt;

I: Các đồng hồ (khởi động) được bật và chìa khóa không rút ra được;

I: Các đồng hồ (khởi động) được bật và chìa khóa không rút ra được;

III: Các đồng hồ (khởi động) tắt, thiết bị chống trộm được bật và chìa khóa đã rút. Để khóa vô lăng, xoay vô lăng theo bất kỳ hướng nào khi đã rút chìa khóa cho đến khi nghe thấy tiếng click.

Để tắt thiết bị chống trộm, tra chìa khóa vào Công tắc thiết bị/khởi động (đánh lửa) và quay chìa khóa về 0, trong khi rung nhẹ vô lăng.



NGUY HIỂM!

Đề tránh khóa trực tay lái, không bao giờ được rút chìa khóa khi xe đang di chuyển hoặc đang được kéo.

CẦN ĐIỀU KHIỂN

Cần xi nhan rẽ và đổi đèn

Các đèn xi nhan rẽ chỉ hoạt động khi Công tắc (*khởi động*) thiết bị và bộ khởi động được bật. Gạt cần lên để xi nhan rẽ phải, xuống để xi nhan rẽ trái.

Vị trí cần gạt:

1. Vị trí kích hoạt tức thời xi nhan rẽ

Gạt cần lên hoặc xuống hết cỡ mà cần có thể tự do di chuyển được (bạn sẽ cảm thấy lực cản nhẹ trên cần).

Đèn xi nhan sẽ tiếp tục nhấp nháy chừng nào bạn còn giữ cần gạt.

Và đèn báo tương ứng trên cụm đồng hồ sẽ nhấp.

2. Vị trí giữ xi nhan.

Khi đã hoàn thành một lần rẽ, cần gạt sẽ tự động trở về vị trí ban đầu.

Đèn báo trên bảng công cụ nhấp nhanh gấp đôi báo hiệu đèn báo xi nhan bị lỗi.

3. Đèn cốt

Vị trí cần gạt cố định ở trung tâm tương ứng với vị trí nút điều khiển đèn chính ở vị trí II và Công tắc thiết bị/khởi động (đánh lửa) ở vị trí I.

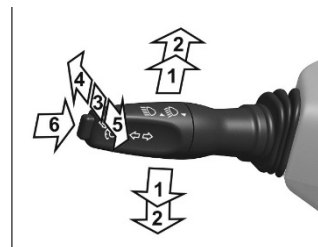
4. Đèn pha

Gạt cần gạt từ vô lăng vào vị trí giữ.

5. Đèn pha nhấp trong thời gian ngắn.

Kéo cần gạt về phía vô lăng. Khi thả ra, cần gạt sẽ trở về vị trí giữa.

6. Nút điều khiển hành trình. Ấn nút theo chiều dọc một lần sẽ kích hoạt điều khiển hành trình. Ấn nút lần thứ hai sẽ làm giảm tốc độ xe mỗi lần một chút cho đến khi đạt được tốc độ là 50 km/giờ.



Chức năng điều khiển hành trình được kích hoạt khi xe tăng tốc đến trên 48 km/giờ. Để bật chức năng, nhấn nhanh nút điều khiển hành trình và nhả chân ga. Hệ thống sẽ ghi nhớ tốc độ xe hiện tại và truy trì tốc độ này cho đến khi một trong các chân điều khiển (chân ga, chân phanh, hoặc chân côn) được sử dụng. Khi một trong các chân điều khiển được đạp, chức năng điều khiển hành trình sẽ được tắt.

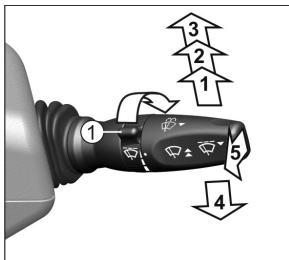
Khi lái xe xuống dốc với chức năng “Kiểm soát hành trình” đang bật, tốc độ đã lưu có thể bị vượt quá. Nếu cần, chuyển sang số thấp hơn hoặc giảm tốc độ xe bằng cách nhấn bàn đạp phanh.

Công tắc gạt nước và gạt nước kính chắn gió với bộ chọn tạm dừng

Cần gạt nước và vòi phun rửa kính chắn gió chỉ hoạt động khi Công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động bật.

Trong thời tiết lạnh, hãy đảm bảo rằng các cần gạt nước không bị đóng băng vào kính to chắn gió trước khi bật gạt nước.

Vị trí cần gạt (phương án 1):



1. Làm sạch kính chắn gió với một chu kỳ cần gạt nước đầy đủ. Gạt cần gạt chỉ đến giới hạn di chuyển tự do (bạn sẽ thấy lực cản nhẹ trên cần gạt).

Gạt nước sẽ hoạt động chừng nào bạn còn giữ tay cầm. Gạt nước nên được sử dụng khi có mưa nhỏ hoặc xe bị té nước do xe khác đi tới.

2. Gạt nước tốc độ thấp.

3. Gạt nước tốc độ cao.

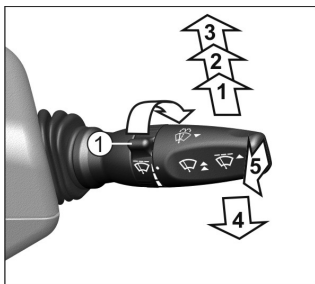
4. Gạt nước hoạt động ngắt quãng.

Cần gạt nước thực hiện một chu kỳ đầy đủ được đặt giờ từ 2 đến 12 giây theo điều khiển thời gian ngắt quãng 1, điều chỉnh bằng cách xoay cần gạt theo hướng mũi tên như trong hình.

5. Bật vòi phun rửa kính.

Để bật vòi phun rửa kính, đẩy cần gạt về phía trước, dọc theo trụ tay lái từ bất kỳ vị trí nào, không có vị trí hãm.

Vị trí cần gạt (phương án 2):



1. Gạt nước hoạt động ngắt quãng.

Cần gạt nước thực hiện một chu kỳ đầy đủ được đặt giờ từ 2 đến 12 giây theo điều khiển thời gian ngắt quãng 1, điều chỉnh bằng cách xoay cần gạt theo hướng mũi tên như trong hình.

2. Gạt nước tốc độ thấp.

3. Gạt nước tốc độ cao.

4. Làm sạch kính chắn gió với một chu kỳ cần gạt nước đầy đủ. Gạt cần gạt chỉ đến giới hạn đi chuyển tự do (bạn sẽ cảm thấy lực cản nhẹ trên cần gạt).

Gạt nước sẽ hoạt động chừng nào bạn còn giữ tay cầm. Gạt nước nên được sử dụng khi có

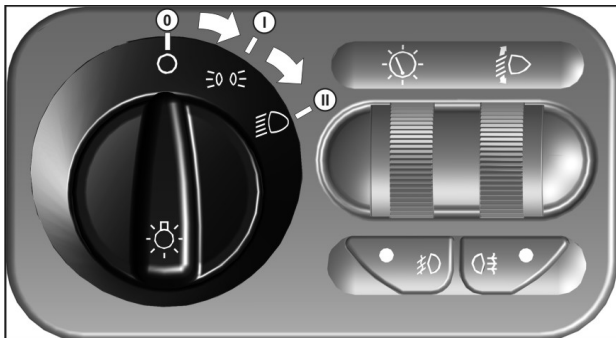
mưa nhỏ hoặc khi xe bị tạt nước do xe khác đi tới.

5. Bật vòi phun rửa kính.

Để bật vòi phun rửa kính, đẩy cần gạt về phía trước, dọc theo trụ tay lái từ bất cứ vị trí nào, không có vị trí hãm.

MÔ-ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐÈN

Núm điều khiển đèn chính



Công tắc có ba vị trí:

0 – Đèn bên ngoài tắt;

I – Đèn kích thước, đèn cụm đồng hồ, đèn biển số và điều khiển của một số thiết bị điện được bật;

II – Đèn cốt hoặc đèn pha được bật bổ sung, tùy theo vị trí của cần gạt điều khiển đèn xi nhan và đèn trước dưới tay lái (3 hoặc 4 tương ứng).

Đèn chạy ban ngày tự động bật sáng khi Công tắc thiết bị và khởi động/dánh lửa được bật, nếu núm điều khiển đèn chính ở vị trí 0. Khi núm được vặn sang vị trí I hoặc II, đèn chạy ban ngày sẽ tắt.



NGUY HIỂM!

Không được di chuyển khi đèn chạy ban ngày bật trong điều kiện thiếu tầm nhìn hoặc vào buổi đêm, vì đèn kích thước sau xe đang tắt.



Núm điều khiển chiếu sáng đồng hồ

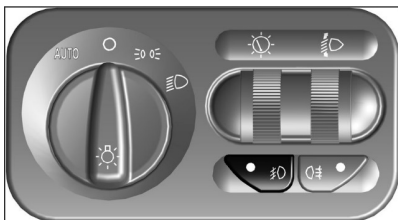
Chỉnh núm lên hoặc xuống để điều chỉnh độ sáng đèn chiếu sáng các đồng hồ, điều khiển, bảng điều khiển bộ sườn.



Nút điều chỉnh chế độ đèn

Khi đèn cốt bật, nút cho phép điều chỉnh góc đèn tùy theo tải của xe:

- 0** – chỉ có tải xé;
- 1** – xe tải đầy;
- 2 và 3** – không sử dụng.



Nút đèn sương mù trước

Đèn sương mù trước sẽ bật khi nút được bấm, nếu đèn kích thước đã bật. Trong trường hợp này, đèn kích hoạt đèn sương mù trước sẽ sáng trên nút.

Để tắt đèn sương mù trước:

- Ấn nút lần nữa;
- Vặn chìa khóa về vị trí 0.
- Vặn núm điều khiển đèn chính về 0.



Đèn sương mù sau

Đèn sương mù sau sẽ bật khi nút được bấm, nếu đèn cốt hoặc đèn pha hoặc đèn sương mù trước bật. Trong trường hợp này, đèn trên nút, và đèn báo kích hoạt đèn sương mù sau trên cụm đồng hồ sẽ sáng.

Để tắt đèn sương mù sau:

- Ấn nút lần nữa;
- Vặn núm điều khiển đèn chính về 0;
- Đèn cốt/pha hoặc đèn sương mù trước được tắt.

NÚT ĐIỀU KHIỂN TRÊN BẢNG ĐIỀU KHIỂN

Nút có trang bị đèn báo kích hoạt.

Phiên bản 1



1.



Nút đóng/mở cửa trước

2.



Nút làm nóng chất làm mát

3.



Nút sưởi ghế lái xe

4.



Nút tắt/ bật đèn khoang hành khách bên trái

5.



Nút tắt/ bật đèn khoang hành khách bên phải

6.

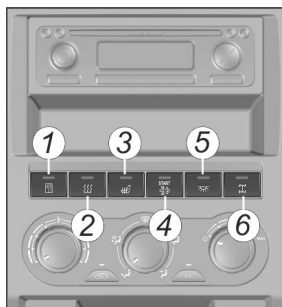


Nút khóa vi sai cầu sau



Nút tắt hệ thống cân bằng điện tử

Phiên bản 2



1.



Nút đóng/mở cửa trước

2.



Nút làm nóng chất làm mát

3.



Nút sượt ghế lái xe

4.



Nút tái tạo bộ lọc hạt (không có nút giữ)

5.



Nút tắt/ bật đèn khoang hành khách

6.

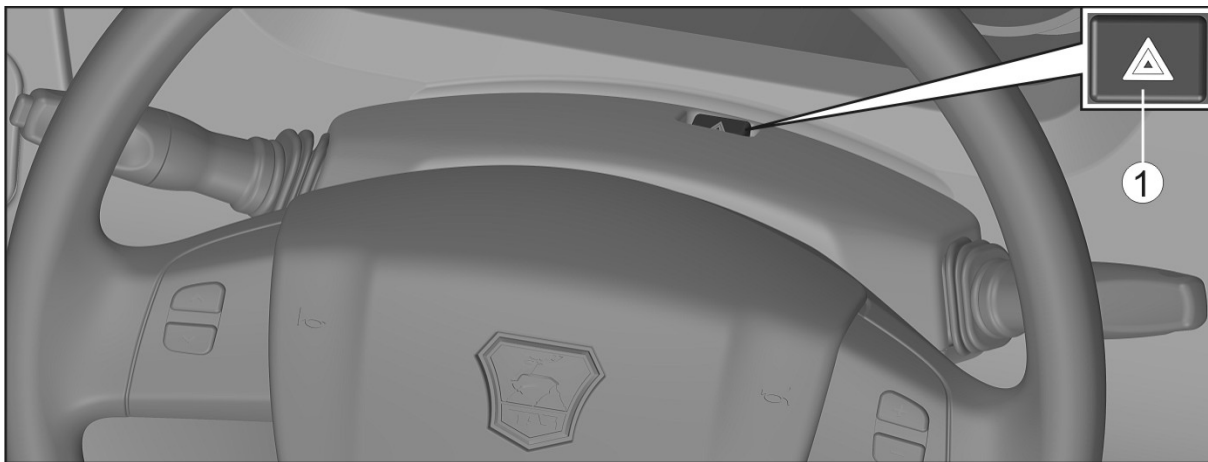


Nút khóa vi sai cầu sau



Nút tắt hệ thống cân bằng điện tử

CÔNG TÁC ĐÈN CẢNH BÁO KHẨN CẤP



Nút 1 được đặt ở lỗ khoét trên vỏ trên của trụ bánh lái.

Khi bấm nút, tất cả các đèn xi nhan sẽ bắt đầu nháy.

Đèn cảnh báo khẩn cấp phải được bật nếu như xe cần phải dừng lại trên đường và để cảnh báo những người đi đường khác về nguy hiểm do xe của bạn gây ra.

Đèn cảnh báo khẩn cấp hoạt động bất kể bộ thiết bị và khởi động (đánh lửa) đang bật hay không.

MÔI THUỐC VÀ GẠT TÀN

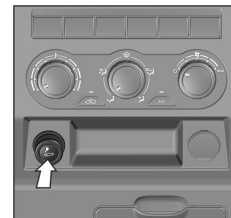
Môi thuốc



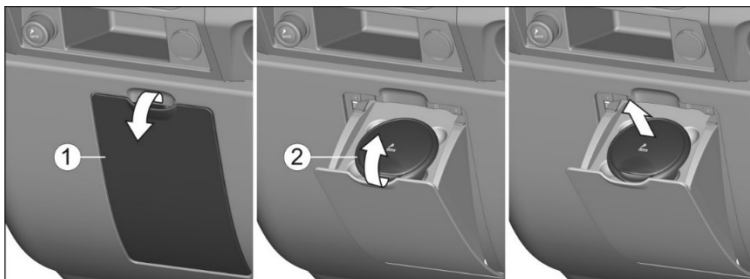
NGUY HIỂM!

Môi thuốc rất nóng. Khi sử dụng, phải đặc biệt cẩn thận, đảm bảo rằng môi thuốc xa tầm tay trẻ em vì có thể gây cháy và / hoặc bỏng.

Để sử dụng môi thuốc, đẩy môi thuốc vào vị trí khóa. Sau khi ống được làm nóng, nó sẽ trở về vị trí ban đầu và sẵn sàng sử dụng.



Gạt tàn



Gạt tàn được đặt trong ngăn đựng vật nhỏ trên bảng điều khiển. Để sử dụng gạt tàn, mở nắp 1 của khoang và nắp 2 của gạt tàn như trong hình.

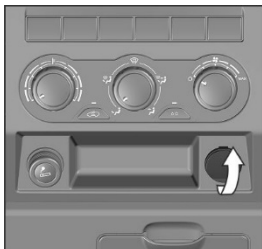
Để vệ sinh khoang chứa gạt tàn, kéo nó lên bằng cách cầm mép ngoài của vỏ gạt tàn.



CHÚ Ý!

Không để các vật cháy được vào gạt tàn.

Ổ CẮM



Ổ cắm có điện áp danh định là 12 V được dùng để kết nối với vật tiêu thụ điện bên ngoài (phích cắm đèn cầm tay, bộ sạc, v.v.).

Để sử dụng ổ cắm, hãy mở nắp đậy ổ cắm như trong hình.

Sử dụng thiết bị điện trong thời gian dài khi động cơ dừng có thể khiến ắc quy bị hết và sau đó không thể khởi động động cơ nữa.

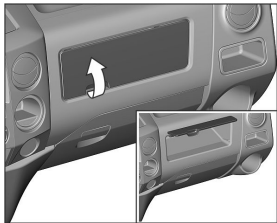


CHÚ Ý!

Không sử dụng ổ cắm để kết nối các thiết bị bên ngoài có công suất vượt quá 120 W.

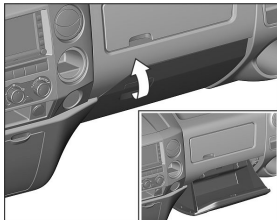
NGĂN CHỨA ĐỒ

Ngăn chứa đồ phía trên



Để mở ngăn chứa đồ phía trên, dùng tay cầm mở theo hướng mũi tên như trong hình.
Trong một số thiết kế, ngăn chứa đồ có thể không có nắp đậy.

Ngăn chứa đồ phía dưới



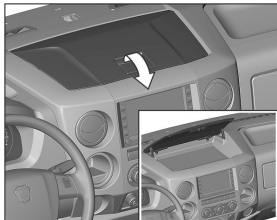
Để mở ngăn chứa đồ phía dưới, dùng tay cầm mở theo hướng mũi tên như trong hình.



CHÚ Ý!

Để giảm rủi ro chấn thương cho hành khách, ngăn chứa đồ phải luôn luôn đóng.

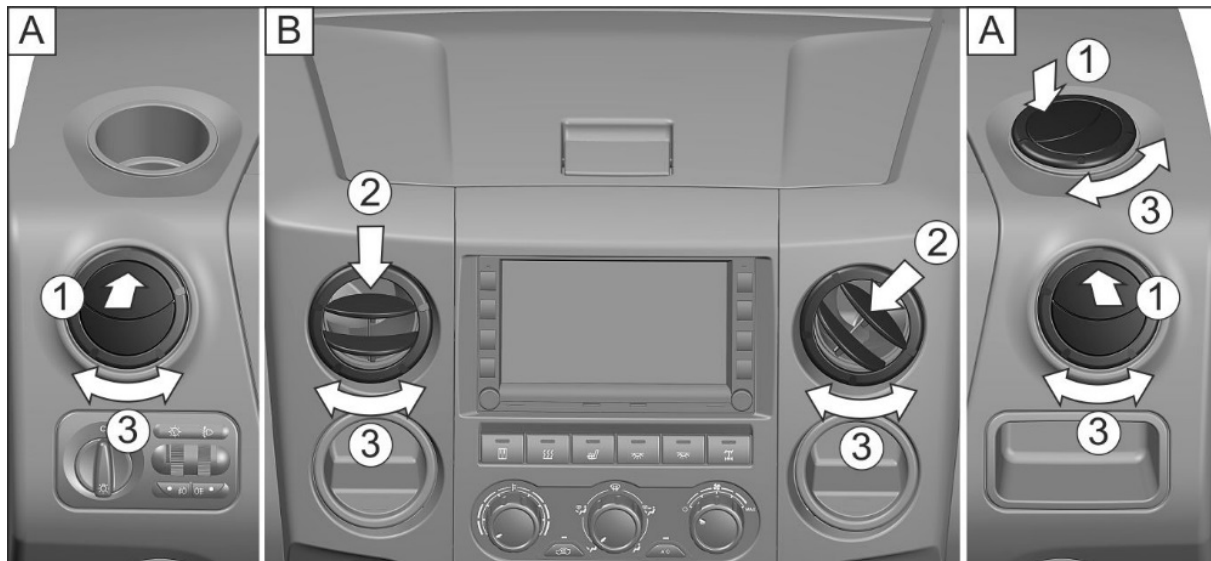
Ngăn chứa tài liệu



Để mở nắp của ngăn đựng tài liệu, mở theo hướng mũi tên như trong hình.
Khi đóng nắp, không được ấn vào tay cầm.

SỬ DỤNG, THÔNG GIÓ VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Cửa gió điều hòa khoang hành khách

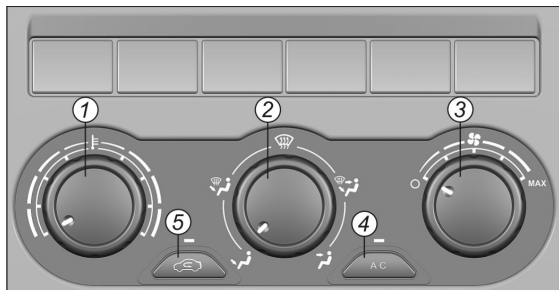


1 – Mở.

2 – Đóng.

3 – Điều chỉnh hướng luồng khí.

Bảng điều khiển Sưởi, thông gió và điều hòa không khí



1 - Nút điều chỉnh nhiệt độ không khí

2 – Điều khiển phân phối lưu lượng khí.



Không khí được đưa đến tài xế và khu vực chân hành khách



Không khí được đưa đến cửa sổ, khu vực chân tài xế và chân hành khách



Không khí được đưa đến kính chắn gió và kính cửa sổ.



Không khí được đưa đến các cửa sổ, bên trong và khu vực chân tài xế và chân hành khách.



Không khí được đưa đến bên trong qua các quạt thông gió

3 - Điều khiển tốc độ quạt

4 - Nút bật/ tắt điều hòa

5 - Nút bật/ tắt luân chuyển lại khí.

Làm tan sương mù kính



Để làm tan sương mù kính chắn gió và kính cửa sổ, quay núm điều khiển 1 và 3 trên bảng điều khiển hết mức về bên phải, và núm 2 ở vị trí  như trong hình.

Sưởi



Để nhanh chóng làm ấm bên trong xe, quay núm điều khiển 1 và 3 trên bảng điều khiển hết mức về bên phải, và núm 2 ở vị trí  như trong hình.

Mở các cửa gió điều hòa.

Điều chỉnh hướng luồng khí bằng cách điều chỉnh vị trí cửa gió.

Để đạt hiệu suất sưởi tối đa, cũng như để bảo vệ bên trong xe khỏi vấn đề mùi khó chịu và khói, kích hoạt chế độ luân chuyển loại khí bằng cách bấm nút 5. Chế độ luân chuyển lại khí sẽ tự động tắt trong 10 phút. Chế độ luân chuyển lại khí có thể được tắt thủ công bằng cách bấm nút 5 lần nữa. Sau khi dừng và khởi động lại động cơ, các cánh luân chuyển lại không khí sẽ được chuyển sang chế độ hút không khí mới.

Không được sử dụng chế độ luân chuyển lại không khí trong thời gian dài, vì khi đó không khí mới sẽ không được tiếp nhận thêm vào bên trong xe, khiến những người bên trong cảm thấy khó chịu, và cửa sổ bị tụ sương mù..

Khi bên trong xe đã đủ ấm, núm điều khiển tốc độ quạt 3 nên được quay về vị trí ở giữa, núm điều khiển phân phối khí xoay về vị trí tương ứng với chế độ phân phối khí ưa thích, và điều chỉnh nhiệt độ bằng cách xoay núm 1 trong vùng đỏ.

Thông gió



Để đạt lượng không khí mới tối đa vào bên trong xe, xoay núm điều khiển 1 trên bảng điều khiển hết cỡ về bên trái, núm 3 hết cỡ về bên phải, và núm 2 về vị trí  như trong hình.

Mở các cửa gió điều hòa.

Điều chỉnh hướng luồng khí bằng cách điều chỉnh vị trí cửa gió.

Để ngăn mùi, khí xả từ các xe phía trước lọt vào bên trong xe khi đang đi trong đường hầm, v.v., nên kích hoạt chế độ lưu chuyển lại khí bằng cách bấm nút 5.

Điều hòa không khí

Hệ thống điều hòa xe bao gồm hai điều hòa: phía trước và phía sau. Bộ phận phía trước được đặt ở phía trước của cabin trong bảng điều khiển và đảm bảo làm mát ghế lái và phần phía trước của khoang hành khách. Bộ phận phía sau được đặt ở phía sau xe và đảm bảo làm mát khoang hành khách. Để đảm bảo hiệu quả tối đa và làm mát đồng đều khoang hành khách, nên bật đồng thời cả hai máy điều hòa.

Điều hòa phía trước



Để làm mát nhanh chóng khoang hành khách, bật điều hòa bằng cách bấm nút 4 và vặn núm điều khiển 1 trên bảng điều khiển hết cỡ về bên trái, núm 3 hết cỡ về bên phải, và núm 2 về vị trí  như trong hình.

Để đạt hiệu suất điều hòa không khí cao nhất, cũng như để bảo vệ bên trong xe khỏi vấn đề mùi khó chịu và khô, kích hoạt chế độ luân chuyển loại khí bằng cách bấm nút 5. Chế độ luân chuyển lại khí sẽ tự động tắt trong 10 phút. Chế độ luân chuyển lại khí có thể được tắt thủ công bằng cách bấm nút 5 lần nữa. Sau khi dừng và khởi động lại động cơ, các cánh luân chuyển lại không khí sẽ được chuyển sang chế độ hút không khí mới.

Không được sử dụng chế độ luân chuyển lại không khí trong thời gian dài, vì khi đó không khí mới sẽ không được tiếp nhận thêm vào bên trong xe, khiến những người bên trong cảm thấy khó chịu, và cửa sổ bị tụ sương mù.

Khi bên trong xe đã đủ mát, núm điều khiển tốc độ quạt 3 nên được quay về vị trí ở giữa, núm điều khiển phân phối khí xoay về vị trí tương ứng với chế độ phân phối khí ưa thích, và điều chỉnh nhiệt độ bằng cách xoay núm 1 trong vùng xanh dương.

Nếu xe được để đỗ và đóng cửa trong thời gian dài dưới trời nắng, thì nên mở các cửa sổ và cửa chính trong vài phút để thông khí cho bên trong xe trước khi bật điều hòa.

Để tắt điều hòa, bấm nút 4 lần nữa.

Để điều hòa không khí hoạt động tốt, phải bật điều hòa trong 5-10 phút tối thiểu mỗi tháng một lần. Điều này là cần thiết để bôi trơn các phụ kiện của điều hòa bằng dầu được hòa trong chất làm mát. Quy trình này cũng nên được thực hiện vào mùa đông, nhưng tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường xung quanh thích hợp.

Điều hòa phía sau



Điều hòa phía sau được điều khiển bằng một núm nằm trên bảng điều khiển. Núm điều khiển có vai trò bật/tắt điều hòa và điều chỉnh tốc độ quạt (từ 1 đến 3). Không khí làm mát được cung cấp cho khoang hành khách thông qua các khe hở cửa gió trong đường ống dẫn không khí nằm trên trần dọc theo xe. Để đảm bảo nội thất được làm mát nhanh chóng, hãy bật điều hòa ở công suất tối đa, sau đó, khi đạt đến nhiệt độ dễ chịu, hãy chuyển điều hòa về chế độ yêu cầu tối thiểu để duy trì điều kiện thoải mái.

Để điều hòa không khí hoạt động tốt, phải bật điều hòa trong 5-10 phút tối thiểu mỗi tháng một lần. Điều này là cần thiết để bôi trơn các bộ phận của điều hòa bằng dầu được hòa trong chất làm mát. Quy trình này cũng nên được thực hiện vào mùa đông, nhưng tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường xung quanh thích hợp.

**CHÚ Ý!**

Điều hòa là một hệ thống được đóng kín ở áp suất cao. Cần thận khi sửa chữa xe, tránh mọi hư hại cơ học đối với các bộ phận của điều hòa. Nếu hệ thống điều hòa bị rò rỉ hoặc hư hại, liên hệ với trạm bảo dưỡng và không được sửa chữa mà không có sự trợ giúp.

**CHÚ Ý!**

Khi hệ thống điều hòa đang bật, không được mở cửa sổ hay cửa sổ trời, vì điều này sẽ làm giảm hiệu năng của điều hòa xuống còn không.

**CHÚ Ý!**

Tránh hướng luồng khí lạnh về phía tài xế và hành khách, vì có thể gây hạ thân nhiệt cục bộ và từ đó dẫn đến các bệnh cảm lạnh.

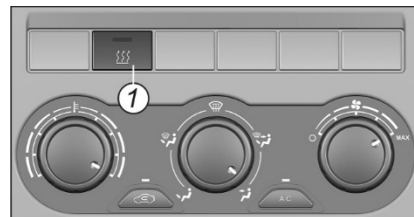
Bộ làm nóng chất làm mát

Xe được trang bị bộ làm nóng chất làm mát để tạo điều kiện thoải mái trong khoang hành khách và ổn định điều kiện nhiệt độ cho động cơ diesel vận hành trong mùa đông.

Bộ làm nóng được lắp đặt ở khoảng trống dưới nắp capo phía trước ắc quy.

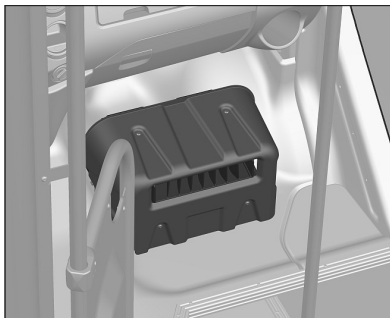
Bộ làm nóng chất làm mát có thể được bật bằng nút 1 nếu động cơ đang chạy và bộ sưởi đang bật. Sau đó bộ làm nóng chất làm mát sẽ vận hành tự động, tăng nhiệt độ của chất làm mát nạp vào hệ thống sưởi lên đến 80-85°C, nhờ đó tăng hiệu suất trong mùa đông.

Bộ làm nóng chất làm mát nên được bật khi nhiệt độ không khí bên ngoài ở mức dưới 5°C.



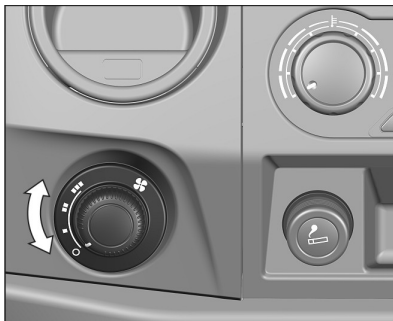
Hệ thống sưởi sàn

Để tạo ra một môi trường thoải mái, hệ thống sưởi sàn được lắp đặt trong khoang hành khách xe buýt.



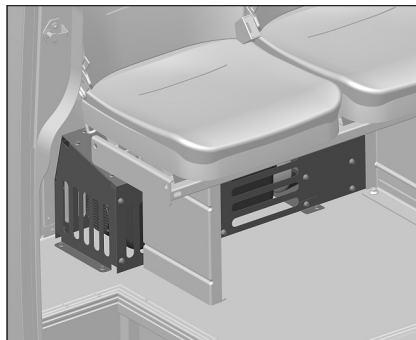
Máy sưởi được lắp đặt ở bên phải của trình điều khiển dưới bảng điều khiển. Các bộ phân phối nhiệt được hướng đến khoang hành khách xe buýt.

Máy sưởi hoạt động ở chế độ sử dụng không khí bên trong. Lắp đi lắp lại không khí bên trong thông qua bộ tản nhiệt bổ sung đảm bảo cường độ cao của khoang hành khách.



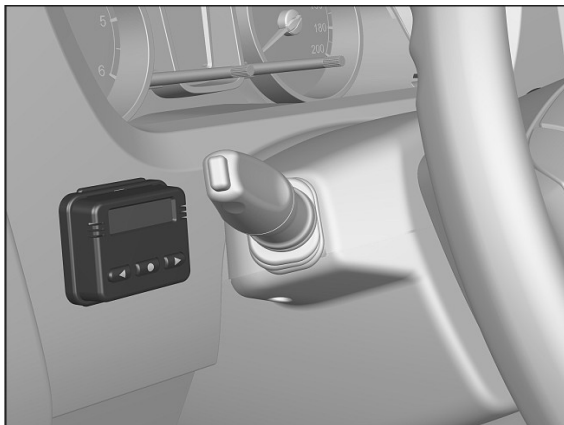
Bộ sưởi tăng cường được điều khiển bởi một núm nằm trên bảng điều khiển, điều chỉnh tốc độ quạt (từ 1 đến 3).

Bộ sưởi độc lập

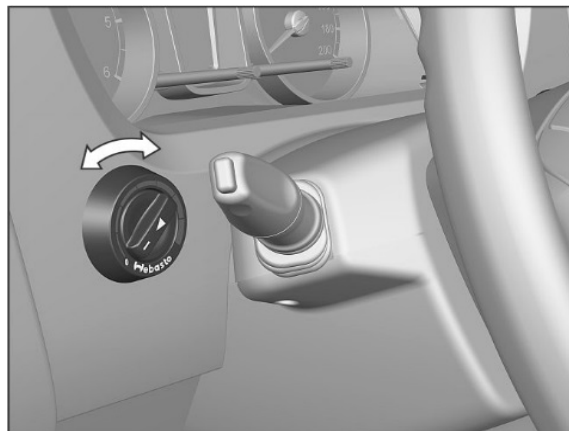


Để tạo điều kiện thoải mái trong khoang hành khách, xe buýt được trang bị một bộ sưởi độc lập.

Bộ sưởi độc lập được đặt ở hàng ghế sau của khoang hành khách. Bộ sưởi sử dụng không khí trong xe. Khí trong xe được đưa qua bộ trao đổi nhiệt độc lập nhiều lần nhờ đó đảm bảo cường độ sưởi cao cho bên trong xe. Ống dẫn khí của bộ sưởi độc lập dẫn khí vào khoang hành khách cùng với bên trái của xe buýt.



Phiên bản 1



Phiên bản 2

Bộ sưởi độc lập được điều khiển bởi hộp điều khiển hoặc núm xoay trên bảng điều khiển.

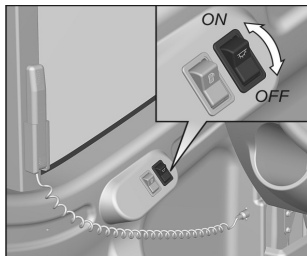
Bật bộ sưởi độc lập mỗi tháng một lần trong 10 phút, kể cả trong mùa nóng. Khởi động thử bộ sưởi Trước khi vận hành liên tục trong mùa lạnh. Các cổng để nạp khí vào khoang đốt và để xả khí phải được kiểm tra sau thời gian không sử dụng kéo dài, và phải được làm sạch, nếu cần thiết.

Sau khi nạp lại nhiên liệu cho xe buýt chạy diesel bằng dầu diesel mùa đông, vận hành bộ sưởi trong 15 phút để đổ đầy nhiên liệu mới vào ống nhiên liệu và bơm đồng hồ!

Các yêu cầu khác được quy định trong sách hướng dẫn của bộ sưởi độc lập được cung cấp cùng với xe.

CHIẾU SÁNG BÊN TRONG

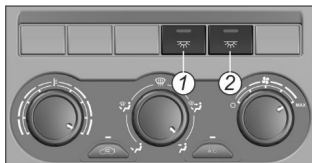
Đèn chiếu sáng nội thất ghế lái được đặt ở phần trước của trần xe.



Phiên bản 1

Để bật đèn chiếu sáng tại vị trí người lái, gạt công tắc đèn nằm bên trái người lái, trên bảng điều khiển bên hông, sang vị trí ON. Để tắt đèn, gạt công tắc về vị trí OFF.

Đèn chiếu sáng khoang hành khách được bố trí dọc hai bên trái và phải trên trần xe.



Phiên bản 2

Để bật hàng đèn bên trái của khoang hành khách, nhấn nút số 1; Để bật hàng đèn bên phải, nhấn nút số 2 — cả hai nút đều nằm ở trung tâm bảng điều khiển. Để tắt đèn, nhấn lại nút tương ứng.



Để bật hoặc tắt toàn bộ đèn khoang hành khách, nhấn nút số 1 nằm ở trung tâm bảng điều khiển.



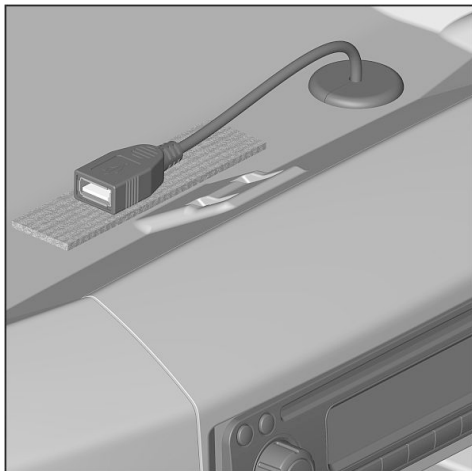
CHÚ Ý!

Không bật ghế lái xe và/hoặc hệ thống chiếu sáng khoang trong thời gian dài trong khi động cơ không chạy để tránh xả ắc quy.

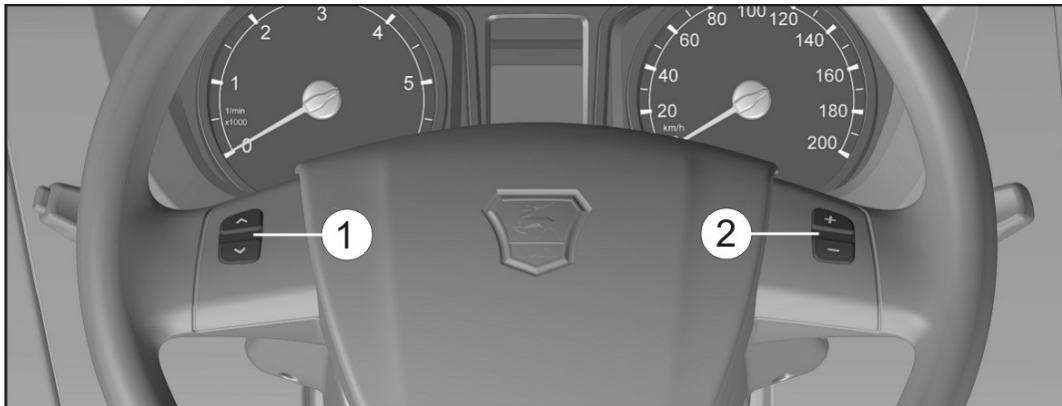
THIẾT BỊ ÂM THANH

Tùy theo thiết kế, xe có thể được trang bị thiết bị âm thanh với kết cấu như sau:

- Bộ đài 1DIN hoặc 2DIN lắp sẵn vào bảng điều khiển. Hướng dẫn sử dụng bộ đài 1DIN hoặc 2DIN được cung cấp cùng với xe.
- Cổng USB của bộ đài 1DIN được đặt trong ngăn đựng tài liệu, và cổng của bộ đài 2DIN nằm ở ổ cắm trung tâm của bảng điều khiển.



- Các nút điều khiển phụ cho đầu phát 1 DIN hoặc 2 DIN trên vô lăng:



1. Nút chọn đài radio trong dải tần hoạt động hoặc nút chuyển bài hát..
2. Các nút điều chỉnh âm lượng.
 - Loa: nằm ở phía trước của trần xe.
 - Ăng ten dạng cần: gắn trên mũi xe.

HỆ THỐNG LIÊN LẠC VỚI NGƯỜI LÁI

Xe được trang bị hệ thống yêu cầu dừng xe, bao gồm biển báo "STOP" phát sáng và ba nút bấm chuyên dụng được bố trí tại ống tay vịn trong khoang hành khách, tấm ốp bên phải và trụ cửa sau cho phép hành khách gửi yêu cầu dừng xe đến người lái.



Khi hành khách nhấn nút một tín hiệu âm thanh sẽ phát ra 3 lần cho người lái biết, đèn cảnh báo "STOP" trên bảng đồng hồ sẽ bắt đầu nhấp nháy, đồng thời, biển báo "STOP" ở phía trước xe cũng sẽ sáng lên.

Đèn cảnh báo trên bảng đồng hồ và biển báo sáng "STOP" sẽ tiếp tục sáng cho đến khi một cửa xe được mở tại trạm dừng.

THIẾT BỊ LIÊN LẠC NỘI BỘ

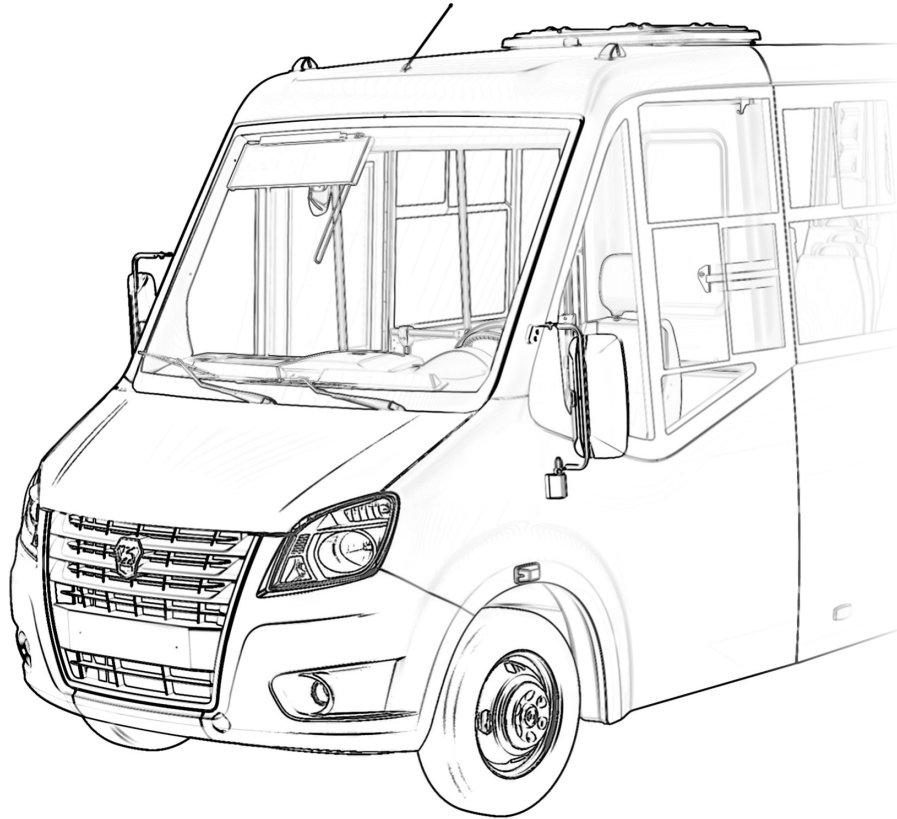
Xe có thể được trang bị thiết bị liên lạc nội bộ, dùng để truyền đạt thông tin bằng lời nói từ người lái đến khoang hành khách:



- Micro đặt tại trụ cửa bên trái phía trước;
- Hai loa lắp ở trần xe bên trái.

Để biết thêm chi tiết về cách sử dụng, vui lòng tham khảo sách hướng dẫn vận hành thiết bị liên lạc nội bộ đi kèm theo xe.

VẬN HÀNH XE



NẠP NHIÊN LIỆU CHO XE

Thùng nhiên liệu được đặt ở phía bên trái của xe.

Để tiếp nhiên liệu cho xe tải, hãy mở nắp thùng nhiên liệu ra bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ.

Để đóng nắp thùng nhiên liệu lại, hãy lắp nắp vào cổ miệng rót và vặn hết cỡ theo chiều kim đồng hồ cho đến khi có tiếng tách.



CẢNH BÁO!

Không để lửa hoặc thuốc đang cháy gần cổ bình nạp nhiên liệu vì có thể gây ra hỏa hoạn.



CHÚ Ý!

Thùng nhiên liệu trên xe được thông hơi thông qua hệ thống van.

Không được thay nắp thùng nhiên liệu có van an toàn tích hợp và van chân không bằng nắp có thiết kế khác.



CHÚ Ý!

Chỉ dùng dầu diesel để nạp nhiên liệu cho xe buýt chạy bằng diesel. Việc sử dụng nhiên liệu khác hoặc trộn lẫn các loại nhiên liệu có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ và nhà sản xuất sẽ từ chối yêu cầu sửa chữa xe theo hình thức bảo hành.

Nếu vô tình đổ loại nhiên liệu khác vào bình, không nên khởi động động cơ ngay mà hút nhiên liệu ra khỏi thùng nhiên liệu. Nếu động cơ vẫn chạy khi nạp nhiên liệu không dành cho xe, nên xả toàn bộ hệ thống cung cấp nhiên liệu của xe.



CHÚ Ý!

Trên một số phiên bản xe, hệ thống xả diesel có Bộ trung hòa oxy hóa Diesel, do đó, việc sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao (trên 10 ppm đối với động cơ ISF2.8s5129P, ISF2.8s5161P, ISF2.8s5F148, các động cơ thuộc dòng “G” hoặc trên 50 ppm đối với động cơ ISF2.8s4129P и ISF2.8s4R148) có thể gây lắng đọng lưu huỳnh bên trong hệ thống trung hòa và làm hỏng nó.



CHÚ Ý!

Đề tránh hỏng sớm của bơm môi (bơm nhiên liệu điện), không cho phép động cơ chạy trong một thời gian dài với một lượng nhỏ nhiên liệu trong bình nhiên liệu



CHÚ Ý!

Luôn tắt bộ sưởi động cơ (block heater), bộ sưởi phụ trợ (booster heater) và thiết bị sưởi độc lập trước khi tiếp nhiên liệu.



CHÚ Ý!

Khi một chiếc xe buýt có động cơ ISF2.8 Euro-5 sử dụng nhiên liệu diesel chất lượng kém, các sản phẩm đốt có khả năng lắng đọng vào bộ phận làm nóng của thiết bị hỗ trợ khởi động, dẫn đến sự giảm công suất, và dẫn đến hỏng động cơ.

Trước khi vào mùa đông, cần kiểm tra bộ phận sưởi và nếu cần, làm sạch lắng cặn khỏi các thiết bị đốt.

Đối với động cơ diesel, sử dụng nhiên liệu diesel theo GOST 32511-2013 (EN 590: 2009), loại K3, K4 hoặc K5 (đối với động cơ ISF2.8s3129T), loại K4 hoặc K5 (đối với động cơ ISF2.8s4R129) hoặc loại K5 (đối với động cơ ISF2.8s5F148) hoặc ASTM 975-81 (Hoa Kỳ), BS 2869-83 (Anh), NFM 15009-76 (Pháp), DIN 51601 (Đức).

Tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường, nên sử dụng nhiên liệu thuộc loại hoặc cấp phù hợp như trong bảng dưới đây:

Loại nhiên liệu	0	1	2	3	4
Nhiệt độ vận hành tối thiểu, °C	-20	-26	-32	-38	-44

Cấp nhiên liệu	A	B	C	D	E	F
Nhiệt độ vận hành tối thiểu, °C	+5	0	-5	-10	-15	-20

Đối với hoạt động của động cơ xăng, sử dụng xăng không chì có chỉ số octan (RON) ít nhất là 95 theo GOST R 51866-2002 (EN 228-99) hoặc ASTM D 4814 (Hoa Kỳ) hoặc DIN EN 228 (Đức).

CHO XE CHẠY RÔ ĐA

Xe không yêu cầu quy trình chạy rô đa đặc biệt nào, mà tuổi thọ của các bộ phận và linh kiện chủ yếu phụ thuộc vào cách lái xe và điều kiện vận hành trong 2.000 km đầu tiên xe đi được.

Không được phép lái xe, ngay cả khiphanh động cơ khi xuống dốc, với tốc độ quay trục khuỷu vượt quá 2.800 vòng/phút đối với động cơ diesel và 3.000 vòng/phút đối với động cơ xăng.

Tránh chạy động cơ lạnh ở RPM cao kể cả khi xe đỗ hoặc đang chạy.

Kịp thời chuyển sang số thấp nhất dựa trên điều kiện địa hình, tránh để động cơ kéo nặng khi tốc độ trục khuỷu quá thấp.

LÁI XE

Nên làm nóng động cơ trước khi di chuyển. Nếu không thể làm điều này, và bạn phải làm nóng động cơ khi di chuyển, nên lái xe một lúc ở các số thấp với tốc độ động cơ thấp nếu nhiệt độ môi trường thấp hoặc sau khi xe đã đỗ lâu. Khi động cơ nóng lên, lần lượt chuyển sang các số cao hơn.

Khi vượt qua vùng ngập nước, hãy đảm bảo rằng độ sâu của nó bao gồm chiều cao của sóng ngược và chỗ nước cao phía trước xe không vượt quá mép dưới của thanh cản trước so với mặt đường và di chuyển với tốc độ tối thiểu cho phép không quá 20 km/giờ để tránh nước xâm nhập vào bộ lọc không khí.

Sau khi vượt vùng ngập nước, sau khi rửa xe, cũng như khi lái xe liên tục trên đường ngập nước, khi nước xâm nhập vào phanh ở bánh xe, đạp phanh nhẹ nhàng vài lần để làm khô đĩa phanh và má phanh.

Khi lái xe qua vùng nước, hãy giảm tốc độ để tránh bị trượt hoặc mất kiểm soát; nếu lốp xe bị mòn, mối nguy hiểm này sẽ tăng lên.

Nếu có thể, tránh tăng tốc và giảm tốc nhanh khi lái xe, vì có thể gây hao mòn lốp quá mức và tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.

Chạy ở số 3, 4 và 5 với tốc độ động cơ giảm (dưới 1.500 vòng/phút) khiến cho động cơ và hệ thống truyền động chịu nhiều lực hơn và có thể đi kèm với các hiệu ứng cộng hưởng trong hệ thống truyền động. Nên tránh lái xe trong điều kiện này. Chuyển sang các số thấp hơn để tránh các hậu quả vừa đề cập.

Để tránh làm hỏng vỏ nhựa của xi lanh tổng côn, không bao giờ vận hành chân côn ngược hướng cắt ly hợp bình thường của nó nếu thanh truyền được nối với chân côn.

Để đảm bảo độ bền của hộp số, trong quá trình vận hành xe, cần tuân thủ các quy tắc dưới đây để đảm bảo chuyển số dễ dàng và không gây tiếng ồn:

1. Liên kết ly hợp phải đảm bảo cắt ly hợp hoàn toàn. Khi đạp bàn đạp hết cỡ, ly hợp không được trượt.
2. Luôn chuyển số bằng cách di chuyển cần số một cách trơn tru chỉ sau khi ly hợp đã được cắt hoàn toàn. Chuyển số quá nhanh sẽ dẫn đến hao mòn sớm hoặc hỏng bộ đồng tốc. Không bao giờ chuyển số nếu ly hợp chưa cắt hoàn toàn, và không bao giờ vận hành chân côn và cần số đồng thời.
3. Không cài ly hợp khi số chưa ăn khớp.
4. Chỉ chuyển sang số lùi sau khi xe đã dừng hẳn.

Trục lái của xe được trang bị bộ vi sai bánh răng côn, cho phép bánh xe quay ở các tốc độ khác nhau, đảm bảo sự ổn định và khả năng điều khiển khi lái xe. Khi một bánh xe trục lái bị trượt lâu (hơn 5 phút) có thể dẫn đến các bộ phận vi sai quá nóng và làm chúng hỏng hóc. Nếu tình huống như vậy xảy ra, sử dụng công cụ sẵn có để cải thiện độ bám dính của xe với mặt đường hoặc kéo xe ra khỏi khu vực nguy hiểm.



CẢNH BÁO!

Khi đèn cảnh báo nguồn nhiên liệu dự phòng tối thiểu sáng lên, cần phải tiếp nhiên liệu cho xe càng sớm càng tốt. Khi xe chạy với quá ít nhiên liệu có thể dẫn đến tình trạng xe bị dừng lại đột ngột và gây ra tình huống nguy hiểm và hỏng động cơ sớm.

LÁI XE TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU

Cách lái xe là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nhiên liệu.

- Duy trì khoảng cách phù hợp với xe trước để lưu lượng giao thông đồng đều hơn. Tránh tăng tốc và giảm tốc nhanh.
- Khi tốc độ tăng, xe chịu lực cản cao hơn, do đó tiêu thụ nhiều nhiên liệu hơn. Ngoài ra, lốp xe mòn nhanh hơn khi tốc độ xe tăng lên.
- Để tiết kiệm nhiên liệu tối đa, chúng tôi khuyên bạn khi lái xe nên chuyển sang số nào giữ tốc độ trực khuỷu nằm trong khoảng từ 1.600 đến 2.400 vòng/phút, tương ứng với vùng màu xanh lá cây của tốc độ kế.

Lái xe với số cao và ở tốc độ trực khuỷu cao làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu, tăng tiếng ồn khi truyền động và tăng khả năng hao mòn của các bộ phận trong động cơ.

Mức tiêu thụ nhiên liệu cũng tăng nếu bạn có những cách thức không tốt, đó là, chuyển sang các số thấp khi lái xe với tốc độ trực khuỷu cao, tăng tốc nhanh và lái tốc độ cao.

Tình trạng chung của xe và tình trạng hoạt động bình thường của các hệ thống của nó ảnh hưởng lớn đến mức tiêu thụ nhiên liệu.

- Luôn giữ xe trong tình trạng kỹ thuật tốt. Giá trị của các thông số có thể kiểm soát phải đáp ứng đặc tính kỹ thuật của nhà sản xuất.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên. Áp suất thấp khiến cho lực cản lăn cao hơn. Điều này gây ra mức tiêu thụ nhiên liệu tăng, độ mòn lốp cao hơn và ảnh hưởng xấu đến tính năng đi đường của xe.

Áp suất lốp cao hơn mức bình thường có thể khiến xe chạy không được êm.

Nếu đèn báo hiệu “Cảnh báo” trong hệ thống kiểm soát động cơ sáng lên trong khi lái xe, báo hiệu rằng động cơ đang hoạt động ở chế độ dự phòng, tiêu thụ nhiều nhiên liệu hơn..

Đặc điểm kỹ thuật riêng của xe và điều kiện hoạt động của xe gây ảnh hưởng đáng kể đến mức tiêu thụ nhiên liệu.

- Dầu không đủ nóng trong động cơ và các bộ phận truyền động làm tăng lực cản và độ hao mòn của các bề mặt ma sát. Để làm nóng dầu nhanh hơn, chúng tôi khuyên bạn nên bắt đầu lái xe một hoặc hai phút sau khi khởi động động cơ lạnh và bắt

đầu với tốc độ trực khuỷu trung bình, tránh tăng tốc nhanh. Ở nhiệt độ môi trường thấp và sau khi đỗ xe lâu, chúng tôi khuyên bạn nên giữ số thấp một lúc khi bắt đầu lái và lái với tốc độ động cơ thấp.

Chỉ sử dụng chất bôi trơn được nhà máy phê duyệt. Phạm vi nhiệt độ của dầu sử dụng trong hệ thống bôi trơn động cơ phải phù hợp với phạm vi nhiệt độ ổn định của môi trường.

- Tránh lái xe các đoạn đường ngắn, bởi vì thường thì trong các đoạn đường này, động cơ phải dừng lại và khởi động lại. Trong trường hợp này, không thể đạt được nhiệt độ hoạt động bình thường.
- Tránh để động cơ vận hành khi đỗ xe, trừ khi thực sự cần thiết.
- Tránh chở những thứ không cần thiết hoặc hàng hóa trong xe.

KHỞI ĐỘNG VÀ TẮT ĐỘNG CƠ



NGUY HIỂM!

Để hỗ trợ khởi động động cơ diesel, động cơ được trang bị bộ đốt nóng bằng điện.

Việc sử dụng ete hoặc các chất lỏng dễ cháy khác để hỗ trợ khởi động động cơ có thể gây nổ và nguy hiểm.



NGUY HIỂM!

Không được khởi động động cơ trong không gian kín. Khí thải từ động cơ chứa các sản phẩm độc hại của quá trình đốt cháy nhiên liệu, nếu hít phải sẽ gây nhiễm độc nghiêm trọng và thậm chí có thể dẫn đến tử vong. Ngoài ra, tránh bật hệ thống thông gió bên trong khi đỗ xe với động cơ đang chạy.



NGUY HIỂM!

Sử dụng vỏ bọc thêm cho động cơ vào mùa đông có thể làm cho lớp cách nhiệt này bốc cháy, dẫn đến hỏa hoạn, vì một số bộ phận động cơ rất nóng.



CHÚ Ý!

Nghiêm cấm khởi động động cơ lạnh trên lớp dầu có độ nhớt 10W-40 ở nhiệt độ môi trường dưới âm 20°C, trên lớp dầu có độ nhớt 5W-40 dưới âm 25°C, trên lớp dầu có độ nhớt 0W-40 hoặc 0W-30 dưới âm 30°C. Dưới nhiệt độ không khí thấp hơn, động cơ diesel chỉ nên được khởi động sau khi nó được làm nóng.

**CHÚ Ý!**

Đề tránh sự hỏng hóc của hệ thống xử lý khí thải, không khởi động động cơ trong lúc đẩy xe, kéo hoặc di chuyển xuống dốc.

**CHÚ Ý!**

Phải luôn có mặt cánh chừng trong khi để động cơ xe chạy. Nếu người lái vắng mặt khi động cơ đang chạy và đèn cảnh báo Lỗi động cơ sáng lên, động cơ sẽ không được dừng ngay lập tức và có thể bị hỏng.

**CHÚ Ý!**

Tuyệt đối không được hâm nóng cacte dầu động cơ (được làm bằng nhựa) bằng ngọn lửa trần.

**CHÚ Ý!**

Đừng bao giờ di chuyển xe bằng bộ khởi động, vì sẽ làm cho bộ khởi động hỏng ngay cả khi chỉ hoạt động trong thời gian ngắn.

**CHÚ Ý!**

Việc khởi động lặp lại động cơ xăng khi chưa được làm ấm đầy đủ (nhiệt độ nước làm mát dưới 60°C) có thể dẫn đến hiện tượng khởi động không ổn định.

Nếu xe sẽ được đỗ trong thời gian dài, khuyến nghị vận hành động cơ ở tốc độ 2.500 đến 3.000 vòng/phút trong vòng 1 phút để làm nóng bugi đánh lửa.

Trong trường hợp động cơ khởi động không ổn định, hãy xả xi-lanh để làm khô bugi bằng cách quay động cơ bằng đề (starter) trong khi đạp hết chân ga.

Phạm vi nhiệt độ vận hành dầu động cơ phải phù hợp với nhiệt độ môi trường mà ở đó xe được sử dụng. Khi nhiệt độ môi trường thấp hơn phạm vi nhiệt độ vận hành dầu động cơ, hãy làm nóng động cơ trước khi khởi động.

Trước khi khởi động động cơ, kiểm tra mức nước làm mát trong hệ thống làm mát và mức dầu trong các-te động cơ và trong bình dầu trợ lực lái.

Khởi động động cơ

Khởi động động cơ như sau:

1. Đặt cần số ở vị trí giữa.
2. Đạp chân côn xuống hết cỡ.
3. Vặn khóa khởi động sang vị trí I. Các đèn cảnh báo sẽ sáng lên một lúc trong thời gian ngắn (tối đa 5 giây) (xem phần Đèn cảnh báo trên bảng đồng hồ). Đèn cảnh báo bộ làm nóng không khí, tùy thuộc vào nhiệt độ không khí, cho người lái biết rằng có thể sử dụng bộ khởi động (ngay khi đèn tắt, người lái có thể bật bộ khởi động).

Nếu đèn báo hiệu “Cảnh báo” trên hệ thống điều khiển động cơ sáng lên trong thời gian dài, có nghĩa là có lỗi không nghiêm trọng trong hệ thống điều khiển động cơ, lỗi này vẫn cho phép người lái khởi động động cơ và tiếp tục lái xe tới trạm bảo hành. Nếu đèn cảnh báo “Lỗi động cơ nghiêm trọng” sáng trong thời gian dài, người lái không được khởi động động cơ cho đến khi vấn đề được khắc phục.

4. Không được để máy quá 10 giây. Không được nhấn chân ga! Đảm bảo là đèn cảnh báo ắc quy tắt.
5. Khi động cơ đã khởi động, nhả chìa khóa và chân côn.

Nếu cần, cho phép khởi động 2 hoặc 3 lần, mỗi lần, nên khởi động từ vị trí “0” của công tắc thiết bị/bộ khởi động và thời gian giữa hai lần khởi động tối thiểu là 1 phút.

Sau khi khởi động động cơ lạnh, tốc độ trục khuỷu sẽ được duy trì và động cơ tự động được làm nóng.

Khởi động động cơ diesel sử dụng bộ phận sưởi động cơ

Trong một số cấu hình, xe được trang bị bộ phận sưởi động cơ để khởi động động cơ dễ dàng hơn và giúp xe hoạt động ổn định trong mùa đông.

Bộ phận sưởi động cơ được lắp đặt dưới mui xe phía trước bình ắc quy. Bảng điều khiển chứa mô-đun điều khiển bộ phận sưởi động cơ.

Để làm nóng động cơ trước khi khởi động, bật bộ phận sưởi động cơ hoặc lập trình kích hoạt nó như mô tả trong sổ tay hướng dẫn sử dụng mô-đun điều khiển được cung cấp kèm theo xe.

Hoạt động của bộ phận sưởi động cơ

Nếu hệ thống sưởi bên trong khoang xe bật khi động cơ dừng, lần tiếp theo khi bộ phận sưởi động cơ được bật, bơm tuần hoàn của hệ thống sưởi động cơ sẽ bơm chất làm mát đã được làm nóng đi khắp hệ thống sưởi, do đó đầu tiên sẽ làm nóng bộ tản nhiệt bộ phận sưởi bên trong và sau đó là động cơ. Trong trường hợp này quạt sưởi không hoạt động.

Nếu hệ thống sưởi bên trong khoang xe tắt khi động cơ dừng (nút điều chỉnh nhiệt độ không khí ở vị trí ngoài cùng bên trái), thì khi bật hệ thống sưởi động cơ, bơm tuần hoàn của hệ thống sưởi động cơ sẽ bơm chất làm mát đã được làm nóng trực tiếp chỉ qua động cơ. Trong trường hợp này, động cơ nóng lên nhanh hơn.

Bộ phận sưởi động cơ sẽ làm nóng chất giải nhiệt đến nhiệt độ thích hợp để dễ dàng khởi động động cơ vào mùa đông và sau đó sẽ tắt.

Để sử dụng hệ thống sưởi động cơ ở chế độ làm nóng chất làm mát, hãy nhấn nút làm nóng chất làm mát trong khi động cơ đang chạy và bộ phận sưởi đang bật (xem tiêu mục về Hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí để biết mô tả về hoạt động của bộ phận làm nóng chất làm mát).

Để đảm bảo bộ phận sưởi động cơ hoạt động bền bỉ, nên bật mỗi tháng một lần trong 10 phút, ngay cả khi thời tiết ấm áp. Tiến hành khởi động thử trước khi sử dụng hệ thống sưởi động cơ liên tục trong mùa lạnh. Các công cụ cung cấp không khí cho buồng đốt và loại bỏ khí thải phải được kiểm tra sau thời gian dài không hoạt động và phải được vệ sinh, nếu cần.

Đường dẫn nhiên liệu và bơm định lượng sau khi vận hành xe bằng loại diesel cho mùa đông thì phải được đổ đầy nhiên liệu mới lại cùng với việc cho vận hành lò sưởi trong 15 phút!

Tắt Động cơ

Không dừng động cơ ngay lập tức nếu nó đang hoạt động ở mức tải cao. Để cho động cơ chạy không tải trong 2-3 phút là cần thiết.

Xoay khóa (khởi động) thiết bị/bộ khởi động về vị trí “0” để tắt động cơ.

BỘ LỌC MUỘI THAN

Bộ lọc hạt muội than (DPF) của hệ thống xả bị tắc và được tái tạo làm sạch trong quá trình vận hành xe. Việc này được báo hiệu bởi nhiệt độ khí thải cao và đèn cảnh báo tắc nghẽn DPF.



Đèn cảnh báo nhiệt độ khí thải cao

Đèn cảnh báo nhiệt độ khí thải cao cảnh báo người lái về nhiệt độ khí thải cao do quá trình tái tạo làm sạch DPF ở chế độ tự động hoặc cưỡng bức. Tái tạo làm sạch DPF thường có thể mất tới 40 phút, điều này là bình thường, không nên tắt động cơ cho đến khi đèn tắt.



NGUY HIỂM!

Nếu đèn cảnh báo sáng liên tục, các bộ phận của hệ thống xả đang bị nóng, do đó không được để vật dễ cháy nổ bên dưới xe, ống xả không được hướng vào bất kỳ bề mặt hoặc vật liệu nào có thể nóng chảy, bắt lửa hoặc phát nổ.

Có thể cảm nhận mùi khí thải khi đèn cảnh báo nhiệt độ khí thải cao sáng lên. Điều này là bình thường. Nếu cảm nhận mùi nồng nặc và hơi màu trắng thoát ra, phải kiểm tra xem hệ thống xả có rò rỉ hay không tại trạm dịch vụ.



Đèn cảnh báo tắc nghẽn DPF

Đèn cảnh báo tắc nghẽn DPF cảnh báo cho người lái về tình trạng của DPF.

Đèn sáng liên tục báo hiệu rằng muội than bắt đầu tích tụ trong DPF và cần tái tạo làm sạch. Để tái tạo làm sạch, tốc độ chạy xe phải tăng lên (nếu điều kiện đường xá bảo đảm) trên 60 km/giờ hoặc tốc độ động cơ nên được duy trì trên 2.000 vòng/phút cho đến khi đèn tắt (quá trình tái tạo làm sạch có thể mất tới 40 phút).

Đèn nhấp nháy biểu thị lượng muội than nhiều hơn trong DPF. Ngoài ra, công suất động cơ có thể được giảm tự động. Nên tiến hành tái tạo làm sạch ở chế độ cưỡng bức khi xe đỗ.



Đèn báo hiệu “Cảnh báo” trong hệ thống kiểm soát động cơ + đèn cảnh báo tắc nghẽn DPF

Đèn báo hiệu “Cảnh báo” sáng liên tục cùng với đèn DPF nhấp nháy báo cho người lái rằng đã đến lúc cần làm sạch DPF ngay lập tức. Công suất động cơ sẽ được giảm tự động. Nên tiến hành làm sạch ở chế độ cường bức khi xe đỗ **ngay lập tức**.



Đèn cảnh báo Lỗi động cơ nghiêm trọng

Nếu đèn cảnh báo Lỗi động cơ nghiêm trọng sáng lên, dừng xe, tắt động cơ và không khởi động động cơ cho đến khi nó được bảo dưỡng tại trạm dịch vụ.

Tiến hành tái tạo làm sạch DPF ở chế độ cường bức khi xe đỗ

DPF được tái tạo làm sạch bằng cách nhấn nút “START” (KHỞI ĐỘNG) trên bảng điều khiển.



Công tắc tái tạo DPF

Công tắc (nút không có khóa) dùng để khởi động việc tái tạo DPF khi xe đỗ nếu bộ lọc cần tái tạo làm sạch.

Quy trình tái tạo DPF khi xe đỗ:

- Dừng xe, cài phanh tay và kéo cần số về vị trí giữa;
- Đảm bảo không có vật dễ cháy xung quanh hệ thống xả và ở hướng xả khí thải;
- Đối với xe có động cơ ISF2.8, khởi động động cơ và nhấn nút “START” để quá trình tái tạo làm sạch DPF bắt đầu hoạt động.
- Đối với xe có động cơ dòng “G”, khởi động động cơ và nhấn giữ nút “START” trong hơn 3 giây. Nhà nút, sau khoảng 2 giây, quá trình tái tạo làm sạch DPF bắt đầu hoạt động.



CHÚ Ý!

Tốc độ động cơ sẽ tăng lên và bộ phận điều khiển sẽ vận hành quy trình tái tạo làm sạch DPF ở chế độ cường bức. Sau khi quá trình tái tạo làm sạch hoàn tất, động cơ sẽ tự động trở về tốc độ không tải bình thường và **Đèn báo hiệu “Cảnh báo” trong hệ thống kiểm soát động cơ và đèn cảnh báo tái tạo DPF** sẽ tắt.

Quan sát xe và khu vực xung quanh trong quá trình tái tạo làm sạch. Nếu tình trạng trở nên không an toàn, dừng động cơ ngay lập tức hoặc nhấn chân côn, chân phanh hoặc chân ga để ngắt quá trình tái tạo làm sạch. Đối với xe có động cơ dòng “G”, để dừng quá trình tái tạo làm sạch, có thể giữ nút “START” trong hơn 3 giây rồi thả ra, quá trình tái tạo làm sạch sẽ ngừng lại.



CHÚ Ý!

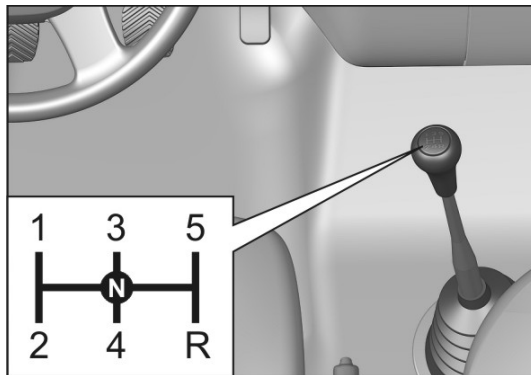
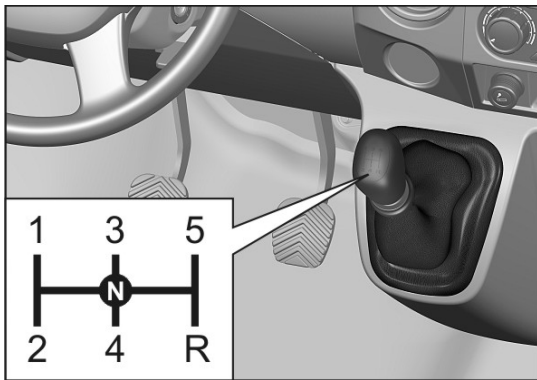
Việc tái tạo làm sạch ở chế độ cường bức khi xe đỗ có thể mất đến 40 phút. Trong trường hợp khẩn cấp cần cho xe chạy, ngắt quá trình tái tạo làm sạch như sau: tắt động cơ hoặc nhấn chân côn, chân phanh hoặc chân ga và tiếp tục lái xe, thường xuyên kiểm tra xem có bất kỳ đèn cảnh báo nào sáng không. Nếu cần, lặp lại quá trình tái tạo làm sạch ở chế độ bắt buộc tại một nơi thuận tiện và an toàn.



NGUY HIỂM!

Sau khi hoàn tất quá trình tái tạo, khí thải và các bộ phận trong hệ thống xả vẫn nóng một thời gian.

SANG SỐ



Để sang số trơn tru, nhấn chân côn hết cỡ. Để tránh bộ đồng tốc hao mòn sớm, di chuyển cần gạt trơn tru, dừng lại một lúc ở vị trí giữa như minh họa trong hình và dừng lại trên tay cầm của tay gạt số.

Hộp số có một thiết bị an toàn để ngăn chặn việc vô tình chuyển sang số lùi R.

Chỉ nên gài số lùi sau khi xe đã dừng hẳn.

Chỉ chuyển sang số lùi khi hộp số ở vị trí giữa N. Trong trường hợp này, đèn báo lùi sẽ sáng lên nếu bật đồng hồ và bộ khởi động.

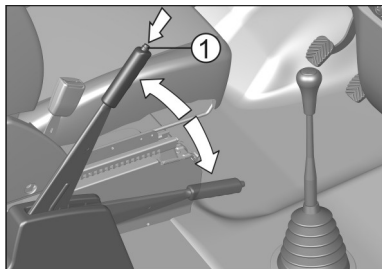


CHÚ Ý!

Tránh đạp chân côn trong khi lái xe vì có thể làm hỏng bộ ly hợp.

Để tránh bộ ly hợp hỏng, không gài số đầu tiên nếu xe đang di chuyển với tốc độ trên 15 km/giờ.

PHANH TAY



Để giữ xe đứng yên khi đỗ, cài chắc cần gạt bằng cách kéo nó lên. Để di chuyển cần gạt dễ dàng hơn, vừa nhấn chân phanh vừa kéo cần gạt lên. Khi đỗ xe trên sườn dốc, cài cần gạt chặt hơn nếu cần. Chúng tôi cũng khuyến khích gài thêm số đầu tiên.

Khi xe được phanh lại, nếu bộ phận khởi động bật lên, đèn cảnh báo (P) sẽ bắt đầu nhấp nháy trên bảng đồng hồ.

Để nhả phanh, kéo nhẹ cần gạt lên, nhấn nút khóa 1 ở cuối tay cầm và hạ cần gạt xuống hết cỡ, đèn cảnh báo sẽ tắt.



CHÚ Ý!

Không gài phanh tay khi lái xe, trừ khi dùng phanh tay để phanh khẩn cấp nếu hệ thống phanh chính bị hỏng.

Khi sử dụng phanh tay để phanh khẩn cấp xe đầy tải trên bề mặt đã lát nền và khô, các bộ phận của phanh tay có thể bị biến dạng (đối với ô tô có phanh đĩa), có thể gây giảm hiệu quả phanh khi dùng phanh tay trong những lần phanh và giảm tốc hãm khi xe đang chuyển động sau đó, tăng tiêu thụ nhiên liệu, làm nhiệt độ lên cao quá mức và hỏng các bộ phận trên bánh xe.

Nếu thực tế xảy ra việc phanh khẩn cấp nêu trên, đưa xe đến trạm bảo dưỡng có các thiết bị cần thiết và yêu cầu họ chẩn đoán tình trạng của các bộ phận phanh tay và thay thế các bộ phận bị biến dạng nếu có.

KHÓA VI SAI



Khi cần phải vượt qua một đoạn đường khó chạy, khóa vi sai cho phép người lái giữ chắc hai bánh sau với nhau và truyền tất cả mô-men xoắn tới các bánh này. Khóa vi sai được cài bằng công tắc 1 trên bảng điều khiển.

Sau khi nhấn công tắc trên cụm đồng hồ, đèn báo khóa vi sai phía sau



sẽ

Khóa không được kích hoạt khi tốc độ xe lớn hơn 5 km/h. Khi tốc độ đạt tới 30 km/giờ, khóa sẽ tự động ngắt và đèn báo trên bảng đồng hồ sẽ tắt. Để cài lại khóa sau khi nó được tự động ngắt, giảm tốc độ xe và nhấn lại công tắc khóa. Nhấn công tắc một lần nữa để mở khóa vi sai. Khóa vi sai có thể được ngắt trong khi xe đang di chuyển



CHÚ Ý!

Cài khóa vi sai trước khi vượt qua chướng ngại vật.

Cài khóa vi sai khi xe đang đứng yên hoặc đang di chuyển với tốc độ lên đến 5 km/h với độ trượt bánh tối thiểu.

Không cài khóa vi sai khi một trong các bánh xe bị trượt, vì điều này sẽ làm hỏng bộ vi sai. Để tránh trường hợp này, đối với xe đang bị trượt khi đứng yên hoặc đang di chuyển mà một trong hai bánh bị trượt (để dừng hoàn toàn bánh xe, nên nhấn bàn đạp phanh), sau đó nhấn công tắc khóa vi sai và tiếp tục lái xe.

Không khóa vi sai trên bề mặt đường khô cứng. Việc lái xe trong thời gian dài với bộ vi sai bị khóa trên đường trải nhựa sẽ khiến gia tăng tải trọng lên hệ thống truyền động gây hư hỏng.



CHÚ Ý!

Không cài khóa vi sai ở tốc độ cao, điều này sẽ dẫn đến tình huống nguy hiểm. Việc khóa vi sai ở tốc độ cao có thể khiến bạn mất khả năng kiểm soát xe.

Không được tắt khóa vi sai khi vào cua hoặc trong các trường hợp khác khi hộp số của xe đang chịu tải. Khi xe chạy có tải hoặc khi rẽ, bộ vi sai có thể vẫn bị khóa sau khi bị tắt, điều này có thể ảnh hưởng xấu đến khả năng vận hành của xe. Sau khi xe rẽ xong, nên cho xe di chuyển theo đường thẳng ít nhất 3-5 mét, sau đó mới được tắt.

Không lái xe với khóa vi sai ở tốc độ cao trên đường trơn trượt vì điều này có thể khiến xe mất kiểm soát.

Sau khi vượt qua đoạn đường xấu, nên tắt khóa vi sai.

PHANH

Xe được trang bị Hệ thống chống bó phanh (ABS), trong trường hợp phanh khẩn cấp trên đường có bề mặt không đồng nhất (ví dụ, đường nhựa + băng), giúp bánh xe không bị bó cứng với độ ăn phanh thấp nhất (ví dụ trên băng), giảm thiểu đường phanh của xe trên mặt đường này và duy trì tính ổn định của xe và khả năng điều khiển xe. Khi ABS được kích hoạt, có thể cảm nhận được xung động nhẹ trên chân phanh. Hệ thống ABS này có chức năng điều chỉnh lực phanh điện tử (EBD) giúp trục sau không bị trượt trong quá trình xe không đẩy tải phanh đột ngột.



CHÚ Ý!

Để đạt được hiệu quả phanh khẩn cấp cao nhất đối với các phương tiện được trang bị ABS, hãy tác dụng lực tối đa vào chân phanh đồng thời dậm chân côn.

Xe buýt được trang bị hệ thống phanh mạch kép. Trong trường hợp một mạch phanh gặp sự cố, xe vẫn có thể được phanh nhờ mạch còn lại. Tuy nhiên, hành trình bàn đạp sẽ dài hơn và hiệu quả phanh sẽ giảm, điều này ban đầu có thể khiến người lái cảm giác như phanh hoàn toàn không hoạt động. Tuy vậy, hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) vẫn hoạt động, đảm bảo khả năng phanh hiệu quả. Trong tình huống này, không được nhả bàn đạp phanh, mà cần tiếp tục đạp mạnh và giữ nguyên lực đạp tối đa để đạt được hiệu quả phanh tốt nhất. Việc nhấn – nhả bàn đạp phanh nhiều lần sẽ chỉ làm tăng quãng đường phanh.

Khi lái xe qua những vùng nước sâu, đường ngập hoặc khi rửa xe buýt, nước có thể lọt vào phanh ở bánh xe. Điều này có thể làm giảm hiệu quả phanh. Nếu trường hợp này xảy ra, đạp nhẹ phanh nhiều lần để làm khô các cơ cấu phanh khi xe đang di chuyển.

Nên sử dụng kỹ thuật tương tự trước khi gài phanh đỗ trong thời tiết lạnh và ẩm ướt để giảm khả năng má phanh ướt đóng băng vào tang trống.

Trên những đoạn dốc dài, cần gài số thấp nhất và sử dụng phanh động cơ cùng với hệ thống phanh.

Xe được trang bị trợ lực phanh chân không, giúp giảm lực đạp. Sau khi dừng động cơ và đạp chân phanh một hoặc hai lần, bộ trợ lực phanh sẽ ngừng hoạt động. Trong trường hợp này, lực tác dụng lên chân phanh để phanh xe hiệu quả sẽ tăng đáng kể.

Xe buýt có chương trình cân bằng điện tử (ESP).

Chương trình này bao gồm các chức năng kiểm soát quỹ đạo chống lật và chuyển động, cho phép bạn tránh bị lật và duy trì quỹ đạo chuyển động mong muốn trong khi thực hiện các thao tác khác nhau khi di chuyển mà không phanh.

Ngoài ra, một chiếc xe buýt được trang bị ESP có ABS được mô tả ở trên, hệ thống chống trượt, giúp *di chuyển* trên những con đường có hệ số bám dính thấp (tuyết, băng), cũng như hệ thống hỗ trợ khởi động di chuyển lên dốc. Trong trường hợp sau đó, xe buýt sẽ không phục hồi trong hai giây sau khi nhà bàn đạp phanh.



Nếu cần phải lái xe với khả năng trượt bánh xe có thể (ví dụ: lái xe lên dốc rẽ, nếu có tuyết ướt trên mặt đường), có thể tắt ESP bằng cách nhấn công tắc 1 trên bảng điều khiển. Sau khi vượt qua đoạn đường khó, ESP sẽ tự động bật khi tốc độ đạt khoảng 75 km/h.

BÁNH VÀ LỚP XE

Thông tin chung

Xe được lắp bánh xe thép dập khuôn có kích thước 51/2Jx16 H2 hoặc 61/2Jx16 H2.

Bánh xe dự phòng được đặt trên một giá đỡ dưới khung xe buýt.



NGUY HIỂM!

Để tránh giảm độ ổn định của xe và khả năng điều khiển xe, hãy sử dụng một bộ bánh xe cùng loại và một bộ lốp có cùng kích cỡ và mẫu mã.

Mã lốp xe

Mẫu mã và mã lốp xe được thể hiện trên thành bên của lốp. Nhà sản xuất ô tô trang bị cho bánh xe loại lốp 185/75R16C 104/102Q.

Mã lốp xe bao gồm:

185, 235 - chiều rộng danh nghĩa tính bằng milimét;

75 - tỷ lệ mặt cắt - tỷ lệ giữa chiều cao và chiều rộng của lốp được biểu thị bằng phần trăm;

R – lốp radial;

16 - đường kính vành, tính bằng inch;

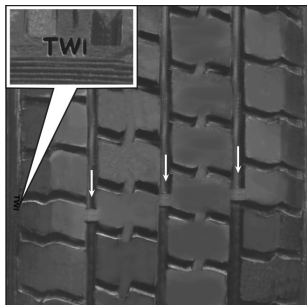
C - lốp cho xe thương mại hạng nhẹ;

104 - chỉ số khả năng chịu lực nêu rõ tải trọng tối đa cho phép của lốp (đối với bánh xe đơn), trong ví dụ này là 900 kg;

102 - chỉ số khả năng chịu lực nêu rõ tải trọng tối đa cho phép của lốp (đối với bánh xe kép), trong ví dụ này là 850 kg;

Q biểu tượng tốc độ cho biết tốc độ tối đa đối với lốp xe - 160 km/h.

Chỉ số độ mòn lốp



Vị trí gần đế gai lốp nằm trên đường chạy của gai lốp, ở cùng một khoảng cách dọc theo chu vi có chỉ số mòn lốp cao 1,6mm. Vị trí ghi chỉ số mòn lốp được hiển thị bằng các dấu hiệu trên thành lốp (ví dụ: “TWI” hoặc biểu tượng).

Chỉ số mòn lốp sẽ xuất hiện dưới dạng các đoạn cao su cứng và tương ứng với giới hạn mòn của lốp, với độ sâu là 1,6 mm. Trong trường hợp này, phải thay lốp xe.

Lốp xe mòn nên được thay thế bằng một bộ lốp mới.



CHÚ Ý!

Chiều cao gai lốp còn lại càng thấp thì sự ổn định của xe và khả năng điều khiển xe càng kém, và độ bám đường càng kém, đặc biệt là trên đường ướt hoặc tuyết. Thay lốp kịp thời để tránh các tình huống nguy hiểm. Các lốp xe phải luôn luôn được thay khi đạt đến độ sâu gai lốp tối thiểu cho phép (gai lốp mòn xuống chỉ số mòn lốp).

Áp suất lốp

Áp suất lốp bất thường khiến gai lốp mòn nhanh và không đồng đều và có tác động tiêu cực đến khả năng điều khiển xe, độ ổn và độ rung bên trong. Áp suất thấp làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.

Kiểm tra áp suất không khí trong lốp thường xuyên (1 lần/tuần và kiểm tra bổ sung trước các chuyến đi dài). Để biết giá trị áp suất không khí trong lốp, xem phần “Thông số kỹ thuật” của Sách hướng dẫn sử dụng này. Kiểm tra áp suất lốp khi lốp ở trạng thái lạnh.

Lốp bị nóng lên khi xe đang di chuyển. Điều này làm tăng áp suất không khí trong lốp xe. Đừng điều chỉnh áp suất ngay sau khi dừng xe.

Cũng nên duy trì áp suất không khí cần thiết trong bánh xe dự phòng.

Nếu bạn dự kiến di chuyển trên đường cao tốc bên ngoài thành phố trong hơn 1 giờ với tốc độ rất cao, chúng tôi khuyên bạn nên bơm lốp xe thêm 20 đến 30 kPa (0,2-0,3 kgf/cm²).

Nếu trong khi lái xe, bạn cảm thấy xe đang bị nghiêng sang phải hoặc sang trái, điều này có thể cho thấy áp suất ở một trong các lốp xe đã giảm hoặc các bánh trước không còn thẳng hàng với nhau nữa.

Nếu lốp xe không duy trì được áp suất, hãy kiểm tra rò rỉ không khí qua van bằng dung dịch xà phòng. Nếu phát hiện rò rỉ không khí, hãy siết chặt đầu van. Nếu vẫn đề vẫn không khắc phục được, hãy thay đầu van. Nếu áp suất giảm trong một lốp xe có đầu van hoạt động đúng cách, thì lốp cần sửa chữa.

Chúng tôi khuyên bạn đưa xe đến một trạm dịch vụ được trang bị phù hợp để thực hiện việc sửa chữa đó, nếu có thể.

Cân bằng bánh xe

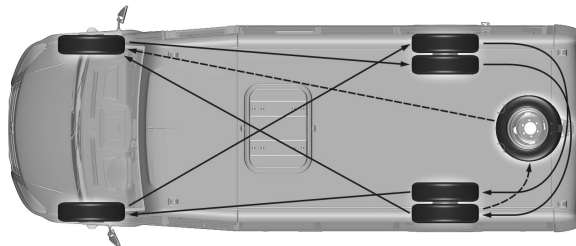
Tốc độ di chuyển cao đòi hỏi sự cân bằng động tốt ở bánh xe được lắp lốp xe. Mất cân bằng thể hiện qua các rung động ảnh hưởng đến sự ổn định của xe và dẫn đến hao mòn nhanh hơn ở lốp xe và các bộ phận của hệ thống treo trước và sau, hệ thống lái và thân xe. Rung động gây ra bởi sự mất cân bằng bánh trước có thể được truyền đến vô lăng, các bộ điều khiển và sàn xe.

Nếu bạn nhận thấy dấu hiệu mất cân bằng bánh xe hoặc nếu tháo lốp xe để sửa chữa, hãy kiểm tra và cân bằng chúng nếu cần. Đưa xe đến trạm bảo dưỡng được trang bị phù hợp để thực hiện việc này. Trước khi cân bằng, lốp xe và bánh xe phải được rửa và làm sạch bụi bẩn và vật lạ.

Lượng mất cân bằng dư cho phép ở cả hai bên bánh xe có lốp không được vượt quá 20 g trên vành bánh xe. Nếu không thể thực hiện cân bằng bánh xe động, cho phép tiến hành cân bằng tĩnh. Trọng lượng cân bằng nên đặt trên mép vành bánh xe nằm sát với mặt lắp đĩa bánh xe.

Đảo lốp

Nên đảo lốp sau mỗi 10.000 km (nếu cần) theo hình. Thay đổi bánh xe là cần thiết để đảm bảo tất cả các lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng, mòn đồng đều, và để các lốp trên một trục khớp với nhau. Các lốp có cùng độ mòn gai lốp nên được lắp trên một trục; và điều cần thiết là các lốp xe đáng tin cậy nhất phải được lắp vào trục trước.



Hãy đảo lốp trước khi có dấu hiệu rõ ràng về độ mòn gai lốp, tức là độ mòn phía hai bên gai lốp đối với lốp bánh trước và độ mòn ở giữa gai lốp đối với lốp bánh sau.

Sau khi đảo lốp, điều chỉnh áp suất lốp.

Lốp mùa đông

Sử dụng lốp mùa đông trên những con đường có băng và tuyết sẽ giúp kiểm soát xe tốt hơn, tăng sự ổn định, động lực và hiệu quả phanh của nó. Các lốp xe phải có cùng kích thước và chỉ số khả năng chịu lực và phải được lắp trên tất cả các bánh xe. Các khía cạnh sau đây phải được xem xét:

- Lốp mới yêu cầu lái xe trong 500 km đến 1.000 km thì mới khốp.
- Đừng bao giờ vượt quá tốc độ tối đa cho phép đối với lốp xe mùa đông (được xác định dựa trên chỉ số tốc độ trong nhãn lốp). Lốp xe có thể hỏng nếu vượt quá tốc độ tối đa cho phép.
- Sử dụng lốp mùa đông có mấu trên đường khô hoặc ướt làm tăng đường phanh, do đó, tốc độ phải giảm, đặc biệt là trước khi vào cua.
- Hiệu quả của lốp mùa đông giảm đáng kể nếu độ sâu gai còn lại dưới 4 mm.
- Khi sử dụng lốp mùa đông, tiếng ồn bên trong và bên ngoài từ xe tăng lên.

Lốp mùa đông, đặc biệt là lốp có mấu, không đảm bảo đủ độ bám nếu sử dụng sau mùa đông. Do đó, thay lốp mùa đông kịp thời bằng lốp mùa hè hoặc lốp bốn mùa khi nhiệt độ môi trường trung bình hàng ngày lên 7°C trở lên.

Bảo dưỡng lốp xe

Kiểm tra lốp xe thường xuyên để đánh giá tình trạng của chúng, mức độ mòn gai lốp và độ mòn gai lốp có đều nhau không và phát hiện các hư hỏng có thể nhìn thấy kịp thời. Thay lốp xe nếu bị phồng, nứt hoặc có vết cắt đáng kể. Nếu khó đánh giá liệu nên tiếp tục sử dụng lốp xe hay cần sửa chữa, hãy liên hệ trạm bảo dưỡng.

Khi bánh xe va chạm một chướng ngại vật có thể khiến lốp bị hỏng tiềm ẩn. Lốp xe này là mối đe dọa đối với an toàn của xe khi đi ở tốc độ cao. Do đó, khi bạn phải vượt qua một chướng ngại vật, ví dụ: vỉa đường, di chuyển cẩn thận, chậm rãi và, nếu có thể, chạy vuông góc với chướng ngại vật.

Bánh xe bị biến dạng và tình trạng không đạt yêu cầu của bề mặt vành có thể làm giảm cân bằng bánh xe và làm giảm áp suất trong lốp không sẫm. Tránh làm hỏng các cạnh lốp trong quá trình tháo lắp lốp. Nếu các công việc này được thực hiện tại một trạm bảo dưỡng thì không có khả năng xảy ra hư hỏng kiểu này.

Bảo quản lốp xe hoặc bánh có lốp đã tháo ra trong một căn phòng tối, khô ráo và lạnh. Nếu lốp xe đã được sử dụng, đánh dấu, ví dụ: bằng một viên phấn, hướng thay đổi lốp xe để giữ hướng thay đổi trước đó khi lắp lại.



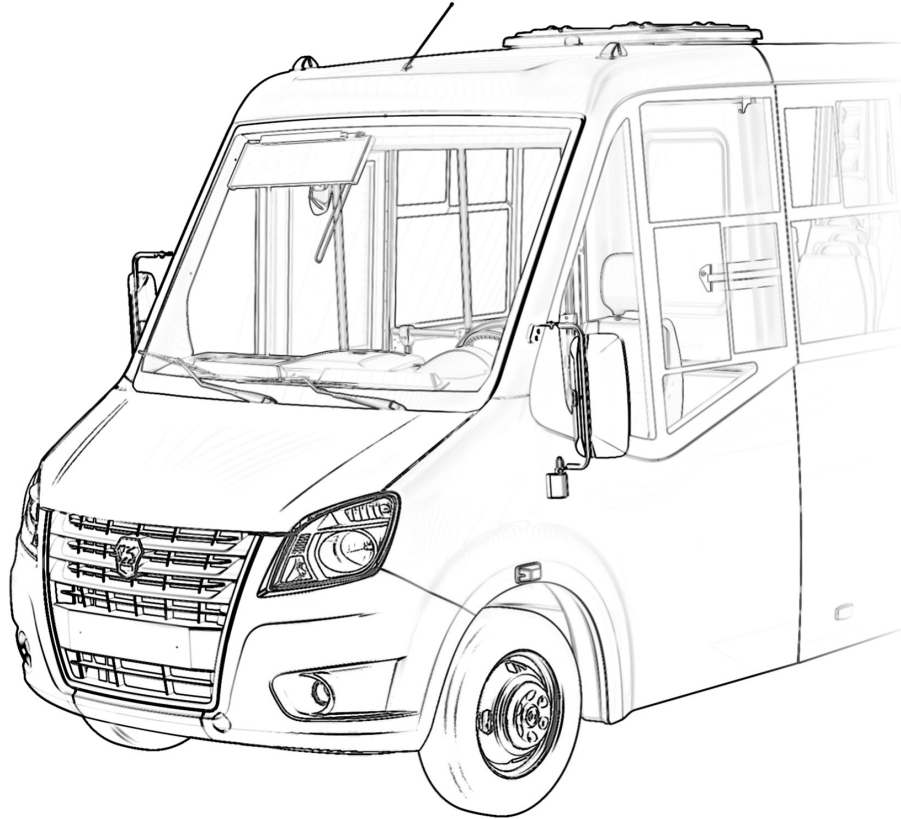
NGUY HIỂM!

Kiểm tra bánh và lốp xe thường xuyên. Nếu chúng ở tình trạng kém, có thể gây tai nạn.

Làm thế nào để quá trình hao mòn lốp xe chậm lại

- Duy trì áp suất lốp theo yêu cầu.
- Khởi động xe từ từ và chậm lại trước khi vào cua.
- Tránh phanh gấp.
- Hãy nhớ rằng lốp mòn nhanh hơn khi lái xe ở tốc độ cao hơn.
- Các lốp radial (lốp mảnh song song) trên xe phải có cùng hướng lăn trong suốt vòng đời sử dụng.
- Giá trị các thông số có thể điều chỉnh của hệ thống treo trước của xe phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất.
- Tránh để vách bên của lốp xe tiếp xúc với đá vĩa và lái xe nhanh trên đường có mặt đường bị hư hỏng.
- Bánh xe không cân bằng góp phần làm mòn lốp và làm giảm chất lượng lái xe.
- Đừng để xe quá tải.
- Bảo vệ lốp xe khỏi dầu, chất bôi trơn, nhiên liệu, hóa chất và các chất khác phá hủy cao su.

BẢO DƯỠNG



BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ

Bảo dưỡng thường xuyên là điều cần thiết để vận hành xe hiệu quả, đáng tin cậy và an toàn. Xin lưu ý rằng chủ sở hữu hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo dưỡng để xe luôn an toàn và phù hợp để vận hành.

Công việc bảo dưỡng được ghi rõ trong Sổ bảo hành được cung cấp cùng với xe. Bảo dưỡng nên được thực hiện tại trạm dịch vụ.

An toàn khi bảo dưỡng:

- Tắt bộ phận khởi động và rút chìa khóa, trừ khi có quy định khác khi bảo dưỡng.
- Để tay, dụng cụ và quần áo của bạn cách xa đai truyền động hoặc bánh đai truyền của động cơ đang chạy.
- Quạt làm mát có thể bật bất cứ lúc nào. Để tay và quần áo của bạn cách xa cánh quạt.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa khi bảo dưỡng động cơ nóng.
- Tránh chạm vào dây điện và các linh kiện điện khi bộ phận khởi động được bật.
- Không để động cơ chạy trong phòng không thông gió.
- Nếu có thể, các hoạt động được thực hiện trong khoang động cơ nên được thực hiện khi tắt động cơ và ngắt kết nối ắc quy âm. Trong trường hợp đối với các hoạt động được thực hiện trong khoang động cơ khi động cơ đang hoạt động, phải đỗ xe trên bề mặt cứng và cài phanh tay.
- Không nằm bảo dưỡng bên dưới một chiếc xe chỉ được nâng đỡ bởi một kích nâng. Để đảm bảo an toàn, hãy chèn bánh xe.
- Tránh tia lửa và sử dụng ngọn lửa mở gần ắc quy và các bộ phận của hệ thống nhiên liệu. Không hút thuốc.
- Nhiều chất lỏng được sử dụng trong xe có tính độc hại. Tránh để da hoặc mắt tiếp xúc với các chất lỏng này. Nếu bắt buộc tiếp xúc, luôn luôn đeo găng tay bảo hộ. Thực hiện theo các hướng dẫn trên nhãn và thùng chứa. Khi làm việc bên dưới xe, hãy chắc chắn rằng mắt của bạn được bảo vệ.

Tiếp xúc với dầu động cơ thời gian dài có thể gây kích ứng da. Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc.

Các loại bảo dưỡng

Có các loại bảo dưỡng sau:

1. Bảo dưỡng hàng ngày (DM).
2. Bảo dưỡng định kỳ (RM).
3. Bảo dưỡng theo mùa (SM).

Bảo dưỡng theo mùa sẽ được thực hiện mỗi năm một lần đồng thời với các công việc bảo dưỡng thường xuyên.

Khoảng cách giữa các lần bảo dưỡng được xác định tùy thuộc vào điều kiện vận hành xe.

ĐÈN BẢO DƯỠNG

Thông tin về nhu cầu bảo dưỡng thường xuyên được hiển thị trên màn hình đa chức năng của cụm đồng hồ.

Số giờ cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo (đối với xe có động cơ ISF2.8) và quãng đường đi cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo được chỉ rõ trong các trường hợp sau:



1. Khi bạn xoay nút “Mode” sang trái và giữ nút này cho đến khi giá trị xuất hiện.



2. Mỗi lần bật thiết bị và bộ khởi động (đánh lửa), nếu thời gian cho đến khi bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 10 giờ (đối với xe được trang bị động cơ ISF2.8) hoặc nếu quãng đường đi cho đến khi bảo dưỡng bằng hoặc ngắn hơn 500 km.



3. Mỗi lần bạn bật thiết bị và bộ khởi động (bộ phận khởi động), và nghe thấy tín hiệu âm thanh và thông báo “BẢO DƯỠNG” xuất hiện, nếu thời gian cho đến khi bảo dưỡng là 0 giờ (đối với xe được trang bị động cơ ISF2.8) hoặc nếu quãng đường đi cho đến khi bảo dưỡng bằng hoặc ngắn hơn 0, dấu “trừ” được đặt trước giá trị quãng đường đi.



CHÚ Ý!

Khi đèn báo dưỡng được bật, hãy lái xe đến trạm bảo dưỡng để bảo dưỡng. Trong trường hợp chậm trễ trong việc liên hệ với trạm bảo dưỡng, xe có thể bị mất hiệu lực bảo hành.

Màn hình hiển thị khoảng cách giữa các lần bảo dưỡng (giá trị được nhập tại doanh nghiệp mạng lưới bán hàng và dịch vụ GAZ).



Nhấn nhanh nút đặt lại quãng đường đi hàng ngày trong khi giá trị đang được hiển thị (5 giây) như được mô tả trong bước 1.

Cài đặt quãng đường đi cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo trên bảng đồng hồ

Sau khi bảo dưỡng, quãng đường đi cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo được cài đặt trên bảng đồng hồ. Nhấn nút cài đặt lại quãng đường hàng ngày trong ít nhất 3 giây trong khi giá trị theo mục 1 được hiển thị (5 giây).

Chức năng kiểm soát bảo dưỡng trong bộ điều khiển động cơ (đối với xe được trang bị động cơ ISF2.8).

Bộ điều khiển động cơ có chức năng kiểm tra bảo dưỡng được kích hoạt cứ sau 500 giờ chạy máy. Khi tích lũy được 490 giờ, lỗi Khoảng thời gian thay dầu động cơ được ghi lại trong bộ nhớ của bộ điều khiển động cơ. Mỗi khi các thiết bị được bật, đèn “Cảnh báo” trên bộ điều khiển động cơ sẽ nhấp nháy trên bảng đồng hồ. Nếu không có lỗi hoạt động nào khác, đèn sẽ tắt sau 15 đến 18 giây. Bằng cách này, bộ điều khiển nhắc nhở người lái bảo dưỡng xe. Sau khi bảo dưỡng, hãy đặt lại chức năng kiểm tra bảo trì, tức là khôi phục khoảng thời gian 500 giờ giữa hai lần bảo dưỡng và hủy kích hoạt đèn báo trên bảng đồng hồ. Điều này có thể được thực hiện như sau:

1. Bật các thiết bị.

2. Đạp chân ga đến vị trí nạp tối đa.
3. Đạp và nhả nhanh chân phanh ba lần
4. Nhả chân ga về vị trí ban đầu.
5. Trong 10 giây: lặp lại các bước 2-4.

Việc điều chỉnh khoảng thời gian giữa hai lần bảo dưỡng theo các điều kiện vận hành thực tế của xe chỉ có thể được thực hiện tại trạm bảo dưỡng GAZ.

KIỂM TRA BẮT BUỘC

Các đợt kiểm tra được mô tả dưới đây rất đơn giản, nhưng quan trọng. Chúng phải được thực hiện thường xuyên trước khi hành trình.

Kiểm tra hàng ngày:

- Kiểm tra tình trạng và hoạt động của đèn, còi, đèn cảnh báo trên bảng điều khiển, cần gạt nước và long đèn.
- Kiểm tra tình trạng và hoạt động của dây an toàn.
- Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh chính. Việc kiểm tra phải được thực hiện trên động cơ chạy không tải với chân phanh được nhấn với lực tối đa. Không nên nhấn chân phanh xuống sát sàn xe và đèn cảnh báo dầu phanh xi lanh chính cũng không được phép sáng lên.
- Kiểm tra để đảm bảo không có dấu vết cho thấy nước, nước làm mát, dầu, nhiên liệu và các rò rỉ khác dưới xe.
- Đối với xe có bộ bước chân có thể thu vào tự động, hãy kiểm tra khả năng sử dụng của thuật toán vận hành của bậc có thể thu vào và đèn báo tương ứng trên cụm động hồ; nếu cần, hãy làm sạch tiếp xúc điểm của cửa trượt và cửa sau bằng dụng cụ lau chùi bằng vải có bôi chất tẩy rửa tiếp xúc. Nếu cần, hãy làm sạch bậc có thể thu vào khỏi bụi bẩn và tuyết khi cửa trượt mở và bậc mở rộng.

Kiểm tra hàng tuần (hoặc trước chuyến đi dài):

Kiểm tra mức/đổ thêm:

- Dầu động cơ
- Nước làm mát
- Dung dịch rửa kính chắn gió
- Dầu trong bình trợ lực tay lái thủy lực
- Dầu phanh trong bình xi lanh phanh chính
- Nước trong bộ lọc nhiên liệu. Xả nước, nếu cần.
- Tình trạng của lốp xe và áp suất lốp (bao gồm cả lốp dự phòng). Nếu cần, bơm lốp xe đến áp suất theo yêu cầu.

Kiểm tra hàng tháng:

Khởi động động cơ trong 10 phút và bật hệ thống điều hòa lên để kiểm tra hoạt động của điều hòa không khí.

Bật bộ phận sưởi động cơ/ bộ phận sưởi nước làm mát trong 10 phút để kiểm tra hoạt động của nó.

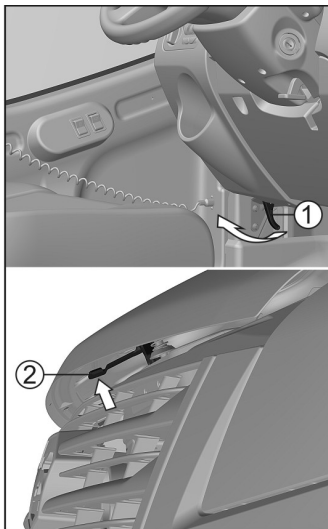
Kiểm tra và làm sạch chất bẩn ở các góc bên trong của thanh cản khi cần.

MỞ & ĐÓNG MUI XE



CHÚ Ý!

Không lái xe khi mui xe chưa đóng hoàn toàn.



Mở

Kéo tay cầm mui xe 1 nằm bên trái phía dưới bảng điều khiển.

Nâng nhẹ phần trước của mui xe, di chuyển chốt an toàn 2 lên và nâng mui xe lên.

Xoay thanh giữ và thu gọn vào lỗ trên mui xe.

Đóng

Nâng phần trước của mui xe lên, rồi thả ra, đặt xuống và giữ thanh giữ.

Hạ mui xe xuống sao cho cách khoang động cơ 100-150 mm.

Thả mui xe ra để khóa nó lại.

Cố gắng nâng mui xe lên để đảm bảo rằng nó đã được khóa an toàn.



CẢN TRỌNG!

Trước khi đóng mui xe, đảm bảo không còn vật lạ nào trong khoang động cơ.



CẢN TRỌNG!

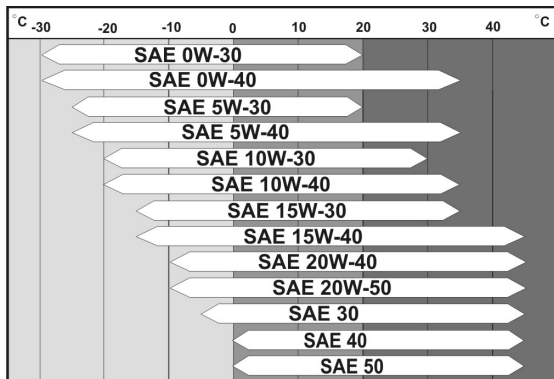
Đề tránh làm hư hại lớp sơn của mui xe, không nên mở mui xe cao hơn mức cần thiết để giải thanh chống, và tuyệt đối không bật cần gạt nước khi mui xe đang mở.

ĐỘNG CƠ

Dầu động cơ sử dụng trong động cơ Diesel của xe phải tuân thủ ít nhất loại chất lượng API CH-4 / SJ cho động cơ ISF2.8s3129T, CI-4 cho động cơ ISF2.8s4R129 và CJ-4 cho động cơ ISF2.8s5F148 và các loại dầu được sử dụng trong động cơ xăng - ít nhất là phải đạt tối thiểu cấp SN và có cấp độ nhớt SAE phù hợp với khoảng nhiệt độ môi trường ổn định tại khu vực xe thường xuyên hoạt động (xem bảng nhiệt độ).

Nếu nhiệt độ môi trường vượt quá giới hạn cho phép của loại dầu đang sử dụng, cần tránh vận hành động cơ ở tốc độ vòng quay cao trong thời gian dài và không đặt tải nặng cho động cơ.

Khi nhiệt độ môi trường thấp hơn dải nhiệt độ áp dụng cho loại dầu đang sử dụng, động cơ có thể khó khởi động.



CHÚ Ý!

Việc sử dụng dầu động cơ có loại chất lượng API CD, CC hoặc CF có thể gây hỏng động cơ sớm.



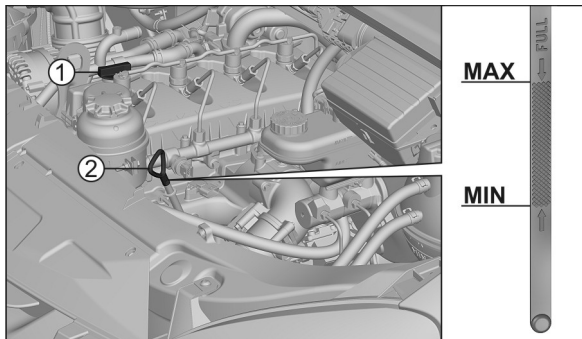
CHÚ Ý!

Nếu dầu động cơ được thay bằng loại dầu khác hoặc nhãn hiệu dầu khác, hãy xả sạch hệ thống bằng dầu rửa.

Không trộn (đổ thêm) các loại dầu động cơ khác nhau và các loại dầu của các nhà sản xuất khác nhau.

Kiểm tra **mức dầu** khi động cơ lạnh và không chạy, với xe đỗ trên bề mặt ngang, bằng phẳng.

Động cơ ISF2.8

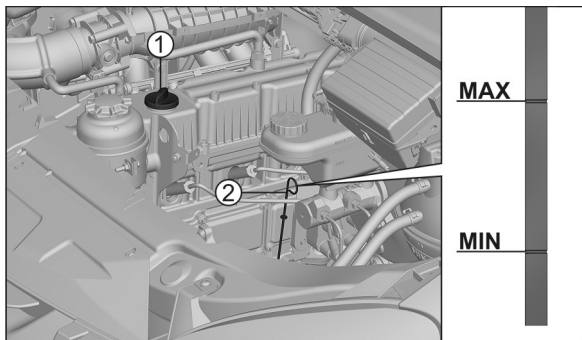


Mức dầu phải nằm trong khoảng giữa các vạch “MIN” và “MAX” trên que thăm dầu 2. Đổ thêm dầu, nếu cần.

Thể tích dầu được thêm vào các-te động cơ từ vạch thấp nhất đến vạch cao nhất trên trên que thăm dầu là 1,0 lít.

Đổ thêm dầu sạch qua cổ miệng rót dầu, thường được đậy bằng nắp 1.

Động cơ Evotech

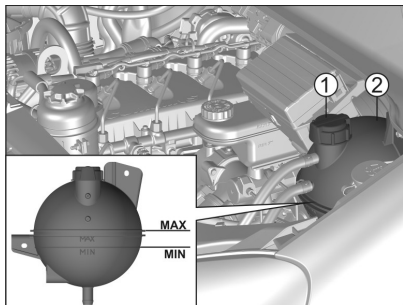


Mức dầu phải nằm trong khoảng giữa các vạch “MIN” và “MAX” trên que thăm dầu 2. Đổ thêm dầu, nếu cần.

Thể tích dầu được thêm vào các-te động cơ từ vạch thấp nhất đến vạch cao nhất trên trên que thăm dầu là 1,1 lít.

Đổ thêm dầu sạch qua cổ miệng rót dầu, thường được đậy bằng nắp 1.

HỆ THỐNG LÀM MÁT



Chỉ kiểm tra mức nước làm mát trong bình chứa giảm áp nước làm mát 2 khi động cơ lạnh.

Mức nước làm mát trong bình chứa giảm áp không được thấp hơn vạch MIN và cao hơn mặt bích hàn trên cùng (vạch MAX).

Đổ thêm nước làm mát qua lỗ bình chứa giảm áp được đẩy bằng nắp 1. Nếu phải đổ thêm nước làm mát thường xuyên, hãy kiểm tra xem hệ thống làm mát có bị rò rỉ không.

Nếu mức nước làm mát bị giảm do rò rỉ, hãy loại bỏ chỗ rò rỉ và thêm nước làm mát lên đến mức bình thường.

Nếu hệ thống không bị rò rỉ, mức nước làm mát có thể giảm do sôi nước làm mát khi động cơ quá nóng. Động cơ quá nóng có thể do các nguyên nhân như sau:

- Luồng không khí bên ngoài vào bộ tản nhiệt bị hạn chế do vỏ cách nhiệt, tấm tản nhiệt bị bẩn quá mức (do lá cây, bụi, côn trùng) và do lắp đặt thêm đèn phía trước mặt bộ tản nhiệt.
- Quạt bị hỏng.



CHÚ Ý!

Tránh thêm nước vào hệ thống làm mát vì sẽ làm tăng điểm đóng băng của nước làm mát và giảm hiệu suất của nó.



NGUY HIỂM!

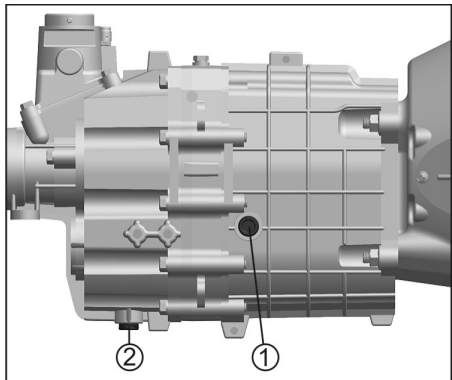
Khi động cơ nóng, hệ thống làm mát động cơ có áp suất cao. Nếu tháo nắp nhanh, chất lỏng nóng và hơi có thể phun ra. Chú ý: có thể gây bỏng.



CẢN TRỌNG!

Không trộn (đổ thêm) các loại nước làm mát khác nhau.

HỘP SỐ



Phải kiểm tra mức dầu trên xe không tải đang đỗ trên bề mặt ngang bằng phẳng và khi thiết bị đã nguội.

Mức dầu trong hộp số phải ngang bằng với mép dưới của lỗ châm dầu, được bịt bằng nắp vặn số 1. Kiểm tra mức dầu qua lỗ nằm bên phải của thân hộp số trước.

Nút xả dầu số 2 trên vỏ hộp số có gắn nam châm để thu giữ các mảnh kim loại sinh ra trong quá trình mài mòn hộp số.

CẦU SAU

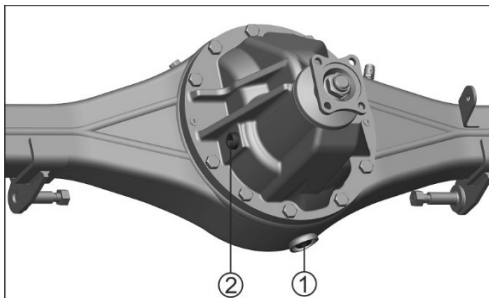
Phải kiểm tra mức dầu trên xe không tải đang đỗ trên bề mặt ngang bằng phẳng và thiết bị đã nguội.

Phiên bản 1

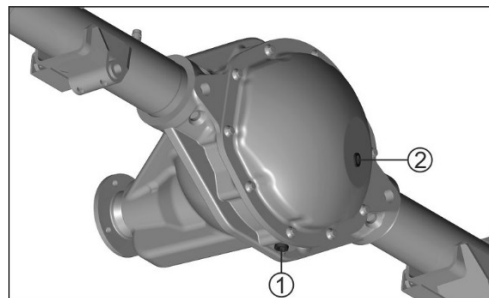
Mức dầu ở cầu sau nên ở mép dưới của lỗ rót dầu được đây bằng nút 2.

Dầu được xả qua lỗ được đây bằng nút 1.

Phiên bản 1



Phiên bản 2



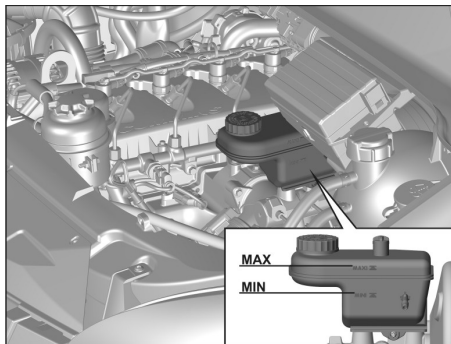
CHÚ Ý!

Cầu sau có dầu hộp số được đổ tại nhà máy, dầu này dành cho nhiệt độ môi trường trong khoảng từ -25°C đến +40°C.

Không nên thay dầu được đổ tại nhà máy cho trục cho đến khi quãng đường đi được là 60.000 km, trừ khi xe hoạt động ở môi trường có nhiệt độ rất thấp.

Trong thời gian bảo hành, chỉ thay dầu tại các trạm bảo dưỡng chuyên dụng thực hiện bảo hành xe GAZ

ĐẦU PHANH THỦY LỰC



Kiểm tra trực quan mức dầu phanh trong bình bán trong suốt của xi lanh phanh chính dựa theo vạch trên thân bình.

Với miếng đệm má phanh mới, mức dầu phải ở vạch MAX. Nếu bộ điều khiển phanh thủy lực hoạt động đúng cách, việc giảm dần mức dầu trong bình là do má phanh bị mòn. Nếu mức dầu giảm xuống vạch MIN, gián tiếp cho thấy miếng đệm bị mòn quá mức. Trong trường hợp này, hãy thay má phanh, và không cần thêm dầu vào bình vào thời điểm này, vì dầu trong bình sẽ tăng lên mức bình thường sau khi má phanh mới được lắp vào.

Đèn cảnh báo dầu phanh sáng lên khi mức dầu trong bình giảm xuống dưới vạch MIN, cho thấy rò rỉ trong hệ thống và hao hụt dầu nếu miếng đệm mới hoặc bị mòn một phần. Trong trường hợp này, chỉ nên thêm dầu vào sau khi độ kín của hệ thống được khôi phục.

Khi dầu phanh đã được thêm vào, vặn chặt nắp bình với mô-men xoắn lên tới $2,3 \pm 0,3$ N.m ($0,23 \pm 0,03$ kgf.m).

Dầu phanh hấp thụ độ ẩm từ không khí và độ ẩm cao trong dầu có thể làm giảm chức năng của hệ thống phanh.

Để thay hoàn toàn dầu phanh và ngăn không khí xâm nhập vào bộ chấp hành thủy lực của phanh, chúng tôi khuyên bạn nên thực hiện thao tác này tại trạm bảo dưỡng có đủ trang thiết bị phù hợp.



NGUY HIỂM !

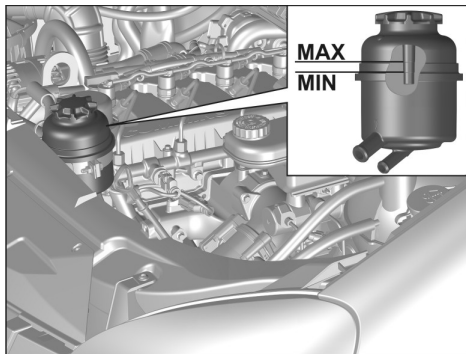
Dầu phanh rất độc! Tránh để tiếp xúc với mắt hoặc da. Nếu xảy ra, ngay lập tức dùng nhiều nước để rửa các vùng da bị ảnh hưởng.



CHÚ Ý!

Phải bảo quản dầu trong thùng chứa OEM được đây kín, tránh xa tầm tay trẻ em. Khi các bề mặt được sơn của xe tiếp xúc với dầu phanh sẽ gây hỏng sơn. Do đó, nếu dầu phanh tiếp xúc với các bề mặt không được sơn, ngay lập tức lau các khu vực này bằng vải hoặc miếng bọt biển ẩm.

HỆ THỐNG TRỢ LỰC LÁI THỦY LỰC



Mức dầu trong bình phải nằm giữa các vạch trên que thăm dầu cho thấy mức dầu tối đa và tối thiểu cho phép, với nắp được đậy kín. Kiểm tra mức dầu trong bình trên động cơ lạnh.



CHÚ Ý!

Không để chất bẩn, nước hay bụi lọt vào trong bình.



CHÚ Ý!

Khi động cơ đang chạy, không được phép quay vô lăng hết mức sang một bên trong thời gian lâu hơn 15 giây, vì bơm trợ lực lái có thể bị hỏng do dầu quá nóng.

Không khởi động động cơ nếu mức dầu trong bình trợ lực lái thủy lực xuống thấp.



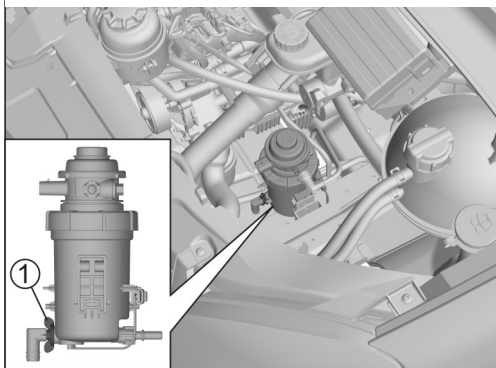
CHÚ Ý!

Không trộn (đổ thêm) các loại dầu trợ lực lái thủy lực khác nhau và các loại dầu của các nhà sản xuất khác nhau.

BỘ LỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ DIESEL

Xả nước ra khỏi bộ lọc nhiên liệu

Nếu đèn cảnh báo có nước trong nhiên liệu không tắt sau khi động cơ khởi động, hoặc nếu bật trong khi lái xe, ngay lập tức dừng động cơ và xả nước ra khỏi bộ lọc nhiên liệu.

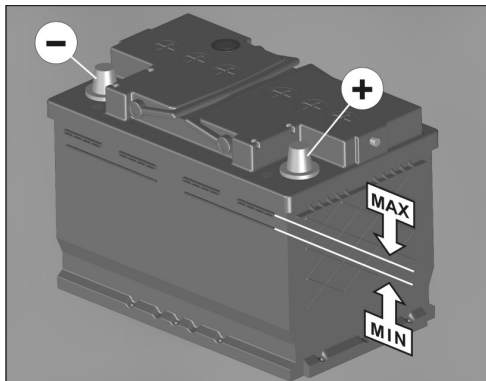


Để làm điều này:

- Đặt một thùng chứa thích hợp dưới van xả của bộ lọc nhiên liệu;
- Tháo đai ốc tại 1 khoảng hai vòng ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nước bắt đầu chảy. Không tháo hết đai ốc!;
- Xả nước (khoảng 250 ml) cho đến khi nhiên liệu diesel sạch bắt đầu chảy ra;
- Siết đai ốc tại xoay theo chiều kim đồng hồ;
- Khởi động động cơ, đèn cảnh báo có nước trong nhiên liệu sẽ tắt trong khoảng 2 giây.

BÌNH ẮC QUY

Kiểm tra mức độ điện phân



Trong điều kiện hoạt động bình thường, bình ắc quy hầu như không cần bảo dưỡng. Tuy nhiên, nên thường xuyên kiểm tra mức chất điện phân nếu nhiệt độ môi trường cao. Mức chất điện phân phải luôn nằm trong khoảng giữa vạch MAX và MIN trên vỏ bình ắc quy.

Nếu mức chất điện phân thấp, thêm nước cất vào để nâng lên mức bình thường.

Bất kỳ chất điện phân nào bị đổ trên bề mặt bình ắc quy nên được lau bằng vải sạch ngâm trong dung dịch amoniac 10% hoặc hợp chất natri carbonat, sau đó lau khô bề mặt.



NGUY HIỂM!

Chất điện phân có thể gây nguy hiểm, do đó, ngăn ngừa nó tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo. Nếu xảy ra, rửa ngay vùng bị ảnh hưởng bằng nước và được chăm sóc y tế, nếu cần.

Khi sạc, ắc quy sẽ giải phóng khí dễ nổ. Do đó, không đưa diêm đang cháy, thuốc lá đã châm và các vật đang cháy khác đến gần ắc quy. Không làm cho ắc quy bị đoản mạch, vì nó sẽ khiến ắc quy quá nóng hoặc thậm chí nổ. Tia lửa được tạo ra cũng có thể gây nổ khí.

Sử dụng ắc quy vào mùa đông

Ắc quy tăng tải vào mùa đông. Hơn nữa, nếu nhiệt độ thấp, khả năng khởi động của động cơ bằng bộ khởi động giảm đáng kể so với điều kiện nhiệt độ bình thường. Do đó, nên yêu cầu trạm bảo dưỡng kiểm tra ắc quy trước thời tiết lạnh và sạc nếu cần. Kết quả là bạn sẽ không những khởi động động cơ an toàn mà ắc quy còn được sạc đúng cách để có tuổi thọ cao hơn.



CHÚ Ý!

Đề tránh hỏng các thiết bị điện tử, không được tháo các đầu cáp khỏi các cọc âm dương của ắc quy khi động cơ đang chạy.

Không kết nối hoặc ngắt kết nối bình ắc quy và giắc nối của bất kỳ thiết bị điện tử nào khi bộ phận khởi động đang bật.

Khi bảo dưỡng bình ắc quy, luôn ngắt kết nối đầu cực âm trước và kết nối lại nó sau cùng.

Bình ắc quy có chứa axit sulfuric và chì. Hãy đưa bình ắc quy đã qua sử dụng để các điểm thu gom chất thải công nghiệp.



CHÚ Ý!

Nếu xe sắp được lưu kho trong một thời gian dài (hơn 1 tháng), bảo dưỡng (sạc) bình ắc quy như được mô tả trong hướng dẫn sử dụng bình ắc quy được cung cấp cùng với xe.

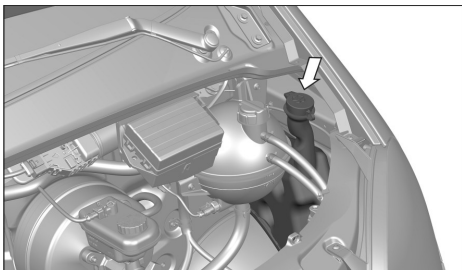
THIẾT BỊ RỬA KÍNH CHẮN GIÓ



CẢN TRỌNG!

Không vận hành thiết bị rửa kính chắn gió liên tục (hơn 5 giây) hoặc lặp đi lặp lại (hơn 5 lần liên tiếp), nếu bạn không thấy bất kỳ chất lỏng rửa kính chắn gió nào chảy ra để ngăn ngừa hỏng bơm điện rửa kính.

Bình chứa nước rửa kính chắn gió

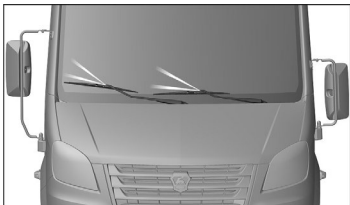


Trên xe có cần gạt nước và thiết bị rửa kính chắn gió chạy điện. Cần gạt nước và thiết bị rửa kính chắn gió được lắp thiết bị điều khiển kết hợp. Thiết bị gạt nước kính chắn gió và bình chứa nước rửa kính chắn gió có máy bơm được lắp đặt trong khoang động cơ.

Không nên bật thiết bị rửa kính chắn gió nếu kính khô và bẩn, vì có thể khiến kính bị trầy xước và làm hỏng lưỡi cao su trên cần gạt nước. Sử dụng nước rửa kính chắn gió để loại bỏ bụi bẩn khỏi kính chắn gió. Khi thiết bị rửa kính được bật, một rò rỉ đặc biệt đảm bảo kích hoạt cần gạt nước và trì hoãn hủy kích hoạt sau khi tắt thiết bị rửa kính.

Trong mùa lạnh, đổ chất lỏng rửa kính đặc biệt vào bình chứa với điểm đóng băng thấp.

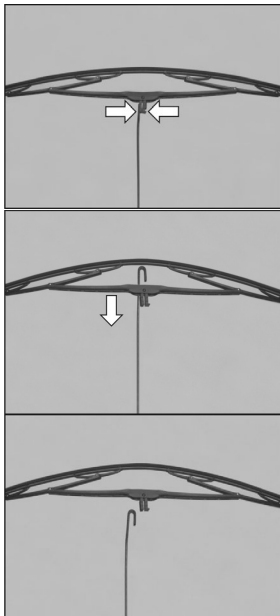
Vòi rửa kính chắn gió



Nếu tia nước (chất lỏng rửa kính) không đủ, trước tiên hãy kiểm tra chất lỏng rửa kính trong bình chứa nước rửa kính. Việc tắc vòi nước rửa kính có thể là nguyên nhân gây ra tia nước yếu. Làm sạch vòi phun, nếu cần.

CẦN GẠT NƯỚC

Xe có thể trang bị cần gạt nước có chiều dài 550 mm. Thực hiện thay lưỡi gạt như sau:



- Kéo tay đòn gạt nước ra khỏi kính chắn gió và giữ lưỡi gạt ở một góc phải với tay đòn.
- Nhấn xuống các đầu của kẹp nhựa theo mũi tên.
- Trượt lưỡi gạt dọc theo tay đòn theo hướng mũi tên để nhả nó.
- Lắp đặt lưỡi cắt mới theo thứ tự ngược lại, đảm bảo rằng nó được gắn đúng vào tay đòn gạt nước.

Rửa lưỡi bằng nước ấm thêm vài giọt nước rửa chén.

Nếu chúng để lại vết trên kính sau khi lau, cần lắp đặt lưỡi gạt mới.



CHÚ Ý!

Đề tránh làm hỏng sơn trên mui xe, không bật cần gạt nước khi mui xe đang mở.

BẢO DƯỠNG XE

Rửa xe

Rửa xe định kỳ là một biện pháp cần thiết để bảo vệ xe khỏi các tác động có hại từ môi trường.

Các chất bẩn như muối, bụi đường, bụi công nghiệp, xác côn trùng, phân chim,... nếu để lưu lại trên bề mặt xe càng lâu thì quá trình phá hủy lớp sơn và ăn mòn kim loại càng diễn ra nhanh chóng.

Rửa xe trước khi bụi khô lại là điều nên làm, dùng tia nước mạnh ở áp suất thấp sử dụng miếng bọt biển mềm.

Không loại bỏ bụi và chất bẩn bằng vải lau đang khô. Vào mùa hè, nên rửa xe ngoài trời dưới bóng râm. Rửa xe dưới ánh nắng mặt trời hoặc sau một chuyến đi, trong khi mui xe vẫn còn nóng, có thể làm sơn trở nên thâm màu.

Khi rửa xe, không được hướng tia nước vào thiết bị điện, các giắc nối có thể tháo rời trong khoang động cơ và công tắc khóa cửa.

Vào mùa đông, sau khi hoàn tất việc rửa xe bên trong một không gian ấm, hãy lau khô thân xe trước khi lái xe bên ngoài, vì sơn có thể bị nứt khi bề mặt ướt của thân xe đóng băng. Làm khô xi lanh công tắc cửa bằng khí nén và bôi trơn bằng dầu bôi trơn được khuyến nghị, xem bên dưới.

Vết bẩn bitum từ đường xá, vết dầu, côn trùng bị kẹt, v.v ... không phải khi nào cũng được loại bỏ trong khi rửa xe, nhưng vì những chất bẩn này (đặc biệt là phân chim) sẽ làm hỏng sơn, chúng phải được loại bỏ càng sớm càng tốt bằng cách sử dụng các sản phẩm chăm sóc ô tô đặc biệt.

Đối với xe buýt có hai dãy ghế và sàn lót bằng linoleum, cần lau sàn bằng khăn ẩm hoặc bọt biển kết hợp với chất tẩy nhẹ. Không được xối nước trực tiếp lên sàn, vì có thể làm biến dạng, cong vênh sàn.

Bảo dưỡng sơn

Để bảo vệ sơn, nên thường xuyên đánh bóng nó bằng các hợp chất sáp, đặc biệt là trước mùa đông. Màng bảo vệ được tạo ra bởi hợp chất sáp giữ cho bụi công nghiệp có chứa các hạt kim loại mịn tạo thành vết rỉ sét trên sơn không bám vào lớp sơn.

Khi lớp sơn trở nên xỉn màu, hoặc việc dùng sáp không còn mang lại độ bóng mong muốn, cần đánh bóng lại bằng dung dịch chuyên dụng. Nếu dung dịch đánh bóng không chứa thành phần bảo vệ, thì sau khi đánh bóng cần phủ thêm lớp sáp bảo vệ.

Các hư hỏng nhỏ trên lớp sơn, các vết nứt, vết trầy xước phải được loại bỏ ngay lập tức trước khi rỉ sét xuất hiện.

Nếu rỉ sét xuất hiện, nó phải được loại bỏ triệt để và cần dùng và dặm một lớp sơn lót chống rỉ. Nên yêu cầu một trạm bảo dưỡng chuyên dụng thực hiện các công việc này.

Bảo vệ gầm xe, bậc lên xuống, hốc bánh xe

Phần gầm xe đã được xử lý chống lại các hóa chất và tác động cơ học.

Tuy nhiên, lớp bảo vệ có thể bị hỏng trong quá trình vận hành, do đó, tình trạng của nó phải được kiểm tra thường xuyên, tốt nhất là trước mùa đông và vào mùa xuân, và phục hồi nếu cần..

Các trạm bảo dưỡng chuyên dụng có các lớp sơn phủ bảo vệ, trang thiết bị và kinh nghiệm để thực hiện các công việc này.

Vệ sinh gương chiếu hậu bên ngoài

Để vệ sinh sạch gương, luôn sử dụng vải mềm ngâm trong bất kỳ hợp chất lau kính nào. Không làm cho gương sáng bóng và không cọ xát nó để loại bỏ băng.

Vệ sinh đèn bên ngoài

Các thấu kính đèn pha, đèn xi nhan, đèn sau và bezel được làm bằng nhựa. Vì lý do này, không loại bỏ bụi và chất bẩn bằng cách sử dụng các loại nhiên liệu, hoạt chất và chất lỏng khác nhau, tránh làm sạch khô bằng bàn chải và giẻ lau.

Chỉ loại bỏ bụi bẩn bằng rửa bằng nhiều nước.

Bảo dưỡng gioăng cao su

Gioăng cao su trên cửa và cửa sổ phải luôn đàn hồi và trong tình trạng hoạt động tốt. Chúng nên được bôi trơn theo từng thời điểm bằng chất bôi trơn dành riêng cho cao su để các nút này có thể duy trì độ đàn hồi trong mùa đông.

Bảo dưỡng vải bọc ghế

Để làm sạch vải bọc, sử dụng chất tẩy rửa đặc biệt, miếng bọt biển khô, bàn chải mềm và/hoặc máy hút bụi.

Bảo dưỡng vật liệu bọc bên trong

Vật liệu bọc bên trong nên được làm sạch bằng vải ướt hoặc miếng bọt biển sử dụng chất tẩy rửa.

Bảo dưỡng dây đai an toàn

Nếu dây đai an toàn bị bẩn, hãy làm sạch bằng dung dịch xà phòng nhẹ. Tuyệt đối không được ủi (là) dây đai an toàn.

DUNG TÍCH BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, DẦU BÔI TRƠN, CHẤT LỎNG



CHÚ Ý!

Không sử dụng các loại nhiên liệu, chất lỏng, dầu bôi trơn và chất lỏng ngoài các loại nêu trong Sách hướng dẫn này.

Thùng nhiên liệu

Dung tích bình nhiên liệu: - Thùng kim loại 64 L - Thùng nhựa: 80 L - xe có động cơ diesel - xe có động cơ xăng	Nhiên liệu diesel EURO theo GOST 32511-2013 (EN 590: 2009) - xem phần “Nạp nhiên liệu cho xe” Xăng không chì có số octan định mức (RON) ít nhất 95 theo GOST R 51866-2002 (EN 228-99) hoặc ASTM D 4814 (Hoa Kỳ) hoặc DIN EN 228 (Đức).
---	---

Hệ thống bôi trơn động cơ

Công suất hệ thống bôi trơn động cơ:	Dầu động cơ Cấp độ nhớt (SAE): 0W-30 (- 30 đến + 20°C) 0W-40 (- 30 đến + 35°C) 5W-40 (- 25 đến + 35°C) 10W-40 (từ - 20 đến + 40°C) 15W-40 (từ - 15 đến + 45°C)
--------------------------------------	--

- ISF2.8 - 5 L (ISF2.8s5F148 –6.5 L)	Mức chất lượng theo API tối thiểu CJ-4 cho động cơ ISF2.8s5F148 CI-4 cho động cơ ISF2.8s4R129 CiT-4/SJ cho động cơ ISF2.8s3129T
- Evotech – 4.5 L	Mức chất lượng theo ENPI tối thiểu là SN



CHÚ Ý!

Đối với động cơ Evotech, tuyệt đối không sử dụng dầu động cơ chỉ đạt cấp chất lượng ACEA A1/B1 hoặc A5/B5, vì trong một số điều kiện vận hành, có thể gây hư hỏng động cơ và bộ xúc tác.

Vỏ hộp số

Dung tích vỏ hộp số 1,86 L	Ở nhiệt độ từ - 25°C đến + 40°C, dầu Lukoil TM-5, SAE 85W-90, API GL-5. Các loại dầu tương đương: “Super T-3 (TM-5)” hoặc “Devon Super T” SAE 85W-90, API GL-5 Ở nhiệt độ từ - 40°C đến + 25°C, “Lukoil TM5” Dầu SAE 75W-90
-------------------------------	---

Vỏ cầu sau

Dung tích vỏ cầu sau 3,0 L	Ở nhiệt độ từ - 25°C đến + 40°C, “Lukoil TM-5” SAE 85W-90 oil, API GL-5, API GL-5 (TU 38.601-07-23-2002). Các loại dầu tương đương: “Super T-3 (TM-5)” hoặc “Devon Super T” SAE 85W-90, API GL-5 (TU 38.301-19-62-
-------------------------------	--

	2001). Ở nhiệt độ từ - 40°C đến + 25°C, “Lukoil TM5” SAE 75W-90 (TU 38.601-07-23-2002)
--	--

Hệ thống lái thủy lực

Dung tích hệ thống thủy lực là 1,2 L	Ở nhiệt độ từ - 30°C đến + 40°C: Dầu hộp số tự động Lukoil ATF TU 0253-030-00148599-2005 (sản xuất bởi: Lukoil OJSC), hoặc - Dầu hộp số tự động DEXRON III (sản xuất bởi: Mobil, Texaco, Castrol, ESSO) hoặc - Shell Spirax S4 ATF HDX GM Dexron III G cho hộp số tự động (được sản xuất bởi: Shell), hoặc - Dầu hộp số tự động ATF + 4 (sản xuất bởi: Mobil, Texaco, Castrol, ESSO) hoặc - Dầu thủy lực Shell Spirax S2 ATF AX (sản xuất bởi: Shell), hoặc - Dầu thủy lực Fuchs Titan ATF 4000 (sản xuất bởi: Fuchs), hoặc - Dầu thủy lực Fuchs Titan ATF 3000 (sản xuất bởi: Fuchs), hoặc - Dầu thủy lực Total FLUIDE ATX (sản xuất bởi: Total), hoặc - Dầu thủy lực Mobil ATF 220 (sản xuất bởi: Mobil). Ở nhiệt độ từ - 40°C đến + 40°C: - Dầu thủy lực Pentosin CHF 11S (sản xuất bởi: Pentosin).
--------------------------------------	--

Hệ thống phanh và hệ thống chấp hành ly hợp thủy lực

Dung tích hệ thống là 845 cm ³	Dầu phanh ROSDOT
---	------------------

Hệ thống làm mát động cơ

Dung tích hệ thống làm mát là 13,0 L	
- xe có động cơ diesel	Chất làm mát “Cool Stream Premium” hay chất làm mát tuân theo tiêu chuẩn ASTM D 4985
- xe có động cơ xăng	Chất làm mát "Cool Stream Standard", chất chống đông "SINTEC", chất chống đông "FELIX CARBOX", "NIAGARA GREEN"

Bình chứa nước rửa kính chắn gió

Dung tích bình rửa kính chắn gió là 4,8 L	Sử dụng nước uống tinh khiết khi nhiệt độ không khí môi trường trên 0°C. Sử dụng dung dịch rửa kính chuyên dụng cho ô tô khi nhiệt độ dưới 0°C.
---	--

Bộ phận và cơ chế hoạt động của cabin

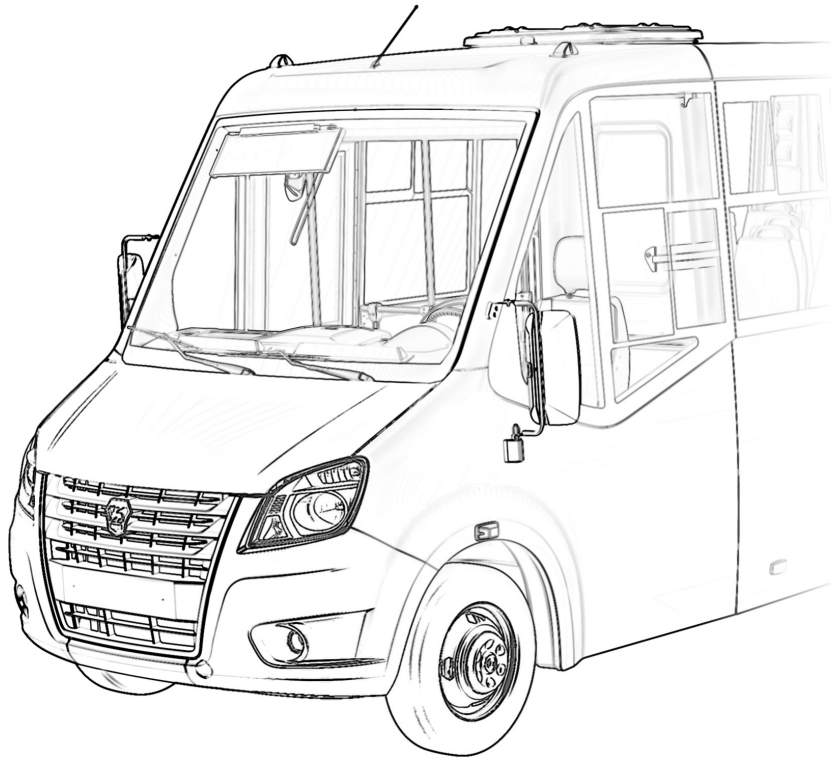
Khóa mui xe	Dầu bôi trơn Litol-24, LITA hoặc Ciatim 201
Công tắc khóa cửa (chỉ bôi trơn khóa xi lanh hoặc lò xo xi lanh đôi nếu cần)	Dầu VMGZ-60, dầu bôi trơn kỹ nước có màu trắng sol khí hoặc không màu dành cho khóa cửa xe (ví dụ: LIQUI MOLY Turschloss-Pflege 7623).



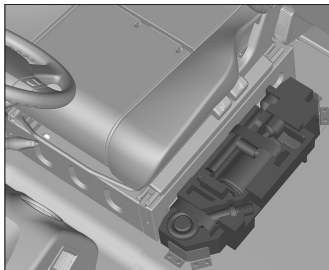
CHÚ Ý!

Đưa nhiên liệu và dầu bôi trơn, chất lỏng và thùng chứa liên quan đã qua sử dụng đến các trạm thu gom sản phẩm phế thải từ dầu.

ĐỀ XUẤT THỰC HÀNH THEO TIÊU CHUẨN

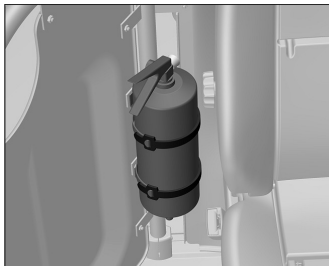


DỤNG CỤ VÀ PHỤ KIỆN



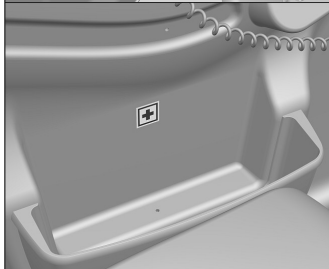
Bộ dụng cụ và kích được đóng gói trong khay đựng chuyên dụng và đặt bên trái ghế lái.

Bộ dụng cụ và phụ kiện, bao gồm một cờ lê cho đai ốc bánh xe S 27, cờ lê cho nắp chụp bánh xe S 6, một cờ lê ống tuýp, một kích thủy lực, một bu lông mắt.



Xe được trang bị bình chữa cháy OP-2, gắn vào tay vịn cabin bên phải ghế lái.

Hướng dẫn sử dụng bình chữa cháy được in trên nhãn dán của bình.



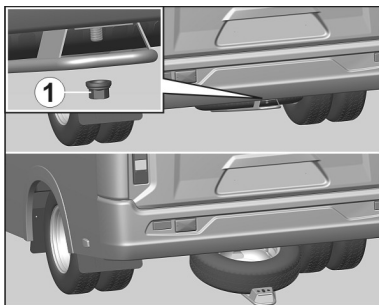
Hộp sơ cứu (do chủ xe tự trang bị) được khuyến nghị bảo quản trong ngăn đựng ở tấm ốp bên trái, nằm bên trái ghế lái.

BÁNH XE DỰ PHÒNG



CHÚ Ý!

Nghiêm cấm lái xe buýt với bánh xe dự phòng lỏng lẻo hoặc không cố định.



Bánh xe dự phòng được đặt ở phía sau thân xe, bên dưới khung sườn, và được cố định bằng giá đỡ chuyên dụng. Giá đỡ được gắn bản lề tại hai điểm vào thanh ngang phía trước của khung xe, và được cố định vào giá đỡ bằng một đai ốc ở phía sau..

Để tháo bánh xe dự phòng, giữ cố định giá đỡ, dùng cờ lê tháo bánh để vặn mở đai ốc số 1 giữ giá đỡ với giá bắt, thả lỏng bánh xe cùng với giá đỡ, lấy bánh xe ra khỏi xe.



CHÚ Ý!

Bánh xe dự phòng phải được đặt vào giá đỡ sao cho phần lõi của mâm bánh hướng xuống dưới.

THAY BÁNH XE



NGUY HIỂM!

Nghiêm cấm thực hiện hiện bất cứ hoạt động nào ở bên dưới xe khi xe đang được nâng bằng kích.

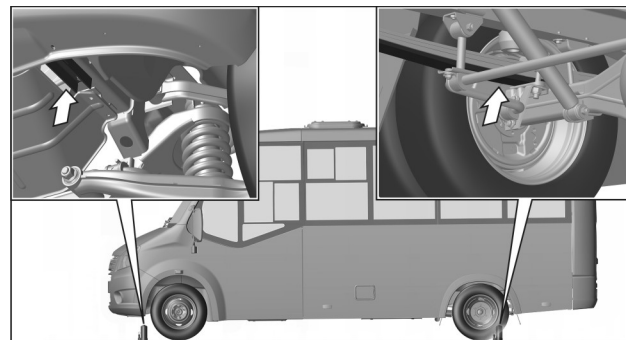
Thay bánh xe như sau:

- Đổ xe trên một khu vực vững chắc và bằng phẳng;
- Kích hoạt phanh đỗ của xe;
- Đặt các cục chèn bánh xe cho các bánh xe ở phía bên đối diện với bánh xe cần tháo;
- Tháo đai ốc của các bánh xe cần tháo;
- Đặt kích nâng dưới khung xe gần bánh trước (khi thay bánh trước) hoặc dưới đĩa thấp nhất của bộ giảm xóc gần thang ở gần bánh xe cần tháo (khi thay bánh sau). Khi nâng bánh xe khỏi mặt đất, thì nên đặt một thanh hoặc một tấm ván ở dưới để đỡ của kích;
- Vận hành cần quay để nâng xe lên để nâng bánh xe xe khỏi mặt đường.
- Tháo đai ốc bánh xe, thay thế bánh xe và siết chặt đai ốc;



- Hạ xe xuống;
- Siết đai ốc đạt đến 30-38 kg và gỡ bỏ các cục chèn. Siết các ốc đối diện đan xen nhau, v.d. như trong hình, thay vì siết lần lượt theo vòng tròn;
- Đưa áp suất lốp về mức bình thường.

Quy tắc dùng kích nâng được quy định trong hướng dẫn sử dụng kích



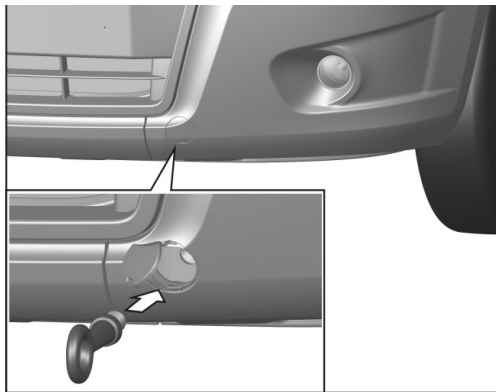
**NGUY HIỂM!**

Momen xoắn của đai ốc bánh xe không đúng có thể gây ra tai nạn giao thông.

**CHÚ Ý!**

Sau khi đi 100 km đầu tiên, hoặc trong trường hợp thay thế lốp (tháo và lắp) và sau 50 km, hoặc trước một chuyến đi dài, hãy kiểm tra đai ốc bánh xe, và xoắn cho đến 30-38 kgf•m, nếu cần thiết.

KÉO XE



Một khuôn dập-và-hàn được gắn vào thanh bên ở phần trước của khung. Khi kéo hoặc giải cứu xe bị xa lầy, siết bu lông mắt vào ống hàn ở khuôn bên trái để gắn dây cáp hoặc dây xích (bu lông mắt được trang bị sẵn theo xe).

Kéo xe như sau:

- Gắn chắc cáp kéo vào xe;
- Bật đèn báo nguy hiểm trên xe được kéo;
- Mở khóa vô lăng để có thể lái xe.

Khi kéo xe, người điều khiển xe kéo là người bắt đầu di chuyển, điều khiển phải thật êm, tránh xóc bất chợt và tăng tốc đột ngột còn người điều khiển phương tiện được kéo phải đảm bảo dây cáp luôn được căng.

Lưu ý rằng nếu động cơ tắt, thì phanh và hệ thống hỗ trợ vô lăng sẽ không hoạt động, do đó sẽ cần tác dụng lực nhiều hơn lên chân phanh và vô lăng.

THÁO DỠ/LẮP ĐẶT ẮC QUY

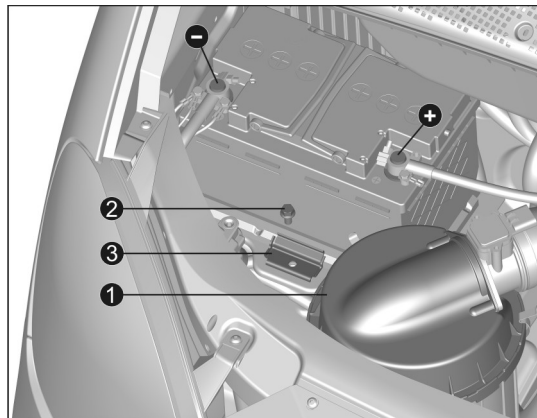
Lần lượt tháo các cực khỏi các đầu nối ắc quy: cực âm trước, sau đó đến cực dương.

Quy trình tháo dỡ ắc quy:

- Tháo nắp đậy 1 của bộ lọc khí và rời nó sang một bên;
- Tháo đai ốc 2 và tháo thanh giữ ắc quy 3;
- Tháo ắc quy khỏi khoang đặt ắc quy.

Để thay thế, sử dụng ắc quy cùng loại có cùng công suất.

Lắp đặt ắc quy theo thứ tự ngược lại.

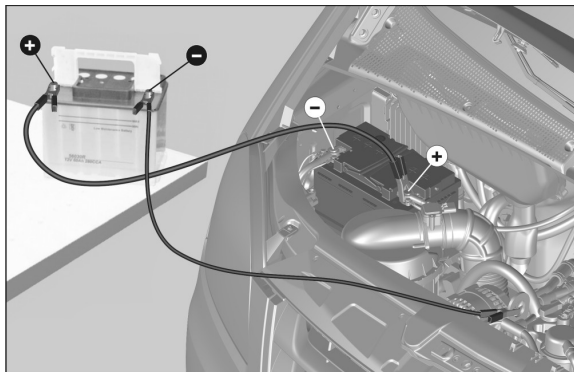


CHÚ Ý!

Các cực phải được nối với đầu nối ắc quy đúng. Không được đảo ngược các cực..

Khi lắp đặt ắc quy, nối cực dương với đầu nối cực dương trước, sau đó nối cực âm với đầu nối cực âm. Bôi dầu nhớt PVK hoặc dầu nhớt rắn vào các đầu nối.

MỎI KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ



Nếu như ắc quy của xe đã hết, thì động cơ cũng có thể được khởi động bằng ắc quy của một xe khác. Trong trường hợp này hai ắc quy phải có cùng điện áp danh định (12 V) và gần tương đồng về công suất (Ah). Các dây mồi phải có kích thước tương đồng.

Tuân thủ chặt chẽ các hướng dẫn dưới đây – ắc quy sẽ gây nguy hiểm nếu thao tác sai, do chúng có thể giải phóng khí gây nổ, có chứa axit sulfuric tương đối mạnh và có thể gây điện giật trong trường hợp ngắn mạch. Ngắn mạch cũng có thể gây sự cố trên thiết bị điện ở cả hai xe.

Khi thao tác với ắc quy:

- Bảo vệ các bộ phận cơ thể chưa bảo vệ và mắt khỏi chất điện phân, sử dụng kính chụp bảo vệ;
- Không được tì lên ắc quy khi khởi động động cơ;
- Không được tháo các cực khỏi các đầu nối của ắc quy đã hết;
- Tắt toàn bộ các thiết bị điện không dùng;
- Bảo đảm rằng các kẹp của dây nối không tiếp xúc với nhau.

Nối kẹp của các dây mồi như sau:

- Một kẹp của dây mồi thứ nhất nối với cực dương (+) của ắc quy còn điện.
- Kẹp còn lại của dây nối đó được nối với cực dương (+) của ắc quy đã cạn.
- Một kẹp của dây mồi thứ hai nối với cực âm (-) của ắc quy còn điện.

- Kẹp còn lại của dây nối đó được nối với móc treo nâng động cơ như trong hình.



CHÚ Ý!

Không được nối kẹp trực tiếp vào cực âm của ắc quy đã hết! Tia lửa điện có thể gây đánh lửa khí dễ nổ do ắc quy giải phóng.

Đi dây nối sau cho tránh được nguy cơ chúng tiếp xúc với các bộ phận quay của động cơ.

- Khởi động động cơ của bạn như hướng dẫn trong mục Khởi động động cơ. Động cơ của xe có ắc quy đã sạc phải dừng.

Cẩn thận tháo các kẹp của dây mỗi tuần thủ đúng theo thứ tự ngược lại

CẦU CHÌ VÀ RỜ LE

Hộp cầu chì trong khoang động cơ

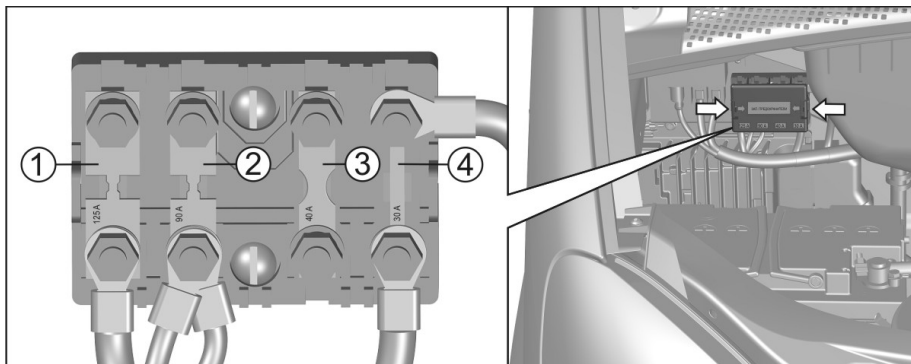
Hộp được đặt ở dưới nắp mui xe, ở bên phải của tấm ngăn phía trước.

Để tiếp cận các cầu chì, ấn hai quai nhựa ở hai bên của nắp đậy và tháo nắp đậy ra.

Lấy cầu chì đã đứt ra, kiểm tra mạch được bảo vệ và lắp đặt cầu chì mới với dòng điện danh định tương tự (có cầu chì dự phòng trong nắp đậy của hộp cầu chì).

Sau khi thay cầu chì dạng lưỡi, siết các đai ốc giữ đến 5,5 đến 7,8 N·m.

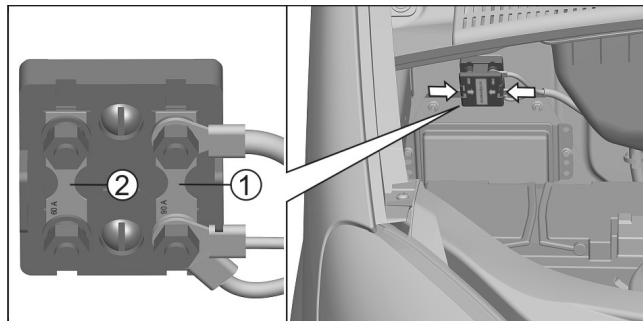
Xe có động cơ diesel



Mạch cầu chì:

- | | | |
|---|------|--|
| 1 | 125A | Bộ làm nóng khí nạp |
| | 150A | Bộ làm nóng khí nạp (xe có động cơ ISF2.8s5F148) |
| 2 | 90A | Mạch dương thông thường của xe |
| 3 | 40A | Dự phòng |
| 4 | 30A | Hệ thống điều khiển động cơ |

Xe có động cơ xăng

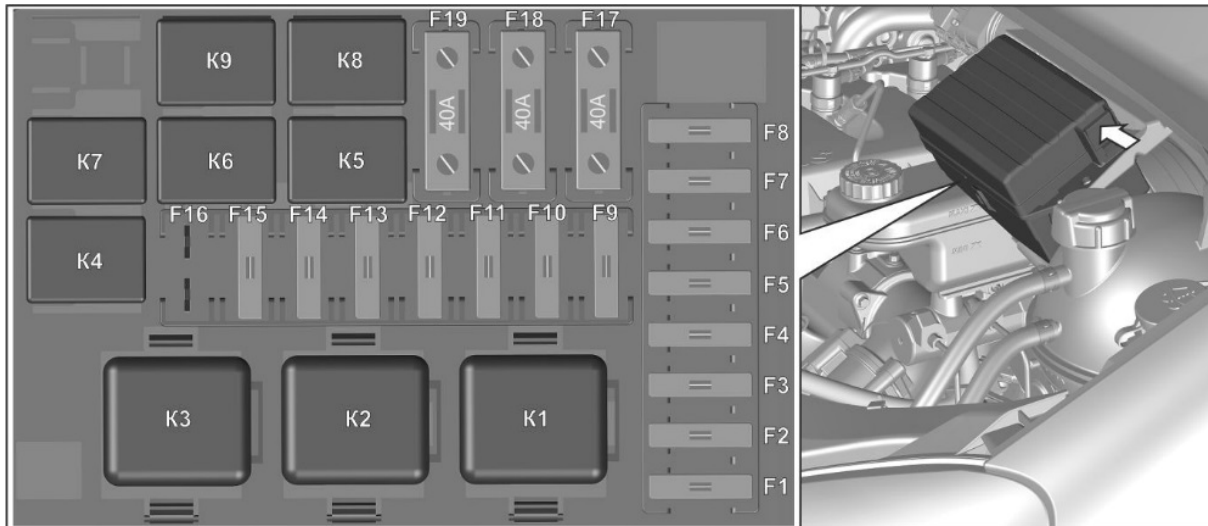


Mạch bảo vệ:

- | | | |
|---|-----|-------------------------|
| 1 | 90A | Mạch dương chung của xe |
| 2 | 60A | Dự phòng |

Hộp cầu chì và Rò le trong khoang động cơ

Hộp được đặt ở dưới nắp, ở bên trái của phần mở rộng bên trên tấm ngăn.



Để tiếp cận các cầu chì và Rò le:

- Ấn quai nhựa ở đầu bên trái của nắp đậy và tháo nắp đậy ra;
- Dùng nhíp để gấp cầu chì gấp sự cố ra;
- Khắc phục sự cố trong mạch được bảo vệ;
- Lắp cầu chì mới;
- Đóng nắp đậy cho tới khi chốt.

Mạch có cầu chì:

Cầu chì

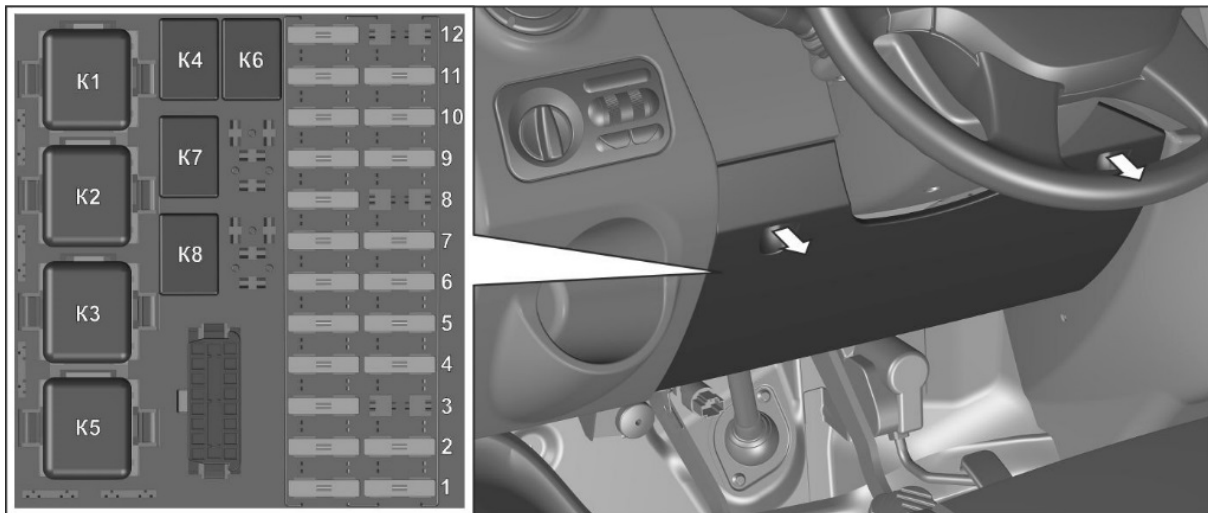
F1	15A	Rò le đèn sương mù
F2	7.5A	Đèn dừng
F3	20A	Rò le tín hiệu còi (xe có động cơ diesel ISF2.8s3129T, ISF2.8s4R129)
F4	25A	Rò le bộ làm nóng nhiên liệu trước (xe có động cơ diesel)
	20A	Rò le chính (xe có động cơ xăng)
F5	25A	Bộ làm nóng nước làm mát (xe có động cơ diesel)
	5A	Bộ điều khiển động cơ (xe có động cơ xăng)
F6	25A	Công tắc thiết bị và bộ khởi động (xe có động cơ diesel ISF2.8s3129T, ISF2.8s4R129)
	20A	Máy sưởi tự động (xe có động cơ diesel)
	15A	Bơm nhiên liệu (xe có động cơ xăng)
F7	25A	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)
F8	20A	Máy sưởi tự động
	25A	Quạt điện tản nhiệt (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)
F9	10A	Đèn cốt (đèn trước bên trái)
F10	10A	Đèn cốt (đèn trước bên phải)
F11	10A	Đèn pha (đèn trước bên trái)
F12	10A	Đèn pha (đèn trước bên phải)
F13	5A	Đèn kích thước (bên trái)

F14	5A	Đèn kích thước (bên phải)
F15	7.5A	Đèn lùi
F16	—	Dự phòng
F17	40A	Máy sưởi
F18	40A	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)
F19	40A	Công tắc (đánh lửa) khởi động (xe có động cơ xăng và động cơ diesel ISF2.8s5F148)
Rò le		
K1	Rò le đề	
K2	Rò le bộ làm nóng nhiên liệu trước	
K3	Rò le cần gạt nước (xe có động cơ diesel)	
	Rò le chính (xe có động cơ xăng)	
K4	Rò le quạt điện tản nhiệt (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)	
K5	Rò le đèn cốt	
K6	Rò le đèn pha	
K7	Rò le đèn sương mù	
K8	Rò le tín hiệu còi (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)	
	Rò le bơm nhiên liệu (xe có động cơ xăng)D9	
K9	Rò le khóa đề (xe có động cơ diesel)	
	Rò le ly hợp quạt (xe có động cơ xăng)	

Hộp cầu chì và Rờ le bảng điều khiển

Hộp được đặt ở đáy của bảng điều khiển, bên dưới trụ tay lái.

Để tiếp cận các cầu chì, kéo nắp đây để mở hộp.



Mạch có cầu chì:

Cầu chì hàng bên trái

1	7.5A	Đèn chạy ban ngày
2	5A	Đèn sương mù sau

3	7.5A	Đèn xi nhan rẽ
4	7.5A	Cụm đồng hồ, cảm biến tốc độ, tấm sưởi ("15/1")
5	5A	Hệ thống điều khiển động cơ (xe có động cơ diesel)
	15A	Hệ thống điều khiển động cơ (xe có động cơ xăng)
6	5A	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)
7	20A	Mỗi thuốc, ổ cắm điện
	10A	Mỗi thuốc (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)
8	15A	Đèn cảnh báo khẩn cấp
	15A	Âm thanh. Liên lạc nội bộ (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)
9	15A	Mô-đun điều khiển đèn, chiếu sáng
10	10A	Hệ thống chiếu sáng bên trong
11	15A	Âm thanh nổi, loa ngoài
	10A	Đèn cảnh báo khẩn cấp (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)
12	7.5A	Cụm đồng hồ, hộp chẩn đoán, hộp bảng điều khiển bộ sưởi (+ 12V)

Cầu chì hàng bên phải

1	20A	Cần gạt nước, vòi phun rửa kính chắn gió
2	10A	Mô-đun điều khiển đèn
3	—	Dự phòng
4	10A	Ổ cắm điện (xe có động cơ diesel ISF2.8s5F148)
5	10A	Bộ làm nóng gương

6	10A	Bộ sườn ghế tài xế
7	15A	Bộ sườn tăng cường
8	—	Dự phòng
9	10A	Khóa vi sai
10	25A	Cửa điện, đèn cửa (xe có động cơ diesel ISF2.8s3129T, ISF2.8s4R129)
	20A	Còi bơm (xe có động cơ xăng và động cơ diesel ISF2.8s5F148)
11	25A	Cửa điện, đèn cửa (xe có động cơ xăng và động cơ diesel ISF2.8s5F148)
12	—	Dự phòng
Rờ le		
K1	Rờ le gạt nước	
K2	Rờ le bộ sườn	
K3	Rờ le xả khóa	
K4	Rờ le bộ sườn tăng cường (xe có động cơ diesel)	
K5, K6	Rờ le bảng điều khiển ánh sáng	
K7	Rờ le khóa vi sai	
K8	Rờ le tín hiệu âm thanh (xe có động cơ xăng và động cơ diesel ISF2.8s5F148)	

THAY BÓNG ĐÈN

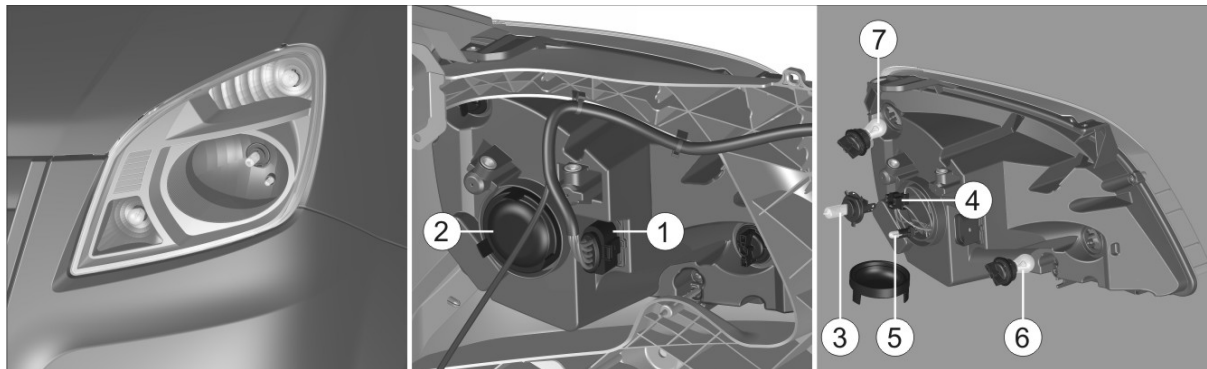
Thay bóng đèn pha



CẢN TRỌNG!

Không dùng ngón tay chạm vào bóng đèn halogen mới và đèn pha cũng như đèn sương mù.

Có thể tiếp cận bóng đèn từ khoang động cơ của xe.



Thay bóng đèn như sau:

- Tắt tất cả hệ thống đèn;
- Ngắt đầu kết nối 1

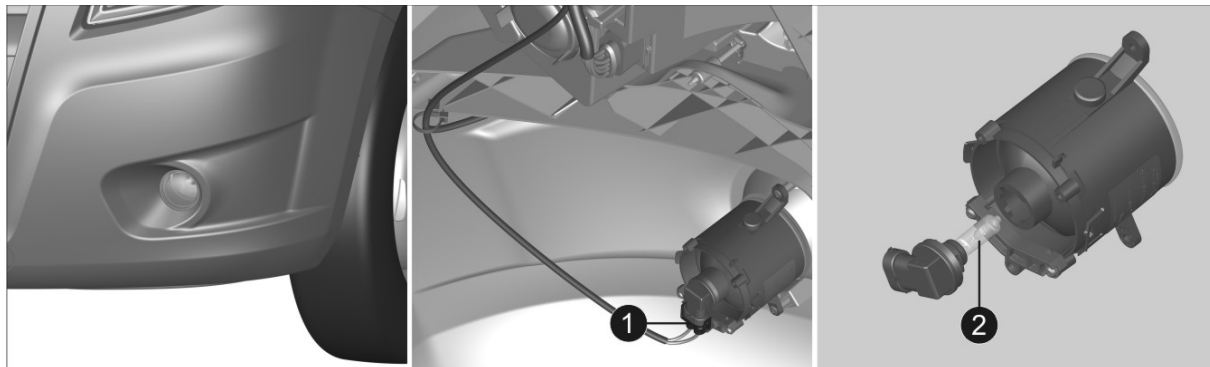
Tháo bóng đèn:

- Đèn pha/ cột 3: tháo nắp 2 ra khỏi ổ cắm của đèn đang thay và đầu kết nối 4, sau đó ấn cần lò xo xuống để nhả đèn ra khỏi khớp trên chóa đèn và tháo đèn ra;
- Đèn xi nhan rẽ 5: tháo đèn ra bằng cách nắm đuôi đèn;
- Đèn ban ngày 6: vặn đuôi đèn và tháo đèn;

- Đèn báo rẽ 7: vặn đuôi đèn và tháo đèn. Bạn có thể tiếp cận đèn sương mù từ dưới cần.

Thay bóng đèn sương mù

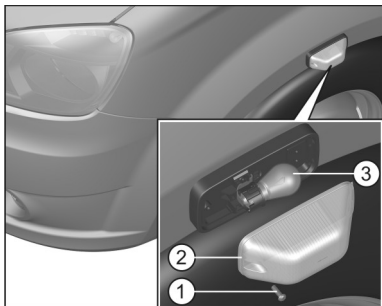
Có thể tiếp cận các bóng đèn đèn sương mù từ phía dưới cần trước.



Thay bóng đèn như sau:

- Tháo đầu nối 1;
- Xoay đuôi đèn, tháo bóng đèn và bộ đuôi đèn ra 2. Luôn thay thế cả bóng đèn và bộ đuôi đèn.

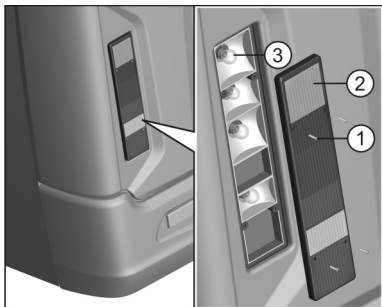
Thay bóng đèn xi nhan rẽ



Thay bóng đèn như sau:

- Tháo vít 1, sau đó tháo chụp đèn xi nhan 2;
- Tháo đèn 3.

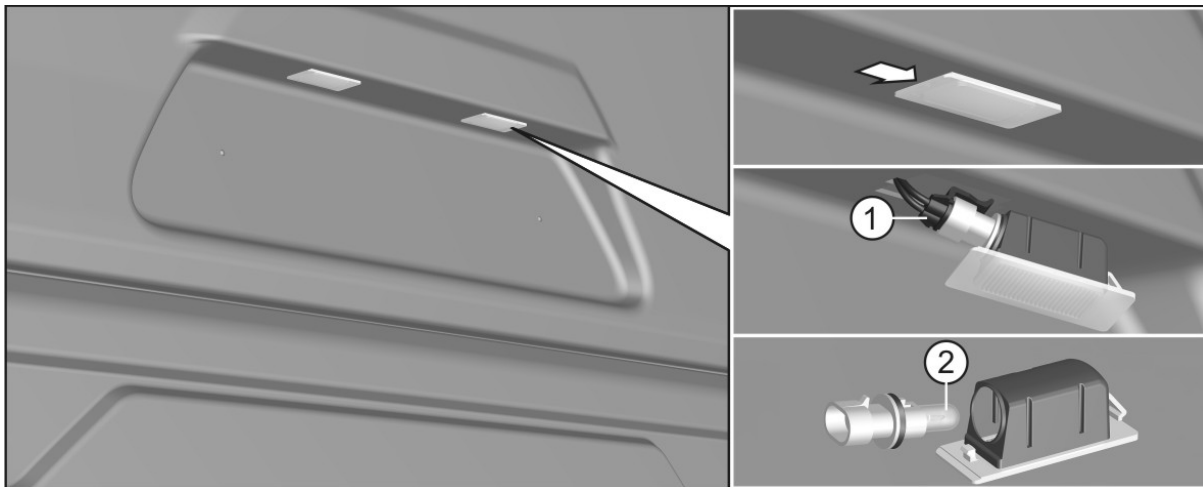
Thay bóng đèn hiệu đuôi



Thay bóng đèn như sau:

- Tháo bốn vít 1 chụp đèn 2 và lấy chụp đèn ra;
- Tháo đèn 3.

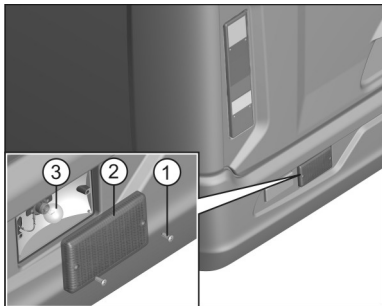
Thay bóng trong đèn biển số



Thay bóng đèn như sau:

- Chèn một tước nơ vít vào rãnh ở đầu bên trái của đèn, đẩy đèn sang bên phải cho đến khi chốt được nhả ra và tháo đèn ra;
- Tháo giắc số 1, vặn và tháo đèn 2.

Thay bóng đèn sương mù phía sau



Thay bóng đèn như sau:

- Tháo hai vít 1 của cố định mặt đèn 2 và tháo mặt đèn ra;
- Rút bóng đèn số 3 ra.

Thay bóng đèn kích thước bên, đèn viền và đèn trong cabin

Các đèn kích thước bên, đèn viền và đèn trong cabin được trang bị bóng đèn LED, không cần thay thế trong suốt vòng đời sử dụng của xe buýt..

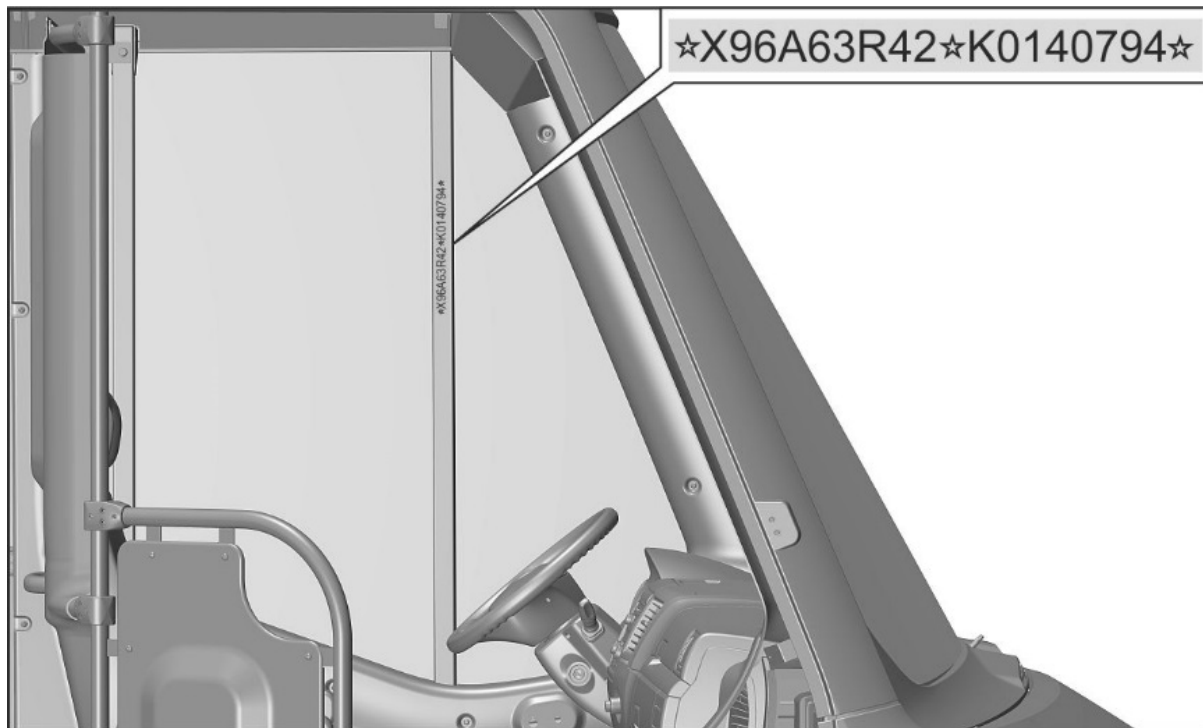
CÁC BÓNG ĐÈN SỬ DỤNG TRÊN XE

Chức năng và vị trí	Loại	Công suất, W
Đèn pha		
Đèn cốt/ pha	H4	55/60
Đèn kích thước	W5W	5
Đèn ban ngày	P21W	21
Đèn xi nhan rẽ	PY21W	21
Đèn sương mù	H11	55
Đèn báo rẽ nháy liên tục	PY21W	21
Đèn hiệu đuôi:		
Đèn xi nhan rẽ	P21W	21
Đèn kích thước	R5W	5
Đèn phanh	P21W	21
Đèn báo lùi	P21W	21
Đèn sương mù	P21W	21
Đèn biển số	W5W	5
Đèn mờ thuốc và ổ cắm	A12-1.2	1,2
Đèn báo công tắc đèn báo khẩn cấp	A12-1.2	1,2

SỐ NHẬN DẠNG PHƯƠNG TIỆN

Dữ liệu hộ chiếu của Số nhận dạng phương tiện (VIN), số nhận dạng thân xe, số nhận dạng động cơ và bảng tên .

Số nhận dạng phương tiện (VIN) được dán trên cột cửa sổ bên trái phía trước theo hướng di chuyển của xe buýt.



Ví dụ về việc số nhận dạng VIN:

☐X96A63R42☐K0140794☐ hoặc *X96A63R42*K0140794*, trong đó

X96 – Số nhận dạng quốc gia và hàng sản xuất của nhà máy ô tô GAZ, LLC;

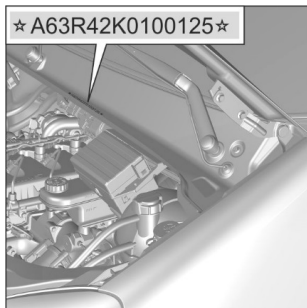
A63R42 – Mẫu xe hoặc phiên bản xe;

K - mã năm mẫu xe (K - 2019, L - 2020, M - 2021);

0140794 - số sê-ri của xe

Năm model là một khoảng thời gian, thường bằng một năm dương lịch, trong đó loạt xe sản xuất với cùng các chi tiết thiết kế..

Số nhận dạng thân xe được dập ở dưới nắp mui xe ở trên tấm bên ngoài phía trước ở bên tay trái hoặc bên tay phải khi nhìn vị trí của người lái xe.



Ví dụ về số nhận dạng thân xe:

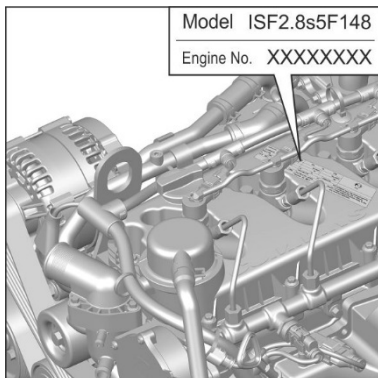
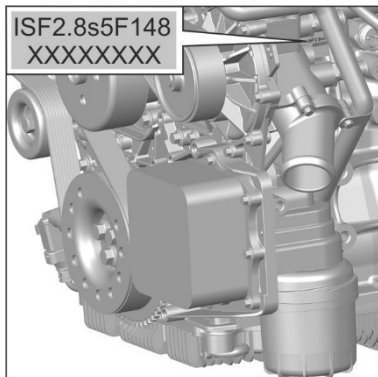
☐A63R42K0100125☐ hoặc

A63R42K0100125, trong đó:

A63R42 – Mẫu xe hoặc phiên bản xe;

K - mã năm mẫu xe;

0100125 - số sê-ri thân xe.



Số nhận dạng động cơ ISF2.8 được dập nổi ở phía bên trái của khối xi lanh.

Ví dụ về số nhận dạng động cơ:

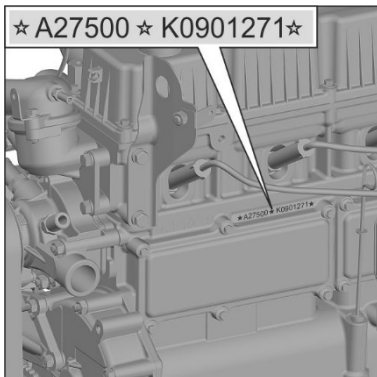
ISF2.8s5F148

XXXXXXXX, trong đó:

ISF2.8s5F148 - số động cơ;

XXXXXXXX - số sê-ri động cơ.

Số nhận dạng động cơ được sao lại trên bảng tên động cơ trên nắp đậy trục cò mổ.

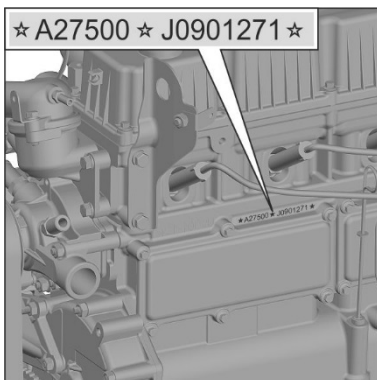


Số nhận dạng động cơ Evotech (A275) được dập nổi ở phía bên trái của khối xi lanh.

Ví dụ về số nhận dạng động cơ:

☞A27500☞K0901271☞, trong đó:

- A27500 - mã động cơ có điều kiện bao gồm sáu ký tự, trong đó bốn ký tự đầu tiên chỉ ra mẫu động cơ (A275).
- K0901271 - số động cơ gồm tám ký tự (số và chữ Latinh), trong đó ký tự đầu tiên (chữ hoặc số Latinh) cho biết năm sản xuất động cơ, ký tự thứ hai và thứ ba - tháng sản xuất, các dấu hiệu tiếp theo - số sê-ri của động cơ phát hành trong tháng hiện tại. Các mã sau đây đã được thông qua để chỉ ra năm sản xuất: 2019 – K; 2020 – L, 2021 – M.

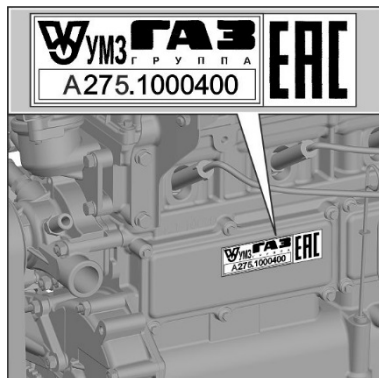


Số nhận dạng động cơ Evotech (A275) được dập nổi ở phía bên trái của khối xi lanh.

Ví dụ về số nhận dạng động cơ:

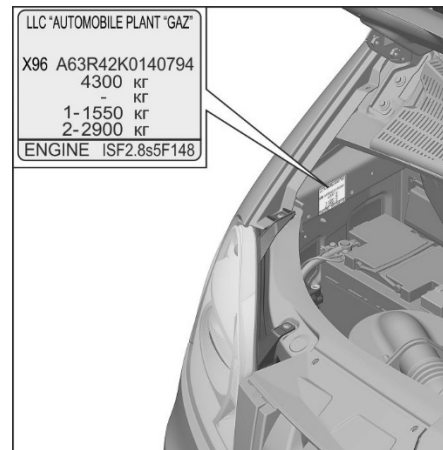
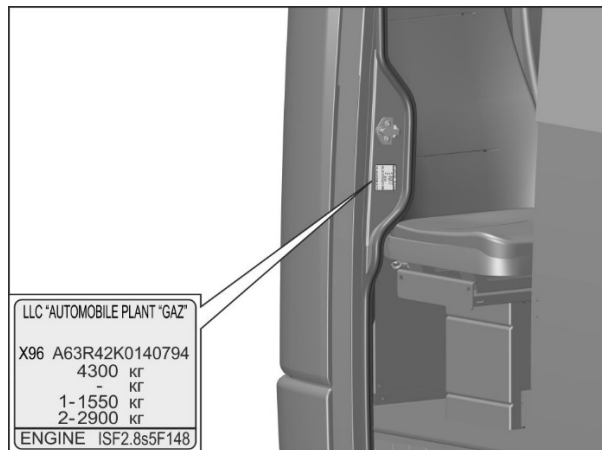
☞A27500☞J0901271☞, trong đó:

- A27500 - mã động cơ có điều kiện bao gồm sáu ký tự, trong đó bốn ký tự đầu tiên chỉ ra model động cơ (A275).
- J0901271 - số động cơ bao gồm tám ký tự (số và chữ Latinh), trong đó ký tự đầu tiên (chữ hoặc số Latinh) cho biết năm sản xuất động cơ, ký tự thứ hai và thứ ba - tháng sản xuất, các dấu hiệu tiếp theo - nối tiếp số lượng động cơ phát hành trong tháng hiện tại. Các mã sau đây đã được thông qua để chỉ ra năm sản xuất: 2018 – J; 2019 – K, 2020 - L.



Ký hiệu phiên bản máy. Tầm ký hiệu phiên bản máy được đặt trên nắp của hộp đẩy.

Biển tên (nameplate) được gắn trên trụ phía sau của cửa thoát hiểm bên phải hoặc trên tấm ốp bên phải ở đầu xe.



LLC "AUTOMOBILE PLANT "GAZ"	
X96 A63R42K0140794	← a
4300 кг	← b
- кг	← c
1- 1550 кг	← d
2- 2900 кг	← e
ENGINE ISF2.8s5F148	← f

Ví dụ về một bảng tên với dữ liệu nhận dạng xe, trong đó:

a - Số nhận dạng xe (VIN) của xe;

b – Tổng trọng lượng xe;

c - Tổng trọng lượng kết hợp;

d - Tổng trọng lượng trục trước;

e – Tổng trọng lượng cầu sau;

f - Mẫu động cơ.

Số nhận dạng trên nhãn hàng hóa phương tiện phải trùng với số nhận dạng trên khung và mẫu động cơ phải trùng với mẫu động cơ được dập trên động cơ.

Bảng đặc biệt (nếu có) mang các thông tin về các chứng nhận quốc tế (phê chuẩn chính thức) về mọi sửa đổi đối với xe của một dây truyền được đặt gần nhãn hàng hóa phương tiện của nhà sản xuất.

Mỗi xe cụ thể sẽ chỉ được cung cấp các giấy chứng nhận tương ứng với phiên bản xe và loại động cơ được trang bị trên xe đó.

TIÊU HỦY XE

Xe không chứa các chất gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe hoặc môi trường.

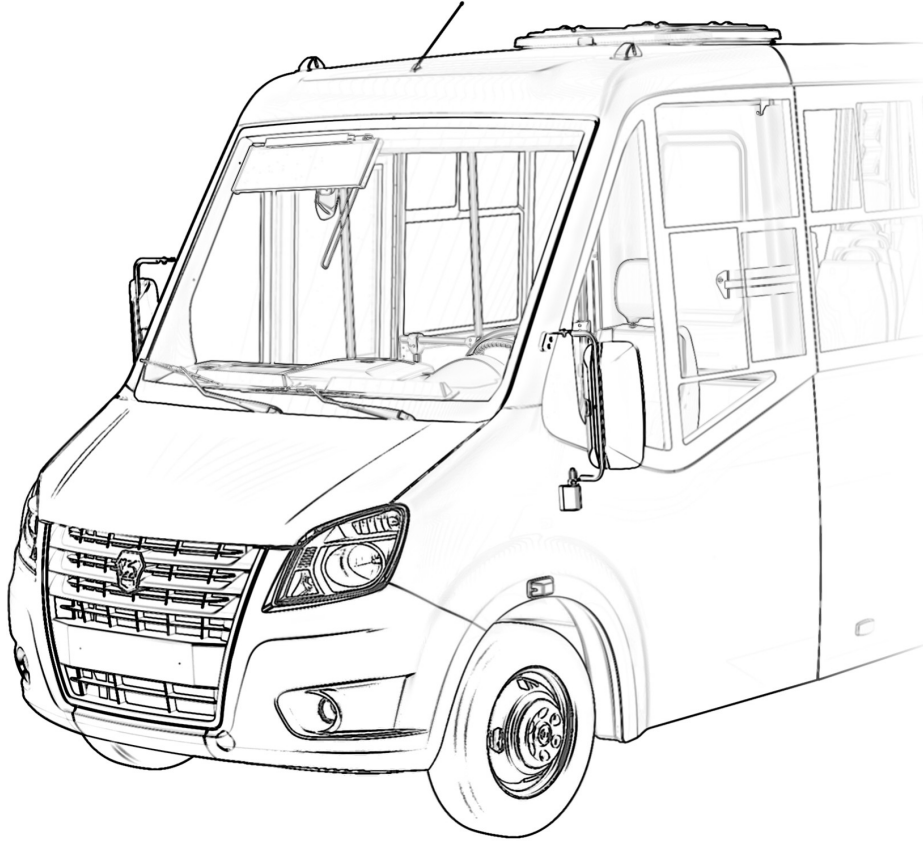
Khi tiêu hủy một chiếc xe sau khi hết thời hạn sử dụng (vận hành), bạn phải:

- Xả dầu ra khỏi cacte động cơ, bộ truyền động, hệ thống lực trợ lực lái và gửi đi tái chế theo quy định;
- Xả chất làm mát ra khỏi hệ thống làm mát và đổ vào thùng chứa có thể bảo quản;
- Tháo rời hoàn toàn xe thành từng bộ phận riêng lẻ, phân loại thành nhóm vật liệu: thép, gang, nhôm, kim loại màu và kim loại quý, cao su và nhựa, sau đó gửi đi tái chế theo quy định.

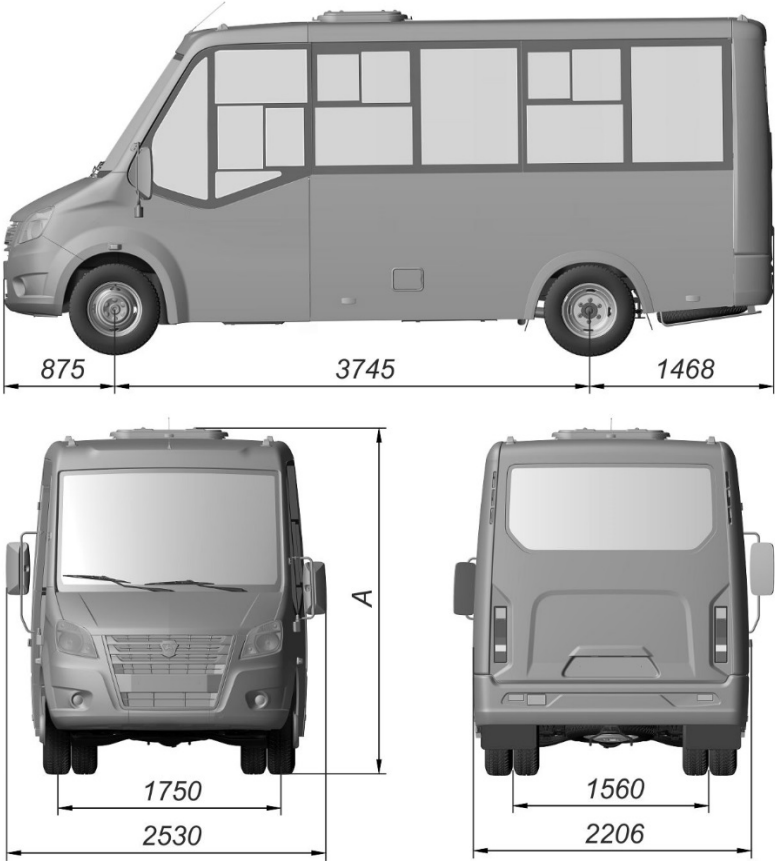
Trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe, gửi các bộ phận, cụm chi tiết cần thay thế (nếu có) đi tái chế sau khi đã tháo rời các bộ phận và phân loại theo vật liệu.

Nên mang ắc quy và lọc dầu đến các điểm thu gom chuyên dụng.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



KÍCH THƯỚC CHÍNH



A=2,720 mm (không có điều hòa);
A=2,860 mm (có điều hòa).

THÔNG TIN CHUNG

Thông số	Mẫu xe		
	A63R42/ A63R43	A64R42	A64R43
Loại xe	B		A
Sức chứa, người	18	19/22	19
Bao gồm người ngồi	18		18
Tổng trọng lượng xe, kg	4.292/4.183	4.252/4.525	4.145
Tổng trọng lượng xe không tải, kg	3.014/2.905	2.960/3.029	2.853
Tổng tải trọng lên trục, kg			
Phía trước	1.465/1.348	1.489/1.544	1.339
Phía sau	2.827/2.835	2.763/2.981	2.806
Khoảng sáng gầm xe (dưới vỏ cầu sau khi xe tải đầy) [mm]	170		170
Bán kính vòng quay tối thiểu của bánh trước bên ngoài [m]	6,6		6,6
Tốc độ xe tối đa trên đường cao tốc bằng phẳng [km/h]	110		110
Góc phân nhô ra (có tải) [°]:			
Góc tới	22		22
Góc thoát	14		14
Khả năng leo dốc tối đa khi tải đầy [%]	25/20	25	20

ĐỘNG CƠ

Mẫu	ISF2.8s3129T	ISF2.8s4R129	ISF2.8s5F148
Hạng phát thải	3	4	5
Loại	Diesel, tăng áp turbo có làm mát khí nạp		
Số lượng và bố trí xi lanh	4 - thẳng hàng		
Đường kính trong xi lanh và hành trình [mm]	94x100		
Dung tích xi lanh [L]	2,8		
Tỉ số nén	16,5	16,9	16,9
Mã lực tối đa [kW (h.p.)]	88,3 (120)	88,7 (120,6)	102,7 (139,7)
ở mức RPM động cơ	3.200		3.400
Momen xoắn thực tối đa (kgf.m) ¹⁾	297 (30,3)	295 (30,0)	320 (32,6)
ở mức RPM động cơ	1.600-2.700		1.400-2.700
Thứ tự khởi động	1-3-4-2		
Rpm động cơ chạy không, vòng/ phút			
tối thiểu (n _{min. xx})	750±50		800±50
tối đa (n _{max. xx})	3.600		3.800
Hướng quay trục khuỷu (từ phía quạt)	Bên phải		

¹⁾ Ghi momen xoắn tối đa ở số 4. Momen xoắn được giới hạn đối với các số khác (trừ đối với các xe có khối lượng tổng là 4,6 tấn).

Mẫu	A274	A275
Hạng phát thải	4	5
Loại	Xăng, 4 thì, loại kim phun	
Số lượng và bố trí xi lanh	4, thẳng	
Đường kính trong xi lanh và hành trình [mm]	96.5x92	
Dung tích xi lanh [L]	2,69	
Tỉ số nén	10,0	
Mã lực tối đa [kW (h.p.)]	78,5 (106,8)	
ở mức RPM động cơ	4.000	
Momen xoắn thực tối đa [N·m (kg·f/m)]	220,5 (22,5)	
ở mức RPM động cơ	2.350±150	
Thủ tục khởi động	1-2-4-3	
Rpm động cơ chạy không, vòng/ phút		
tối thiểu ($n_{\min. xx}$)	800±50	
tăng ($n_{\text{incr. } xx}$)	3.000	
Hướng quay trục khuỷu (từ phía quạt)	Bên phải	

TRUYỀN ĐỘNG

Ly hợp

Hộp số (Phiên bản 1)

Hộp số (Phiên bản 2)

Đường truyền lực

Cầu sau:

Truyền động bánh sau

Vì sai

1 đĩa ma sát khô, dẫn động thủy lực

Số cơ, 5 cấp số

Tỷ số truyền

Tốc độ 1 – 3.786

Tốc độ 2 – 2.188

Tốc độ 3 – 1.304

Tốc độ 4 – 1.0

Tốc độ 5 – 0.794

Số lùi – 3.28

Số cơ, 5 cấp số

Tỷ số truyền

Tốc độ 1 – 4.05

Tốc độ 2 – 2.34

Tốc độ 3 – 1.395

Tốc độ 4 – 1.0

Tốc độ 5 – 0.849

Số lùi – 3.51

Hai trục với ba khớp nối đa dụng và ổ trục giữa

Bánh răng hypoit, tỷ số truyền là 4,556

Hình nón, kiểu bánh răng

KHUNG GÀM

Bánh xe

Đĩa, vành liền 5½ Jx16H2

Lốp

Khí nén, bố thép, lốp đúc, cỡ 185/75R16C

Hệ thống treo

Phía trước

Độc lập, dạng tay đòn ngang, sử dụng lò xo cuộn và thanh cân bằng

Phía sau

Hai lò xo lá bán elip dọc theo chiều xe, có trang bị thanh cân bằng

Bộ giảm xóc

Số lượng 4, bóng hơi, dạng ống lồng, tác dụng kép

HỆ THỐNG LÁI

Cơ cấu lái tích hợp (có trợ lực lái)

Bơm trợ lực lái

Trụ lái

Loại giá đỡ

Kiểu cánh quạt, hoạt động kép

Điều chỉnh được độ nghiêng

HỆ THỐNG PHANH

Hệ thống phanh chính

Phanh:

bánh trước

bánh sau

Hệ thống phanh khẩn cấp

Hệ thống phanh đỗ xe

Mạch đôi, vận hành thủy lực có bầu trợ lực phanh chân không và ABS

Phanh đĩa

Phanh tang trống hoặc Phanh đĩa

Từng mạch của hệ thống phanh chính

Phanh dây cáp cơ học trên bánh sau

THIẾT BỊ ĐIỆN

Loại thiết bị điện

DC, dây đơn, cực âm của nguồn điện và của thiết bị sử dụng được kết nối vào thân xe.

Điện áp danh định, V

12

Máy phát điện:

ISF2.8

5272666

Evotech

5122.3771-50 hoặc 32182.3771

Bộ khởi động:

ISF2.8

5311304

Evotech

11.131.675

Ắc quy:

ISF2.8

6CT-85VL

Evotech

6CT-66LR hoặc 6CT-66VL

THÂN XE

Thân xe

Dạng khung, dòng semi-bonnet, có hai cửa: cửa phục vụ phía trước và cửa thoát hiểm phía sau

Cửa phục vụ phía trước

Một cánh, bản lề, điều khiển bằng cơ điện, có khả năng mở cửa khẩn cấp từ bên ngoài

Cửa thoát hiểm phía sau

Dạng bản lề, gắn bản lề bên ngoài thân xe, mở bằng tay

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CẦN GIÁM SÁT

Áp suất lốp, kPa (kgf/cm²):

A63R42, A64R42 (ngoại trừ xe có tổng trọng lượng 4,6 tấn)

bánh trước

370+10 (3.8+0.1)

bánh sau

380+10 (3.9+0.1)

bánh xe dự phòng

380+50 (3.9+0.5)

A64R42 (đối với xe có tổng trọng lượng 4,6 tấn)

bánh trước

400+10 (4.1+0.1)

bánh sau

400+10 (4.1+0.1)

bánh xe dự phòng

400+10 (4.1+0.1)

A63R43, A64R43

bánh trước

350+10 (3.6+0.1)

bánh sau

380+10 (3.9+0.1)

bánh xe dự phòng

380+50 (3.9+0.5)

Nhiệt độ làm việc tối thiểu của khuyến cáo cho chất làm mát , °C:

ISF2.8

71

Evotech

80

Nhiệt độ chất làm mát tối đa cho phép , °C:

110

Hành trình tự do của chân côn , mm

6,0-8,5

Độ dày tối thiểu cho phép của lớp vật liệu ma sát , mm:

đôi với má phanh đĩa trước	2,0
đôi với má phanh đĩa phía sau (đối với buýt có phanh đĩa)	2,0
đôi với lót phanh trống phía sau (đối với các buýt có phanh kiểu trống)	1,0
Độ dốc tối thiểu mà phanh đậu xe phải giữ được xe đã tải đầy đúng yên ,%	16
Độ thẳng hàng bánh trước (đối với xe lắp ráp):	
Góc nghiêng dọc trụ lái	$+3^{\circ}\pm 1^{\circ}$
Chênh lệch bánh trái-phải	Không quá 30'
Góc nghiêng ngang của từng bánh	$-0^{\circ}22'\dots +0^{\circ}3'$ $(-0^{\circ}12'\dots -0^{\circ}7')^{*}$
Độ chụm của từng bánh	$-0^{\circ}4'\dots +0^{\circ}1'$ $(-0^{\circ}4'\dots -0^{\circ}1')^{*}$
Độ rơ vô lăng tối đa	20°

* Các góc này được thiết lập bởi kỹ thuật viên tại trạm dịch vụ.

MỤC LỤC

	Trang	Trang
Giới thiệu	3	
Trước khi vận hành		
Chìa khóa	5	36
Mở và khóa ổ khóa cửa, bậc lên xuống có thể thu vào	6	38
Ghế ngồi	10	41
Trụ lái	13	42
Dây đai an toàn	14	44
Gương chiếu hậu	15	45
Bảng điều khiển và các nút điều khiển	17	54
Cụm đồng hồ	19	55
Công tắc (đánh lửa) thiết bị và bộ khởi động	32	57
Cần điều khiển	33	58
Vận hành xe buýt		
Nạp liệu xe buýt	60	72
Cho xe chạy rô-đà	63	75
Lái xe	64	76
Lái xe tiết kiệm nhiên liệu	66	77
Khởi động và tắt động cơ	68	79
	Bánh và lốp xe	81
Bảo trì		
Bảo dưỡng định kỳ	87	100
Đèn bảo dưỡng	89	101
Kiểm tra bắt buộc	92	102
		157

Mở và đóng mui xe	94	Bình ắc quy	103
Động cơ	95	Thiết bị rửa kính chắn gió	104
Hệ thống làm mát	97	Cần gạt nước	105
Hộp số	98	Bảo dưỡng xe	107
Cầu sau	99	Dung tích bình chứa nhiên liệu, nhiên liệu, dầu bôi trơn, chất lỏng	109

Đề xuất thực hành theo tiêu chuẩn

Dụng cụ và phụ kiện	114	Cầu chì và Rờ le	122
Bánh xe dự phòng	115	Thay bóng đèn	131
Thay bánh xe	116	Các bóng đèn sử dụng trên xe	136
Kéo xe	118	Số nhận dạng phương tiện	137
Tháo dỡ/ lắp đặt ắc quy	119	Tiêu hủy xe	143
Môi khởi động động cơ	120		

Thông số kỹ thuật

Kích thước chính	145	Hệ thống lái	151
Thông tin chung	146	Hệ thống phanh	152
Động cơ	147	Thiết bị điện	153
Truyền động	149	Thân xe	154
Khung gầm xe	150	Các thông số chính cần giám sát	155